



284 ANH HÙNG HÀO KIẾT CỦA VIỆT NAM - TẬP 4

Tác giả : Vũ Thanh Sơn

Nxb Công an Nhân dân 01/2009

Số trang : 180. Kích thước : 14.5 x 20.5cm

**Thực hiện ebook : hoi_ls
(www.e-thuvien.com)**

LỜI GIỚI THIỆU

ĐỘI VĂN

VŨ GIÁC

ĐỀ VINH

ĐỐC TÍT

NGUYỄN TRUNG LAN

LƯU KỲ

ĐỀ YÊM

LÃNH MẬU

CỬ BÌNH

LÃNH ĐẬU

ĐỀ QUÝ

NGUYỄN HỮU ĐỨC

CHÁNH TÍNH

LÃNH SẬY

PHẠM VĂN BAN

DƯƠNG VĂN ĐIỂN

ĐỘC CỌP

NGUYỄN VĂN SUNG

NGUYỄN SUNG

ĐỘC GIỚI

LÃNH MỊCH

NGUYỄN DUY HIỆU

NGUYỄN HÀM

HỒ HỌC

LÊ VĨNH HUY

LÊ TRUNG ĐÌNH

NGUYỄN DUY CUNG

MAI XUÂN THƯỜNG

NGUYỄN THẾ TRIẾT

LÊ CÔNG CHÁNH

TRỊNH PHONG

ĐÀO CÔNG BỬU

BỒN SƯ NGÔ LỢI

LÊ THÀNH PHƯƠNG

VÕ TRÚ

ĐỒ ĐÀM

TRẦN TRỌNG CUNG

CAI NGÀ

NGUYỄN THỊ MÃO

NGUYỄN CÔNG VẠN

NGUYỄN HÀNG CHI

NGUYỄN HIỆT CHI

LÊ BÁ TRINH

TỔNG KIÊM - ĐỘC BANG

PHẠM CHÁNH - PHẠM LUÂN - NGUYỄN SUM

KỲ ĐỒNG NGUYỄN VĂN CẨM

MẠC ĐÌNH PHÚC

NGUYỄN BÁ ÔN

NGUYỄN THÁI PHÚC

BÙI TAM ĐỒNG

TRẦN XUÂN SẮC

SƯ CỤ VƯƠNG QUỐC CHÍNH

ĐỖ ĐỨC KIÊN

NGUYỄN HANH

SƯ CỤ THÍCH THANH TRANG

ĐỒ MẬU

LANG XÁNG

HOA VĂN TRÚ - HOA VĂN CHÂU - HOA VĂN HÙNG

VUA THÀNH THÁI

ĐOÀN VĂN CỰ

TÀI LIỆU BIÊN SOẠN CHÍNH

LỜI GIỚI THIỆU

Bộ sách “**284 Anh hùng hào kiệt của Việt Nam**” bao gồm 5 tập với tổng cộng gồm 1000 trang của tác giả Vũ Thanh Sơn viết về chân dung các nhân vật lịch sử Việt Nam. Nhà văn, nhà báo Vũ Thanh Sơn đã tập trung khắc họa lại tương đối đầy đủ và toàn diện về chân dung của 284 Anh hùng hào kiệt của Việt Nam từ cuối Thế kỷ XIX đến đầu Thế kỷ XX. Trong đó nhiều nhân vật mà các cuốn sách đã xuất bản từ trước đến nay chưa hề được đề cập đến. Bằng công trình của mình không những tác giả đã đóng góp phần bổ sung cho những thiếu vắng của lịch sử nước nhà (đặc biệt là về nhân vật và sự kiện) mà còn góp phần tuyên truyền, giáo dục những tấm gương tiêu biểu cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc - đó là sự nghiệp đấu tranh chống ngoại xâm giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc.

Chân dung các nhân vật lịch sử Việt Nam trong thời kỳ lịch sử cận đại được tác giả Vũ Thanh Sơn tập trung khắc họa ở 3 nhóm chính tương ứng với ba thời kỳ sôi động của lịch sử Việt Nam, đã có biết bao anh hùng, nghĩa sĩ hô hào nhân dân vũ trang đánh đuổi giặc Pháp:

Đó là thời kỳ đầu tranh chống thực dân Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX (từ khi liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng tại bán đảo Sơn Trà, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam 1/9/1858).

Là phong trào Cần Vương với nhiều cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của văn thân chống Pháp (1885-1896) phát triển rộng khắp từ Nam ra Bắc.

Và còn là phong trào đấu tranh chống Pháp đầu thế kỷ XX với ý thức của hệ tư tưởng mới với các phong trào chống thuế ở Quảng Nam, phong trào Duy tân, Đông du dưới sự lãnh đạo của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh...).

Trong cuộc kháng chiến không cân sức này có biết bao anh hùng, hào kiệt đã ngã xuống, nhưng ý chí quật cường chống giặc Pháp, cùng những lời tuyên bố đanh thép trước giây phút bị hành hình vẫn mãi sáng chói, rạng ngời lên chủ nghĩa anh hùng của dân tộc Việt Nam. Đó là những câu nói đến nay ta đọc lại vẫn rung động như Tổng đốc Nguyễn Tri Phương tuyên bố: “Bây giờ nếu ta chỉ miễn cưỡng lay lắt mà sống, sao bằng thung dung chết vì việc nghĩa”; Bình Tây đại nguyên soái Trương Định tuyên bố: “Chúng ta thề sẽ đánh mãi và không ngừng, khi ta thiếu tất cả ta sẽ bẻ nhánh cây làm cờ, lấy gậy gộc làm vũ khí cho binh lính ta”; hay Nguyễn Trung Trực trước giờ giặc hành hình vẫn dũng dạc tuyên bố: “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”... và còn rất nhiều, rất nhiều lời tuyên ngôn đanh thép khác.

Nhìn chung, các nhân vật lịch sử tác giả đề cập đến trong bộ sách đều xứng đáng được tôn vinh. Họ có thể là những quan lại, hay những nhà chí sĩ có tinh thần yêu nước. Mặc dù, mỗi người ở cương vị khác nhau, vị thế xã hội và hoàn cảnh xuất thân không giống nhau nhưng tất cả những con người ấy đều có chung mục đích cao cả nhất là không quản ngại hy sinh gian khổ, kiên quyết đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược giành độc lập cho đất nước.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bộ sách “**284 Anh hùng hào kiệt của Việt Nam**” với quý vị độc giả.

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

ĐỘI VĂN

Đội Văn tên thật là Vương Văn Vàng, trong các bản Thông cáo của ông gửi nhân dân Yên Dũng (Bắc Giang) vào tháng 10-1889 ông cũng thường xưng là “Đề đốc họ Vương”. Ông quê ở thôn Thuận An, xã Trạm Lộ, tổng Tám Á, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, nay là xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Vương Văn Vàng trở thành một viên dũng tướng trong Tam tỉnh nghĩa quân, ông đã góp phần tích cực xây dựng căn cứ Đình Bảng, căn cứ núi Nham Biền, huyện Yên Dũng. Vương Văn Vàng (khi đó gọi là Đội Văn) đã đánh thắng nhiều trận lớn trong đó có trận thắng lớn làng Ngọc Trì (tên Nôm là làng Bến) huyện Lang Tài tỉnh Bắc Ninh. Đội Văn còn tổ chức trận đánh lớn vào đồn Hồ cướp súng của quân Pháp trang bị cho nghĩa quân.

Cuối năm 1884 “Tam tỉnh nghĩa quân” tan rã, Đội Văn cùng Tuần Xô vẫn hoạt động ở Nam Bắc Ninh. Khi Tuần Xô hy sinh trong trận Hà Mẫn, Đội Văn tiếp tục hoạt động, song để cung cấp quân lương cho gần 200 quân rất khó khăn, ông thường phải đi “làm lương” tức là thu thuế của dân, vận động nhân dân ủng hộ, và cướp thóc của nhà giàu. Trong lễ Tế cờ ở Văn chỉ Bình Dân, Nguyễn Thiện Thuật phong cho Đội Văn chức Đề đốc dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Ngô Quang Huy. *(Daufes viết trong cuốn: “Bảo an binh Đông Dương từ ngày thành lập đồn này viết: “trong vùng giáp ranh Hai Dương. Bắc Ninh - Hưng Yên có Đốc Sung, Đội Văn, Hai Kế”).*

Tháng 7/1887 Đội Văn tấn công Phố Bạc nay là xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào (Hưng Yên). Trước sự truy kích ráo riết của quân Pháp và quân Hoàng Cao Khải, nghĩa quân do Đội Văn chỉ huy bị tổn thất nặng nề, một số thủ lĩnh dưới quyền ông và nhiều nghĩa quân hy sinh, dân chúng ở các làng ủng hộ nghĩa quân bị tàn sát, nhà cửa, đình chùa bị đốt phá. Hoàng Cao Khải biết Đội Văn lâm vào tình thế nguy ngập liền viết thư dụ hàng. Ngày 27/2/1889 Đội Văn viết thư cho Hoàng Cao Khải xin đầu hàng. Pháp và Hoàng Cao Khải rất mừng trao lại toàn bộ số vũ khí trên cho ông và cấp thêm 50 khẩu súng trường để ông đánh nghĩa quân.

Ngày 17-9- 1889, Đội Văn sau 8 tháng trá hàng, trong một trận quân Pháp sai ông đi đàn áp nghĩa quân ông đã ước hẹn trước với một số đồng chí rồi bí mật đem 200 quân, 100 tay súng vượt sông Đuống nhập với toán quân của Lãnh Đội đã chờ sẵn theo mật ước từ trước. Nghĩa quân mặc quần áo lính theo đường số 1 qua sông Cầu để lên Yên Thế gia nhập nghĩa quân Đề Năm (Lương Văn Năm) tiếp tục đánh Pháp. *(Daufes, sách đã dẫn - Báo Le Courier d’ Hải Phòng năm 1889 viết là Đội Văn đem theo 40 súng. Theo chúng tôi, khi Đội Văn ra hàng, Pháp để nguyên số súng của đội quân của ông lại trang bị thêm 50 súng nữa, như vậy số súng ông đem đi phải nhiều – VTS).*

Trong một thông báo gửi nhân dân Bắc Ninh, Đội Văn tuyên bố rằng “mình đã trá hàng để tạo khả năng nghiên cứu kỹ càng hơn tổ chức và chiến thuật của quân đội Pháp, do đó sẽ bảo đảm đánh được họ khi thời cơ đến nhằm đánh đuổi bọn dã man phương Tây ra khỏi xứ Bắc Kỳ”.

Đội Văn trở lại hàng ngũ kháng chiến lại liên kết với nghĩa quân Yên Thế làm cho bọn xâm lược Pháp ở Bắc Kỳ rất hoảng sợ. Chúng phải kêu lên: “Lúc này Đội Văn lại hoạt động mạnh trong vùng rộng lớn giữa Phủ Lạng Thương Bắc Ninh và Tỉnh Đạo” và: “Cách đây 2 tháng người ta có thể ung dung đi lại trên con đường Hà Nội - Lạng Sơn, nhưng ngày nay thì người ta sẽ phải “vũ trang đến tận răng” thế mà cũng phải là người táo bạo lắm mới dám đi từ Đáp Cầu đến Phủ Lạng Thương”.

Bọn chỉ huy quân sự Pháp ở Bắc Kỳ lập tức ra lệnh cho đồn binh Phủ Lạng Thương phải dò tìm đường hành quân của ông. Tên trung úy May e (Meyer) chỉ huy đồn Phủ Lạng Thương lập tức cho lính lùng sục vùng Phủ Khê, Liên Bộ, Lán Tranh. Đội Văn trở về Bắc Ninh. Trong một bức thư gửi nhân dân Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh đề ngày 25-8 âm lịch, năm Hàm Nghi thứ 5, Đội Văn nêu rõ: *“mục đích chiến đấu của ông là nhằm để đánh đuổi giặc xâm lược Pháp, khôi phục lại đất nước, mang lại hòa bình, yên tĩnh thực sự cho nhân dân và chấm dứt những nỗi đau khổ đang đè nặng lên mọi người. Cũng để đạt được mục đích trên, Văn đã chiêu mộ nghĩa quân tổ chức lực lượng quân sự chống Pháp. Văn kêu gọi nhân dân tích cực ủng hộ nghĩa quân”*.

Để diệt trừ Đội Văn, quân Pháp đã điều động một lực lượng lớn tràn lên Yên Thế để tiêu diệt lực lượng. Ngày 31-10-1889 cố đạo Tây Ban Nha Lê Vátcô làm trung gian, chúng đem nộp ông cho đồn binh Pháp ở Bắc Ninh. Mặc dù ông bị thương, bị ốm nặng chúng vẫn nhốt ông vào cũi, đeo gông cổ, xiềng tay chân giải về Hà Nội.

Bắt được Đội Văn, bọn xâm lược Pháp xử chém ông ngày 7 tháng 11 năm 1889 tại bãi đất trống cạnh hồ Hoàn Kiếm. Khi ông chết, giặc Pháp vẫn sợ, chúng chặt đầu ông đưa về bêu ở Bắc Ninh, còn xác ném xuống sông Hồng.

VŨ GIÁC

Vũ Giác hiệu Tùng Trai, sinh năm Mậu Tuất (1838) quê ở thôn Ngọc Quan, tên nôm là làng Sen, nay thuộc xã Lâm Theo, huyện Lang Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Vũ Giác là người thông minh, học rộng, nghe nhiều. Ông đỗ Cử nhân khoa thi Ất Sửu (1865) năm 27 tuổi. Năm sau khoa Bính Dần (1866), ông đỗ Phó bảng. Ông được cử giữ chức Bố chánh Thái Nguyên. Ông là người có uy đức, giàu lòng nhân hậu, yêu nước, thương dân. Trong cương vị làm quan đầu tỉnh, ông được triều đình tin dùng, quân dân trong hạt Thái Nguyên kính trọng. Vì vậy khi ông còn sống, nhân dân làng Quan Đào, huyện Yên Lãng đã xin húy hiệu của ông để thờ làm Thành hoàng làng.

Trước tình thế triều đình nhân nhượng với giặc Pháp, Vũ Giác từ quan về quê mở trường dạy học. Lúc này một số quan lại thân Pháp nhiều lần đến vận động ông và các con ông ra làm việc cho Pháp và Nam triều, nhưng ông kiên quyết từ chối. Ông mở trường dạy học, và liên hệ mật thiết với các thủ lĩnh các cuộc khởi nghĩa, các sĩ phu yêu nước ở các tỉnh Bắc Kỳ, Trung Kỳ. Đối với cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thiện Thuật ở Đông Triều, Chí Linh, ông hết lòng giúp đỡ bằng việc động viên con cháu, môn sinh, người làng tham gia nghĩa quân. Ông cũng đứng ra quyên góp tiền bạc, lương thực, áo quần gửi về Đông Triều cho nghĩa quân. Nhà ở và trường học của ông cũng là đầu mối liên lạc của quan lại trong triều ủng hộ cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thiện Thuật. Nhà ông cũng là nơi trú chân của gia đình Nguyễn Thiện Thuật bị chính quyền Nam triều khủng bố.

Ngay sau khi nhận lệnh trở về căn cứ Bãi Sậy, Nguyễn Thiện Thuật cùng với Cử nhân Ngô Quang Huy, Cử nhân Nguyễn Hữu Đức họp bàn và cho người mời Phó bảng Vũ Giác tới cùng xây dựng kế hoạch kháng chiến chống Pháp.

Nguyễn Thiện Thuật rất quan tâm đến đồn điền của Vũ Giác ở Bình Xuyên và đề nghị mở rộng diện tích, lập các ấp ở chung quanh để khi xảy ra chiến tranh thì biến thành các đồn tiền tiêu, chú ý đến đồn lũy phòng thủ. Nếu căn cứ Bãi Sậy bị uy hiếp thì nghĩa quân dồn lên đó dựa vào thế hiểm trở của miền núi để kháng chiến. Nguyễn Thiện Thuật cũng đề nghị ông Phó bảng tiếp tục giữ bí mật việc mình đứng ra lập đồn điền mà giao cho người tin cậy đảm nhiệm như trước đây để mật thám Pháp không nhòm ngó.

Trong thời gian căn cứ Bãi Sậy tồn tại suốt từ năm 1885 đến năm 1888, đồn điền ở Bình Xuyên đã cung cấp nhiều lương thực, tiền bạc cho nghĩa quân. Đây cũng là nơi trú chân của các thủ lĩnh nghĩa quân bị giặc Pháp truy nã, hoặc bị thương, bị bệnh đến điều trị.

Hoài bão lớn lao của ông chưa được thực hiện, thì năm 1888 ông bị bạo bệnh qua đời khi mới 50 tuổi. Song đồn điền của ông vẫn được các thủ hạ duy trì, tiếp tục làm nhiệm vụ hậu cần cho căn cứ Bãi Sậy.

ĐỀ VINH

Cho tới nay các tài liệu của Pháp để lại cũng như truyền thuyết về các tướng lĩnh nghĩa quân Bãi Sậy chỉ biết Đề Vinh, quê ở vùng Ba Tổng, nay là các thôn Thanh Lâm, Cường Trang, An Thịnh huyện Lang Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Đề Vinh luôn luôn chiến đấu bên cạnh thủ lĩnh Nguyễn Thiện Thuật và nhiều lần khi bị quân Pháp bao vây, ông đã dẫn đội cảm tử mở đường máu xông ra thu hút hỏa lực địch về phía mình.

Khi quân Pháp đánh chiếm thành Phả Lại đã huy động lực lượng 2 sư đoàn gồm 16.300 quân, 55 đại bác và nhiều pháo thuyền từ Hải Dương, sông Đuống bắn vào. Ngày 20-2- 1884 thành Phả Lại thất thủ, Nguyễn Thiện Thuật cùng Hai Kế, Đề Vinh hội quân với Hoàng Văn Hòe, Ba Báo hai lần tấn công Phả Lại. Đề Vinh dẫn đội quân cảm tử đi thuyền nhẹ lọt vào các căn cứ của Pháp nổ súng rồi từ trong đánh ra. Các tướng Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Thiện Kế, Hoàng Văn Hòe đánh vào gây tổn thất lớn cho quân Pháp. Khi thành Bắc Ninh bị quân Pháp uy hiếp, Đề Vinh lại theo Nguyễn Thiện Thuật lên tham gia giữ thành Bắc Ninh. Thành Bắc Ninh lọt vào tay quân Pháp, ông lại theo Nguyễn Thiện Thuật lên giữ thành Hưng Hóa, thành Hưng Hóa mất, Đề Vinh lại theo Nguyễn Thiện Thuật đi đánh quân Pháp ở Phủ Lạng Thương, Lạng Sơn.

Tháng 7/1885 vừa nhận được tin vua Hàm Nghi xuất bôn ra Quảng Trị, xuống chiếu Cần vương, Đề Vinh lập tức sang Long Châu đưa Nguyễn Thiện Thuật về căn cứ Tiên Động gặp Thượng thư bộ Lễ Nguyễn Quang Bích nhận chiếu Cần vương. Sau đó Đề Vinh lại cùng một số nghĩa quân hộ tống Nguyễn Thiện Thuật về căn cứ của Nguyễn Thiện Kế, Lãnh Giang ở vùng giáp ranh các tỉnh Hải Dương - Bắc Ninh - Hưng Yên bàn định kế hoạch khôi phục cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy.

Sau lễ Tế cờ khởi nghĩa ở Văn chỉ Bình Dân, Đề Vinh luôn luôn ở bên Nguyễn Thiện Thuật bàn việc quân cơ. Những khi đi tấn công quân Pháp, Đề Vinh vẫn là người đi đầu, ông còn về vùng Tam Tổng (ở Quế Võ - Lang Tài, tỉnh Bắc Ninh) xây dựng làng chiến đấu.

Ngày 12/11/1888 Đề Vinh tham gia trận đánh Hoàng Cao Khải, Giám binh Louis Ney ở làng Liêu Trung.

Ngày 20/5/1889 Đề Vinh tấn công 30 vệ binh đóng ở đồn Hoàng Trạch, tổng Mễ Sở, huyện Khoái Châu do cai Soler chỉ huy. Bọn chúng thua phải chạy về Bình Phú, tổng Khố Nhu. Đề Vinh đuổi theo bao vây uy hiếp đồn Bình Phú. Quân Pháp đóng ở đồn Bần Yên Nhân và đồn Lực Điền phải vội vã cho quân đến cứu.

Trong suốt thời kỳ Nguyễn Thiện Kế chỉ huy nghĩa quân, Đề Vinh lại luôn luôn sát cánh bên ông, tổ chức nhiều trận đánh quân Pháp và phối hợp với Đề đốc Phạm Văn Ban, Lãnh Mỹ đánh các trận bảo vệ La Mát lần thứ nhất, lần thứ hai. Đề Vinh dẫn trên 70 quân rút qua làng Ngọc Trì, quân Pháp đuổi theo, Đề Vinh rút sang làng Ngô Phần (làng Ngò) cũng thuộc tổng Ngọc Trì. Quân Pháp đuổi theo bao vây làng Ngô Phần.

Nửa đêm trời mưa to, Đề Vinh liền dẫn nghĩa quân rút về làng Bích Khê cũng thuộc huyện Lang Tài chỉ cách Ngô Phần khoảng 4 cây số. Vài giờ sau, ngày 12/1/1892, quân Pháp lại kéo tới bao vây quanh làng, song nghĩa quân vẫn chiến đấu dũng cảm, quân Pháp không sao vào gần chiến lũy được. Mặc dù đang ốm nặng Đề Vinh vẫn quyết định nửa đêm đi ngược luồng đạn để thoát khỏi vòng vây. Nhưng trước luồng đạn dày đặc của giặc phần lớn nghĩa quân đều hy sinh tới 30 người trong đó có Đề Vinh, Quan Bá Học.

ĐỐC TÍT

Đốc Tít còn có các tên khác như: Đốc Tích, Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Đức Hiệu. Ông vốn dòng dõi họ Mạc, khi nhà Mạc thất thế, đổi sang họ Nguyễn nhưng vẫn thực hiện quy định “sinh Nguyễn, tử Mạc” nên khi ông qua đời, con cháu khăn là Mạc Đăng Tiết.

Đốc Tít sinh ngày 10 tháng chạp năm Mậu Thân (1851), quê làng Yên Lư thượng, tổng Yên Lư, huyện Hiệp Sơn, phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Đốc Tít có công trừ giặc Khách ở các phủ Kiến Thụy, Cẩm Giàng được Nguyễn Thiện Thuật phong chức Hiệp quản tinh binh suất đội. Sau ông lại lập được công lớn, Thống tướng Hoàng Tá Viêm và Phó tướng Nguyễn Thiện Thuật dâng sớ về triều, vua Tự Đức phong ông là Đốc binh, chính tay Hoàng Tá Viêm trao sắc phong cho ông.

Triều đình Huế ký Hòa ước với Pháp, ra lệnh triệt binh, Nguyễn Thiện Thuật chống lệnh, bỏ chức về Đông Triều mộ quân đánh Pháp. Đốc Tít hăng hái tham gia vào đội quân kháng chiến này.

Sau trận đánh thành Hải Dương không thành, Đốc Tít theo Nguyễn Thiện Thuật lên đánh Pháp ở Phủ Lạng Thương, Lạng Sơn. Ông được Tổng đốc Lạng Sơn - Cao Bằng Lã Xuân Oai cấp cho một số vũ khí, ông trở về Kinh Môn (Hải Dương) dựa vào vùng hang động ở thôn Tử Lạc, xã Minh Tâm và các hang động ở dãy núi Thiên Sơn, Trại Sơn (nay Trại Sơn thuộc xã An Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải phòng) xây dựng đồn lũy, trồng tre gai quanh Trại Sơn. Căn cứ này nằm ở chân núi Thiên Triều, xung quanh được nghĩa quân đào hào đắp lũy, đào hầm chông, đặt cạm bẫy, tổ chức các tuyến ném lao.

Trong năm tháng đầu năm 1889, nghĩa quân Đốc Tít gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại lớn, bộ chỉ huy quân sự Trung-Bắc Kỳ giao cho Thống sứ Bắc Kỳ phải tập trung binh lực tiêu diệt căn cứ Trại Sơn và Cù lao Hai Sông.

Báo chí Pháp cũng phải than phiền: “Đốc Tít ngày càng trở nên nguy hiểm. Một tháng trước thiếu tướng Nê gờ ri ê (De Négrier) đưa quân đến hỏi tội ý, đã bị ý làm vỡ kế hoạch. Một cuộc tiểu phạt mới được tổ chức, kết quả cũng chẳng tốt lành”.

Tuy phá được căn cứ Hai Sông buộc Đốc Tít và một số thủ lĩnh khác phải ra hàng nhưng quân Pháp cũng bị thiệt hại khá lớn, tiêu tốn từ 600 đồng đến 7000 đồng. Giám binh Laune bị thương nặng, 2 viên quản bị chết, trên 100 lính bị chết bị thương.

Bọn xâm lược Pháp rút kinh nghiệm Đội Văn ra hàng vào tháng 3/1889 sau đó lại trở lại đánh Pháp, nên đã quyết định đày ông đi biệt xứ.

Đốc Tít mất ngày 19/12/1916. Con gái ông xin đem thi hài cha về đến Kinh Môn vào ngày 29/12/1917 (tức ngày 16 tháng 1 năm Đinh Ty).

Hàng nghìn nhân dân phủ Kinh Môn đã đi đón linh cữu của ông. Ông được táng tại nghĩa trang của dòng họ Mạc tại xã Yên Lư Thượng (thị trấn Kinh Môn) tỉnh Hải Dương.

NGUYỄN TRUNG LAN

Nguyễn Trung Lan sinh trưởng trong một gia đình ở thôn Đông Liêu, xã Hạ Trường, tổng Hạ Vĩnh, huyện Thanh Hà, sau thuộc thôn Hà Trường, xã Thanh Bình, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, nay là thị trấn Thanh Hà.

Nhiệt liệt hưởng ứng phong trào mộ quân đánh Pháp của Nguyễn Thiện Thuật, năm anh em ông cùng chiêu mộ tráng đinh trong vùng thành lập đội nghĩa quân, các ông đã dấy quân ở chùa Minh Khánh và thế lực ngày càng mạnh. Nghĩa quân do các ông chỉ huy đã đánh bại nhiều trận cản quét của giặc Pháp vào căn cứ Phù Tình.

Ngày 12/12/1887, Nguyễn Trung Lan đem quân tập kích chợ Hê, giết chánh tổng Hạ Vĩnh Lê Văn San, tay sai đắc lực của giặc Pháp điên cuồng đánh phá nghĩa quân. Ít ngày sau, Lê Văn Cơ, Lê Văn Thức là con trai tên San cùng Tuần Tiếu đưa lính về đánh căn cứ Phù Tình, bị nghĩa quân đánh cho đại bại phải tháo chạy. Trung Lan liên lạc được với nghĩa quân Bãi Sậy và trở thành bộ tướng của Nguyễn Thiện Thuật.

Trung Lan được nghĩa quân Bãi Sậy tặng viện, ngày 25 tháng chạp năm Đinh Hợi (1887) chia làm hai toán, một toán tiến theo đường sông núp dưới thuyền buôn vàng mã từ Hải Dương vượt qua cống Bá Hoàng vượt sông Hê đổ quân lên vườn Vạn (Hạ Vĩnh) một toán đổ bộ qua Đò Bầu tiến vào chợ Hê. Trung Lan nhận thấy vị trí xóm Liêu không có lợi liền rút sang thôn Phù Tình (nay thuộc xã Trường Thành) lập căn cứ. Chỉ trong một đêm nghĩa quân và nhân dân đã xây dựng xong bản doanh, đắp lũy chiến đấu.

Trên toàn cục, cuối năm Mậu Tý (1888) cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy đã suy yếu. Nghĩa quân Trung Lan chỉ giữ được thôn Phù Tình, một phần thôn Nhan Bầu và một phần thôn Tiên Kiều.

Đêm 12 rạng ngày 13 tháng 10 năm Mậu Tý (11/1888), Tuần Tiếu nhận lệnh của công sứ Pháp tỉnh Hải Dương và Tổng đốc Hoàng Cao Khải kiêm Tiếu phủ sứ đưa quân Pháp tấn công nghĩa quân Trung Lan, Đốc Đàm ở căn cứ Phù Tình. Đây là trận thứ 9 quân Pháp đánh vào Phù Tình. Sau tám trận thất bại nặng nề, lần này quân Pháp điều động cả lính lê dương, lính khố xanh, cảnh sát, lính thủy đánh bộ, công binh do tên Lê Văn Cơ con trai chánh tổng Lê Văn San dẫn đường. Bọn chúng từ Hải Dương đi trên những ca nô đổ bộ một toán quân xuống bến đò Mũi Gươm, qua thôn Ngọc Điểm tiến vào phía Tây bắc Phù Tình. Tuần Tiếu cùng bọn lính đồn trú ở đồn Đò Gừa, đồn Sòi tiến vào phía đông bắc Phù Tình.

Về phía nghĩa quân, sau tám trận chiến thắng, tuy lực lượng bị giảm sút, chưa kịp bổ sung, vẫn cùng nhân dân rào lũy tre cho dày, đắp lũy đất cao thêm 1 mét, đào hào sâu thêm, cắm thêm chông, tổ chức canh gác nghiêm mật. Quân Pháp vừa nổ súng, Trung Lan đã chỉ huy nghĩa quân và cả làng đánh giặc, bẻ gãy nhiều đợt tấn công ào ạt của chúng. Nhiều tên bị bắn chết, bị sập hầm chông bị chém xả vai, máu giặc loang đỏ ngoài lũy tre, bờ hào.

Nhiều thủ lĩnh và nghĩa quân bị bắt, bị giết. Trung Lan chạy sang vùng An Lão, Kiến An, sau cũng bị bắt bị giết.

LUU KỲ

Bố Lưu Kỳ là người Hoa, mẹ là người Việt, quê ở huyện Lục Ngạn thuộc tỉnh Bắc Ninh. Ông là người giỏi võ nghệ, giao du rộng rãi trong giới quan lại người Việt và người Hoa. Ông có ý chí căm thù giặc Pháp.

Khi giặc Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873), Lưu Kỳ đã tập hợp các chiến hữu ở vùng Lục Ngạn, Đông Triều bàn kế đánh Pháp. Trong số các thủ lĩnh người Hoa, Nguyễn Thiện Thuật đặc biệt quan tâm đến Lưu Kỳ, ông đã đến Lục Ngạn bàn bạc với Lưu Kỳ về việc thành lập một đội quân hỗn hợp người Việt, người Hoa, người dân tộc thiểu số ở vùng Đông Bắc thành một đạo quân để chiến đấu chống Pháp ở địa bàn quan trọng này. Nguyễn Thiện Thuật biết rõ mối quan hệ mật thiết giữa Lưu Kỳ với các quan chức hai tỉnh Quảng Tây, Quảng Đông và các thương nhân Trung Hoa nên đã bàn với ông thiết lập một đường dây mua vũ khí từ Hồng Kông, Quảng Đông, Quảng Tây về vùng biên giới Móng Cái - Tiên Yên - Lộc Bình rồi theo đường mòn vùng rừng núi đưa về Lục Ngạn để trang bị cho nghĩa quân. Nghĩa quân Lưu Kỳ là những người đã từng quen với chiến trận, biết võ thuật, thông thạo vùng rừng núi nên ngay từ khi mới thành lập đã tổ chức các trận tấn công quân Pháp.

Nhờ có nguồn súng mua từ Trung Quốc, đội vũ trang của ông được trang bị nhiều súng bắn nhanh. Địa bàn hoạt động của ông là vùng Đông Triều, Lục Ngạn. Trong đội quân của ông có nhiều tướng lĩnh xuất sắc như Hoàng Tài Ngạn, Hoàng Thái Nhân, Đề Kỳ, Đề đốc Quý... Trong buổi đầu xây dựng vũ trang Nguyễn Thiện Thuật đã cử các tướng lĩnh tới giúp Lưu Kỳ biên chế đơn vị, huấn luyện quân sự cho tân binh, giúp đỡ lương thực. Đội quân của Lưu Kỳ được tổ chức rất chặt chẽ, có kỷ luật, thiện chiến. Bọn xâm lược đã gán ghép cho đội quân của ông bao điều xấu xa như thổ phỉ, cướp, buôn đàn bà, con gái... nhưng vẫn phải thừa nhận: *“Lưu Kỳ là một người có nghị lực và rất thông minh, đã làm cho đồng đội tin tưởng tuyệt đối”* và *“Quân của ông là đội quân có kỷ luật và thiện chiến, thông thạo sở trường đánh du kích”*.

Nghĩa quân Lưu Kỳ hoạt động mạnh mẽ liên tục tấn công quân Pháp ở Lục Ngạn, Đông Triều. Ông đã xây dựng một sở cứ điểm ở vùng Bảo Đài, Đông Triều, phía Đông tỉnh Bắc Giang. Hoạt động của Lưu Kỳ mạnh mẽ đến mức trong một bức điện của Trương Chí Đông (quan lại Trung Hoa) đề ngày 15 tháng 3 năm Quang Tự (nhà Thanh Trung Quốc) năm thứ 11 (1885) nêu rõ: *“Vùng Đông bắc (Việt Nam) có hàng vạn nghĩa quân hoạt động”* gửi cho nhà môn tổng lý các quốc sự vụ ngày 10/8 năm Quang Tự (nhà Thanh) thứ 11 (1885) thừa nhận *“Lưu Kỳ là thủ lĩnh đội nghĩa quân mạnh nhất vùng Đông Bắc (Việt Nam)”*. Mã Trung Thừa (quan lại Trung Quốc) cũng xác nhận rằng: *“Suốt năm này sang năm khác bọn du phỉ náu đất Việt luôn ở những xứ giáp nước ta (chỉ Trung Quốc)”*.

Nhận được chiếu Cần vương, Nguyễn Thiện Thuật từ Long Châu (Trung Quốc) về nước. Lưu Kỳ được phong chức Đề đốc.

Tháng 9/1885 Lưu Kỳ nhận lệnh của Nguyễn Thiện Thuật về Văn chỉ Bình Dân dự cuộc họp tướng lĩnh và Tề cò khởi nghĩa, Lưu Kỳ chính thức trở thành một thủ lĩnh xuất sắc trong cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy chiến đấu dưới ngọn cờ Cần vương. Với danh nghĩa Cần vương cứu nước bảo vệ vua Hàm Nghi, Lưu Kỳ đã tập hợp thêm được nhiều người dân tộc Hoa và dân tộc thiểu số dân tộc Việt ở vùng Đông bắc và cả quân lính, quan lại trong quân đội Pháp và Nam Triều vào hàng ngũ kháng chiến. Một số toán tàn dư của các phong trào nông dân khởi nghĩa ở Trung Quốc như Thiên Địa hội, Thái Bình Thiên quốc bị quân đội nhà Thanh đánh đuổi tràn sang Việt Nam cũng được ông thu nạp vào

nghĩa quân. Được sự giúp đỡ tích cực của các thổ ty và nhân dân các dân tộc miền núi tỉnh Quảng Yên, tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Hải Dương, Lưu Kỳ đã xây dựng được đội quân mạnh, và có đủ lương thực cho đội quân đông đảo, Lưu Kỳ đã nhanh chóng tổ chức được đường dây mua, vận chuyển vũ khí từ đất Quảng Đông, Quảng Tây vượt qua đường biên vào hai tỉnh Quảng Yên, Lạng Sơn rồi từ đó chuyển về Lục Ngạn để cung cấp cho nghĩa quân. Lưu Kỳ còn tổ chức một đội quân hộ tống được trang bị mạnh để tiêu diệt các toán quân Pháp, thổ phi chặn đường cướp vũ khí.

Từ khi Nguyễn Thiện Thuật về nước, Lưu Kỳ tham gia vào cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, thì thế lực của Lưu Kỳ ngày càng lớn mạnh, quân Pháp phải thừa nhận: *“Mặc dù khác dân tộc, khác khuynh hướng, hai người thủ lĩnh (Nguyễn Thiện Thuật và Lưu Kỳ) đã phối hợp chặt chẽ trong mọi hành động”* và *“Ông có mối liên hệ rất mật thiết với Tán Thuật và đã được Tán Thuật phong chức Đề đốc”*.

Cuối tháng 7 đầu tháng 8/1889 quân Pháp liên tiếp mở chiến dịch lớn tấn công vào căn cứ của Lưu song đều bị bẻ gãy hoàn toàn.

Đề đối phó với nghĩa quân Lưu Kỳ từng gây bao nỗi kinh hoàng cho quân Pháp, bộ Chỉ huy quân sự Pháp ở Trung- Bắc Kỳ phải thiết lập hàng loạt đồn bốt ở Chi Ngải, Lục Nam, Lâm, Biển Động, Vĩ Loại, Uông Bí, Đông Triều, đưa sáu pháo thuyền ngày đêm tuần tra trên sông Lục Nam để cắt đứt đường tiếp tế của nghĩa quân và mở nhiều cuộc hành quân càn quét. Lưu Kỳ chuyển địa bàn hoạt động về Đông Triều.

Ngày 9/7/1892 Nghĩa quân Lưu Kỳ lại đánh một trận lớn ở Bắc Lệ do Lưu Kỳ trực tiếp chỉ huy, có 18 xe chở vũ khí và một đạo quân hộ vệ do bốn viên sĩ quan chỉ huy: thiếu tá Bonnard, đại úy Sác păng chie (Charpentier) trung úy Van tông (Valton) và bác sĩ quân y Monie (Menier). Ngay loạt đạn đầu tên thiếu tá và tên đại úy đã tử trận. Trời còn sớm, sương mù bao phủ núi đồi và địch không ngờ Lưu Kỳ lại dám phục kích ở nay một địa điểm cũ và ngay sau khi chúng xuất phát lên đường. Trận đánh diễn ra ác liệt địch gần như hoàn toàn bị tiêu diệt, 2 sĩ quan, 30 lính bị giết. Nhưng không may Lưu Kỳ cũng trúng đạn hy sinh trong khi chỉ huy trận đánh.

ĐỀ YÊM

Đề Yêm tên thật là Đinh Văn Nghiêm, sinh năm 1858 trong một gia đình điền chủ, nhà có tới gần 60 mẫu ruộng ở làng Đồng Lạc, tổng Kim Bảng, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nội, nay thuộc xã Đồng Hoá, huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam. (*Địa chí Hà Nam* viết tên thật của ông là Đinh Quang Lý - Thắng cảnh Hương Sơn của Trần Lê Văn, Công ty phát hành sách Hà Tây xuất bản tháng 3/1999 viết chỉ huy cánh quân Bãi Sậy ở Hương Sơn là Đinh Văn Thuận, ông còn có tên là Đề Yêm).

Đinh Văn Nghiêm tuy là lý trưởng, nhưng có lòng bao dung người nghèo, căm thù giặc Pháp cướp nước cùng bọn vua quan bán nước. Vì vậy, ngay từ năm 1883, khi Đồng Quế phát động cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy ở Khoái Châu, ông đã bí mật giúp đỡ lương thực. Đầu năm 1887 ông tập hợp những người bất mãn với bọn cầm quyền ở các xã Hoàng Tây, Văn Xá, Nhật Tân đi cướp thóc của nhà giàu chia cho dân đói. Ông đưa toàn bộ tiền thuế thu được ủng hộ nghĩa quân Bãi Sậy. Cuối năm 1887, tri phủ Phan Đình Hoè phát mại tài sản của ông để bù vào tiền thuế.

Đinh Văn Nghiêm cùng Tắc Vỹ vượt sông Hồng sang Khoái Châu gia nhập nghĩa quân Bãi Sậy. Chủ tướng Nguyễn Thiện Thuật đổi tên ông là Yêm. Ông chiến đấu dũng cảm, mưu trí, lập nhiều chiến công, Nguyễn Thiện Thuật phong ông là Đề đốc quân vụ, quân sĩ gọi ông là Đề Yêm.

Cuối năm 1888, Nguyễn Thiện Thuật giao cho ông về xây dựng căn cứ ở Hà Nam. Đề Yêm xây dựng cơ sở thông tin liên lạc, trú quân ở các xã ven sông Hồng thuộc hai huyện Duy Tiên, Lý Nhân. Ông xây dựng tổng Kim Bảng vùng núi đá quê ông thành một cứ điểm quân sự vững chắc.

Tháng 9 năm 1889, quân Pháp liên tục tấn công Đề Yêm. Ông chuyển căn cứ kháng chiến đến chùa Tuyết Sơn nay thuộc xã Hương Sơn huyện Mỹ Đức tỉnh Hà Tây. Đề Yêm giao cho Thượng toạ Thích Thanh Quyết cùng Lãnh Cường xây dựng đồn tiền tiêu ở chùa Bảo Đài. Từ khi xây dựng căn cứ Tuyết Sơn, Bảo Đài, Đề Yêm luôn luôn xuất kích, tấn công các đồn binh Pháp, chặn đứng nhiều cuộc càn quét của chúng.

Sau trận đánh ngày 14/10/1891 nghĩa quân Đề Yêm hao tổn, vì không còn căn cứ, đạn dược, lương thực cũng bị quân Pháp cướp và phá hủy. Đề Yêm cùng hoà thượng Thích Thanh Quyết, mấy nghĩa quân tâm phúc lên Yên Thế. Ông hy sinh trong một trận đánh ác liệt ở đồn Phồn Xương, Yên Thế vào đầu năm 1912.

Nhận xét về Đề Yêm, sách *Lịch sử Hà Nam Ninh* tập II viết: “Đề Yêm tham gia cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thiện Thuật được phong Đề đốc. Năm 1889 đề Yêm cùng Tắc Vỹ đem quân vượt sông Hồng về Đồng Văn (Duy Tiên), Chợ Đại (Kim Bảng), xây dựng phòng tuyến chống Pháp, sau đó mở rộng địa bàn sang chợ Dầu, Tuyết Sơn (Mỹ Đức, Hà Đông) lấy Tuyết Sơn làm căn cứ. Nghĩa quân đã đánh những trận lớn ở Quang Thù, Mã Nỗ (huyện Kim Bảng). Nhiều cuộc chiến đấu quyết liệt diễn ra ở các huyện Thanh Liêm, Nam Xang và vùng núi Hà Đông, trong trận làng Đùng (Thanh Liêm) cả làng bị giặc giết sạch. Nghĩa quân chiến đấu anh dũng, sau phải rút lui vì tương quan lực lượng giữa địch và ta quá chênh lệch”.

LÃNH MẬU

Lãnh Mậu tên thực là Hoàng Văn Mậu, quê gốc ở làng Văn Ky, nay là xã Bối Khê, huyện Thường Tín, gần Văn Đình tỉnh Hà Tây. Sau tổ tiên về lập nghiệp ở xã Sài Trang, tổng Sài Trang, huyện Đường Hào tỉnh Hải Dương nay là thôn Ông Tổ, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên.

Năm 1883, Hoàng Văn Mậu 35 tuổi cũng là giặc Pháp hạ thành Hưng Yên, Hải Dương lần thứ hai, triều đình Huế ký hoà ước với Pháp ra lệnh bãi binh, Tán tương quân vụ Nguyễn Thiện Thuật chống lệnh, trao trả quan tước, về Chí Linh, Đông Triều xây dựng căn cứ chống Pháp. Cả huyện Mỹ Hào quê hương ông nhiệt liệt hưởng ứng. Ông đến chùa Xuân Nhân, xã Xuân Dục tổng Bạch Sam huyện Mỹ Hào, nơi đây vừa là quê hương và vừa là căn cứ của Tán tương quân vụ xin tòng quân. Rất nhiều người ở các xã trong tổng Sài Trang gia nhập nghĩa quân. Sau vụ ông tham gia giết tên cường hào ở thôn Đỗ Xá, cùng xã Sài Trang theo Tây thì Hoàng Văn Mậu cùng vợ và hai con gái là Từ Huỳnh, Từ Vát xuống làng Nguyễn Xá cùng tổng, vì dưới đó ông cũng có họ hàng. Một lý do nữa là vùng Nguyễn Xá, Tam Trạch có lực lượng nghĩa quân rất mạnh, do Đốc binh Vũ Văn Đồng quê ở Tam Trạch chỉ huy.

Từ khi xuống Nguyễn Xá, ông Mậu tổ chức nghĩa quân và nhân dân xây dựng làng chiến đấu. Ông trở thành trợ thủ đắc lực của Đốc binh Vũ Văn Đồng quê ở Tam Trạch. Đình Nguyễn Xá là nơi Hoàng Văn Mậu thường xuyên tập trung, huấn luyện võ nghệ cho nghĩa quân. Đền Cương ở cánh đồng gần làng hồi đó còn là rừng núi, rừng sậy, cây cối rậm rạp um tùm là nơi ông cùng các thủ lĩnh họp bàn việc quân cơ. Cây đề ở Tam Tầng nằm trên trục đường đất Cầu Treo- Cầu Hàu là trạm gác tiền tiêu của nghĩa quân. Do trong chiến đấu Hoàng Văn Mậu lập được nhiều chiến công, ông được phong là Lãnh binh (dân làng thường gọi ông là Lãnh Mậu).

Tháng 3 năm 1885 khi Nguyễn Thiện Thuật sang Long Châu (Trung Quốc) thì Đốc Đồng và Lãnh Mậu gia nhập cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy do Đồng quân vụ Đình Gia Quế chỉ huy.

Tháng 7 năm 1885, Đồng quân vụ Đình Gia Quế ốm, dưỡng bệnh ở làng Dương Trạch nằm trong căn cứ Bãi Sậy, thủ lĩnh Nguyễn Thiện Thuật về nước trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy đã đưa cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy lên quy mô rộng lớn, chủ động tấn công quân Pháp ở các tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Quảng Yên, đột nhập vào một số thành phố lớn...

Lãnh Mậu đã chỉ huy nghĩa quân đánh quân Pháp nhiều trận như trận đánh quân Pháp tràn vào vùng Tam Trạch. Ông còn phối hợp với nghĩa quân ở Bối Khê, Ân Thi do Đề Ban chỉ huy tấn công đồn Mai Đường ở xã Đỗ Mỹ, trên đường 38 ở huyện Ân Thi. Lãnh Mậu đã giết Đô Tép quê ở xã Thụy Trang (nay là xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ) làm phản khi hắt từ Sắt theo bờ sông Hoan Ái về Lục Điền.

Lãnh Mậu cũng đã tham gia trận đánh lớn ngày 12/11/1888 tại Lưu Trung do đích thân Nguyễn Thiện Thuật và nhiều tướng lĩnh chỉ huy, giết chết tên Louis Ney, bang tá Nguyễn Hữu Hào cùng 31 tên Pháp, suýt bắt được Hoàng Cao Khải.

Sau trận đánh này Lãnh Mậu bị giặc Pháp bắt chặt đầu ở vực Nghĩa Xuyên gần xã Tam Trạch và Nguyễn Xá vào năm 1889. Ông mất khi vừa tròn 40 tuổi.

CỬ BÌNH

Cử Bình (không rõ họ tên thật) quê ở làng Liễu Dịch, huyện An Lão, phủ Kiến An, tỉnh Hải Dương. Ông đỗ cử nhân dưới triều Nguyễn, nhưng chán ghét triều đình đầu hàng giặc, ông không ra làm quan.

Cử Bình cùng với Nguyễn Văn Tư khởi nghĩa, lập căn cứ ở chùa Hoa Long, núi Voi (huyện An Lão, phủ Kiến An) rồi liên lạc với Tán Thuật khởi nghĩa ở huyện Đông Triều, Chí Linh với Đốc Tít, khởi nghĩa ở Trại Sơn, cù lao Hai Sông (Thủy Nguyên, Hải Phòng).

Cử Bình giữ cương vị chỉ huy trưởng, Nguyễn Văn Tư giữ cương vị phó chỉ huy. Năm 1884 nghĩa quân Cử Bình, Nguyễn Văn Tư có khi độc lập tác chiến có khi phối hợp với các lực lượng nghĩa quân khác liên tục đánh phá giao thông đường thủy, đường bộ của địch.

Năm 1885 nghĩa quân Cử Bình hoạt động chống Pháp ở các huyện An Lão, Kiến Thụy, Tứ Kỳ. Theo một tài liệu của Pháp thì Cử Bình là một tướng của Đề đốc Tạ Hiện. Tạ Hiện có 5 dinh là: trung quân, tiền quân, hậu quân, tả quân, hữu quân. Cử Bình chỉ huy hậu quân. Piglowski trong sách Histoire de la garde indigène de l'An Nam, tập I, Hà Nội. Les province du Tonkin; Hưng Yên Reme indochinois n08, 30/10/1905 cũng công nhận Cử Bình là Hậu quân của Đề Hiện.

Từ ngày 2/2/1887 Tạ Hiện bị quân Pháp bắt và giết thì Cử Bình phối hợp với Tiền quân do thống Phạm Văn Đức, Lãnh Pha hoạt động ở các cửa sông Thái Bình, Văn Úc, các đảo Đồ Sơn, Cát Bà.

Tháng 12/1888, Cử Bình và Lãnh Tư chỉ huy nghĩa quân tấn công và tiêu diệt đồn núi Voi. Trận đánh kéo dài suốt từ 4 giờ sáng đến 4 giờ chiều. Về trận này, Minh Thành viết trong bài: *“Về cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy”* đăng trên tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* như sau: *“Vào tháng 12/1888, nghĩa quân đã tấn công đồn Voi (Hải Dương) suốt từ 4 giờ sáng đến 4 giờ chiều”*.

Cũng về trận đánh này *Lịch sử đấu tranh vũ trang huyện An Lão* viết như sau: *“Tại núi Voi, nghĩa quân do Lãnh Tư (Khúc Giản), Cử Bình (Liễu Dịch) chỉ huy tiến công Tượng Sơn (Núi Voi) dùng hoả công đốt cháy đồn giặc, giết chết tên quan Ba chỉ huy đồn”*.

Giặc Pháp đem quân đánh Cử Bình nhiều lần không được, chúng sai bọn cha cô phản động lừa bắt ông rồi xử tử hình. Triều đình nhà Nguyễn hùa theo giặc Pháp xóa tên ông trong danh sách cử nhân.

Sau khi xử tử hình Cử Bình, thực dân Pháp đã san bằng khuôn viên chùa Long Hoa căn cứ của nghĩa quân.

Ngày 28/11/1996, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã ký Quyết định số 666/QĐ/UB về việc đổi tên, đặt tên một số đường phố trên địa bàn quận Hồng Bàng. Trong đó đường hiện mang số 24 (a) dài 500 mét được đặt tên là phố Cử Bình.

LÃNH ĐẬU

Lãnh Đậu (không rõ tên họ thật) quê ở huyện Siêu Loại, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh tham gia cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo từ năm 1883. Lãnh Đậu cùng một số người ở huyện Mỹ Hào đã tới Chí Linh, Đông Triều tham gia nghĩa quân. Ông đã theo Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Thiện Kế về hạ thành Hải Dương, song việc không thành, nghĩa quân phải rút lui về Chí Linh, Đông Triều. Sau Tân Thuật cử Lãnh Đậu về xây dựng căn cứ chống Pháp ở các xã Vân An, Sài Phi, Vân Cốc, nay thuộc xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào. Với sự nhiệt tình của nhân dân, hưởng ứng lời kêu gọi chống Pháp của Nguyễn Thiện Thuật, đông đảo trai tráng, cả người già, phụ nữ cũng gia nhập nghĩa quân. Nhờ sự ủng hộ nhiệt tình ủng hộ của nhân dân, quân của Lãnh Đậu có tới hơn 200 người nhưng chưa bao giờ bị thiếu lương thực, thực phẩm.

Lãnh Đậu xây dựng các xã Vân An, Sài Phi, Phong Cốc thành những làng chiến đấu, trong hào, ngoài lũy tre dày đặc, giặc Pháp và bọn tay sai Việt gian đem quân đánh phá nhiều lần không được. Lãnh Đậu chỉ huy đánh nhiều trận lớn như trận Cầu Đồng ở huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương, nghĩa quân thắng trận về mổ lợn ăn mừng thì bị bọn Việt gian đưa đường quây kín chung quanh làng rồi tấn công. Nghĩa quân chiến đấu suốt từ gà gáy đến tận ba giờ chiều thì bị giặc Pháp vây chặt nghĩa quân trong một xóm nhỏ, tình thế vô cùng nguy hiểm. Lãnh Đậu cho quần vải tẩm dầu lên mình hai con trâu, đốt lửa, đánh trâu xông vào bọn giặc. Bọn giặc kinh hoàng rút cả súng tháo chạy, nghĩa quân thừa cơ rút lui an toàn

Quân Pháp nhiều lần tấn công vào các làng Vân An, Sài Phi, Phong Cốc đều bị Lãnh Đậu và vợ chồng Lãnh Lương đón đánh từ xa khiến chúng phải tháo chạy. Trong một trận đánh khác, nghĩa quân chỉ có 12 người phục kích ở chợ Đường Cái đã đánh cho một toán quân Pháp đi tuần thua chạy toán loạn.

Năm 1892 phong trào khởi nghĩa Bãi Sậy tan rã, Lãnh Đậu đem 7 nghĩa quân về đóng ở Vũ Xá. Quân Pháp đưa quân đến vây bắt, Lãnh Đậu chỉ huy anh em chiến đấu quyết liệt. Cuối cùng thoát khỏi vòng vây. Ông vừa chạy khỏi làng thì bị quân Pháp đến tăng viện đón đường bắn chết. Giặc Pháp rất căm Lãnh Đậu người đã đánh chúng nhiều trận, giết lính Pháp, lính người Việt đánh thuê cho Pháp. Chúng trả thù ông bằng cách chặt đầu ông cắm cọc bêu ở cổng đồn, cắt hẳn một tiểu đội lính canh gác, còn xác ném xuống sông.

Được nhân dân chỉ đường, Lãnh Lương giao cho vợ là bà Phạm Thị Ngánh chỉ huy một số nghĩa quân đi mò xác Lãnh Đậu còn mình chỉ huy nghĩa quân đánh đồn và cướp đầu Lãnh Đậu đưa về an táng.

ĐỀ QUÝ

Đề Quý (không rõ tên thật) là lính thị vệ của kinh đô Huế có công được thăng chức tuần thành, nên còn gọi là Tuần Quý. Kinh thành Huế thất thủ (tháng 7/1885) ông về Bắc.

Sau đó ông theo Tán Thuật được phong chức Đề đốc, nên còn gọi là Đề Quý, Cẩm Quý, Thanh Quý. Ông được phân công chỉ huy nghĩa quân vùng giữa Hải Dương - Hải Phòng. Đề Quý nổi tiếng gan dạ, ra trận thường đi trước, tính nóng như lửa. Nhiều lần chỉ một mình ông đánh thắng cả một toán quân Pháp. Ông chỉ huy nhiều trận đánh xuất sắc, có công lớn. Lính Pháp, lính Nam nghe tiếng ông là kinh sợ hết hồn. Quân Pháp dùng chức tước, tiền bạc mua chuộc ông song không được.

Tháng 1/1887, Lãnh Giang, Đốc Khoát, Đội Văn, Đề Quý phối hợp với nghĩa quân Ba Bão thành một đạo quân lớn tấn công các hạm tàu, xà lúp của quân Pháp vận chuyển quân lính, khí tài, lương thực, thư từ trên sông Luộc. Kết quả ba chiếc xà lúp trên sông Luộc bị tấn công, một chiếc tất cả thủy thủ sợ hãi bỏ trốn, nghĩa quân trèo xuống ra thu hết vũ khí, quân trang, lương thực, đốt phá xà lúp.

Tháng 3/1889, phân đội Đồng Mối (Văn Lâm) nhận được tin báo là toán của Đề Quý đang đồn trú ở các hang thuộc hai hòn đảo nhỏ thuộc huyện Nghiêu Phong gần đảo Cát Bà. Tin này do Bang Huy còn gọi là Lang Biên thuộc toán của Quý phản bội báo cho Pháp. Nhưng Hoàng Cao Khải đang đuổi theo quân của ông Thuật đang hoạt động ở tỉnh Phúc Yên, toán quân của Ba Phi ở Gia Lâm, Văn Giang, nên chưa đem quân đi đánh quân của Đề Quý được.

Đề Quý đang hoạt động ở vùng biển Ninh Hải (Hải Phòng) và các đảo thì tháng năm ông lại đột ngột chuyển địa bàn hoạt động ở Khoái Châu để tránh trận càn lớn của thủy quân Pháp ở các đảo.

Ngày 20/5/1889 viên Chương án Hưng Yên báo cho người Pháp ở Hưng Yên biết một toán 200 nghĩa quân do Đốc Sung, Đề Quý, Lãnh Mỹ chỉ huy tấn công 30 lính vệ binh đóng ở Hoàng Trạch tổng Mễ Sở, huyện Khoái Châu do cai Soler chỉ huy lúc đang đi tuần tra, thám báo. Bọn vệ binh thua phải rút chạy về Bình Phú, tổng Khoá Nhu. Mặc dù đã có viên binh viên phó quản chỉ huy từ đồn Lực Điền, tổng Tử Dương, huyện Yên Mỹ đến cứu viện. Đồn Bản Yên Nhân cho một toán thám báo đông tới 100 quân theo dõi các hoạt động của nghĩa quân.

Khi trận càn lớn của thủy quân, hải quân Pháp chấm dứt ở các đảo thì Đề Quý, Lãnh Hai, Lãnh Nhan, Tuấn Huế lại trở về hoạt động ở vùng Tứ Kỳ, Thanh Hà, Tiên Lãng, vùng cửa sông và các đảo.

Đề Quý cũng đã trở lại chiến trường, tổ chức lại đội ngũ, trang bị thêm vũ khí đánh phá các huyện Tứ Kỳ, Thanh Hà, Kim Thành. Trên địa bàn có các huyện khác như huyện Năng Yên, Thanh Lâm lại xuất hiện các đạo quân khá mạnh, sẵn sàng chiến đấu.

Trước sự xuất hiện của một lực lượng nghĩa quân hùng mạnh và liên kết nhau chặt chẽ dưới sự chỉ huy chung của vị tổng chỉ huy Nguyễn Thiện Kế, còn phía quân Pháp ở Hải Dương thì lực lượng Bảo an binh từ 800 đã bị thương vong trong các trận chiến đấu, do bỏ ngũ nay chỉ còn lại 450 và không có hy vọng gì tăng lên được.

Trước tình hình không có lợi đó, Toà sứ Hải Dương chủ trương và được bộ Tư lệnh quân Viễn chinh Pháp ở Trung- Bắc Kỳ, Phủ Thống sứ Bắc Kỳ chấp nhận đã thành lập một lực lượng canh sát đặc biệt dưới danh hiệu “lính cơ”. Lực lượng canh sát này thi hành mệnh lệnh trực tiếp của các quan phủ huyện được trang bị súng bắn nhanh, cho phép các quan phủ huyện hoạt động trong bất cứ thời điểm nào chống bọn phá rối trật tự theo sáng kiến và ý thức trách nhiệm của chính mình. Lực lượng này được bổ sung hoàn chỉnh thêm bằng sáng kiến tổ chức một lực lượng tuần tra và thám báo do hào

mục các thôn xã đảm nhiệm bằng sự thiết lập hàng loạt những lô cốt trên các ngã đường giao thông quan trọng. Những lô cốt này dùng làm nơi đồn trú tạm thời cho những đạo quân thường xuyên di động trong tỉnh từ chỗ này qua chỗ khác làm cho tất cả dải đất của tỉnh này đều nằm trong sự giám sát và cũng từ đó có sự tuần tra của hào mục càng tăng thêm phần hiệu lực.

Sự hoạt động mạnh mẽ của Đề Quý khiến cho công sứ Hải Dương và Hoàng Cao Khải đối phó bằng các cuộc hành quân không tiêu diệt được ông, đã tìm cách mua chuộc, hấn sai viên quản Vinciliomi trước kia từng có quan hệ với Đề Quý cho người đem thư của hắn tới dụ dỗ Đề Quý ra hàng. Đề Quý khẳng khái trả lời: *“Tôi hành động trên vì nước, vì vua, dưới vì chủ soái tôi. Còn tôi đã quyết dù có chết cũng không thay đổi”*.

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Nguyễn Hữu Đức còn gọi là Nguyễn Đức, người làng Mễ Xá tổng Nhân Vũ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Ông đậu cử nhân nhưng không ra làm quan ở nhà dạy học. ngấm ngấm nuôi chí đánh Pháp.

Ngày 28/3/1883 thành Hưng Yên bị quân Pháp hạ một cách dễ dàng vì quan quân nhà Nguyễn uơon hèn không dám đánh trả. Đình Gia Quế, đang làm Chánh tuần huyện Đông Yên cầm thù giặc Pháp và quan lại Triều đình Huế bỏ quan chuẩn bị khởi nghĩa đã đến bàn với ông, được ông nhất trí và tham gia ngay từ đầu. Nguyễn Hữu Đức đã vận động con cháu, môn sinh và trai tráng trong vùng gia nhập nghĩa quân.

Tháng 7/1885 Nguyễn Thiện Thuật đang ở Long Châu (Trung Quốc) nhận được Chiếu Càn vương của vua Hàm Nghi đã trở về nước, về vùng giáp ranh Hải Dương - Hưng Yên - Bắc Ninh mời ông và cử nhân Ngô Quang Huy đến bàn cách khôi phục cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy. Ông được Nguyễn Thiện Thuật giao cho phụ trách miền Nam Hưng Yên và làm dâng sớ lên vua Hàm Nghi phong ông là Tán tương quân vụ. Vì thế nghĩa quân và nhân dân gọi ông là ông “Tán Nam”. Sỹ phu Bắc Kỳ quý tài năng, đức độ của ông đã tôn ông là một trong “Tứ Tán Bắc Kỳ”. (Đó là: Tán Bắc - Nguyễn Cao, tán lý quân vụ Thái Nguyên, còn gọi là ông Tán Cách Bi, vì ông quê ở làng Cách Bi, tỉnh Bắc Ninh; Tán Đông là Nguyễn Thiện Thuật; Tán Nam là Nguyễn Hữu Đức; Tán Tây là Nguyễn Ái, tự Trắc Phong, đồ tiến sĩ. Mỗi quan hệ giữa bốn ông Tán như sau: con gái Nguyễn Thiện Thuật là Nguyễn Thị Trúc lấy con trai ông Nguyễn Hữu Đức là Nguyễn Hữu Hạnh, cháu gái của Nguyễn Thiện Thuật (Nguyễn Thị Vân, húy Hợi) gả cho Nguyễn Cương, diệt tôn của Nguyễn Cao, cháu Nguyễn Ái gả cho cháu Nguyễn Thiện Thuật (cháu gọi Nguyễn Thiện Kế là ông nội).

Nguyễn Hữu Đức giúp các tướng như Đề Tập ở Kim Động, giúp xã Tam Nông ở Tiên Lữ chống càn quét của giặc Pháp, bảo vệ được làng xóm, liên tục tập kích các đồn giặc, phục kích giặc trên đường 39, 38, đường đê sông Luộc. Ông còn tổ chức các trận đánh lớn ở đoạn giữa Dốc Lã, (Hưng Yên) Thanh Miện (Hải Dương), Hưng Nhân, Duyên Hà (Thái Bình).

Nguyễn Hữu Đức không chỉ tổ chức lực lượng kháng chiến, đột kích, tập kích. phục kích quân giặc, ông còn rất coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục, vì ông hiểu rõ muốn nhanh chóng đánh đuổi giặc Pháp ra khỏi bờ cõi thì cả dân tộc Việt Nam không phân biệt giàu nghèo, sang hèn đều phải đồng tâm nhất trí nên rất coi trọng công tác tuyên truyền, vạch trần tội cướp nước của giặc và đả mạt vua quan nhà Nguyễn đầu hàng giặc.

Nói về các hoạt động tích cực của ông, A de Miribel từng làm Công sứ Hưng Yên đã phải thú nhận trong cuốn: *“Lịch sử cuộc chiếm đóng Hưng Yên” (La Pronnes de Hưng Yên)* về vai trò quan trọng của cử nhân Nguyễn Hữu Đức như sau: *“Tán Thuật và Cử Đức là linh hồn của cuộc nổi dậy. Hai người đi hết làng này đến làng khác họp các kì hào và nhóm lên trong lòng họ ngọn lửa yêu nước nồng nàn. Cả hai đều tỏ ra có tinh thần vô tư tuyệt đối và tinh thần hi sinh lớn lao đều phê phán những sự trả thù tàn bạo và những sự đàn áp đẫm máu. Họ tuyên truyền kháng chiến chống người ngoại quốc và hết sức thu phục những người theo họ bằng sự mềm mỏng và lòng tin chứ không phải bằng cách làm cho họ sợ hãi...Đó là bản chất của nhà ái quốc bất khuất, chúng ta phải mất 5 năm trời để chiến đấu với những ảnh hưởng của ông ta”*.

Khi cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy thất bại (tháng 4 năm 1892) Nguyễn Hữu Đức phải chạy sang các tỉnh Thái Bình, Hải Dương. Hà Nam trong nhiều năm. Giặc Pháp bắt bớ giam cầm nhiều người trong

gia đình, ép ông phải về hàng. Biết rõ uy tín của ông trong các tầng lớp nhân dân và giới khoa bảng, giặc Pháp và bọn quan lại dụ dỗ ông ra làm quan, nhưng trước sau ông từ chối, ở nhà dạy học.

CHÁNH TÍNH

Nguyễn Đình Tính quê ở xã An Vĩ, tổng An Cảnh, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu tỉnh Hưng Yên. Ông sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống yêu nước, cả ba anh em ông đều gia nhập lực lượng khởi nghĩa của quan tuần huyện Đình Gia Quế, ông được phong là Chánh đề đốc.

Chánh Tính chỉ huy nhiều trận đánh, có trận quân ta ở trong bãi sậy lực lượng ít, quân Pháp bao vây kín chung quanh, Chánh Tính cho đốt nhiều đồng lúa nghi binh. Quân Pháp tưởng quân ta đông, không dám tấn công phải rút quân. Trong trận đánh quân Pháp càn quét vào làng Ngọc Nha, Chánh Tính đã cho quân nấp dưới cống, tiểu đội Pháp đi tới anh em xông lên diệt gọn cả tiểu đội thu vũ khí...

Nghĩa quân do Chánh Tính chỉ huy đóng ở xã Trung Châu (Khoái Châu), liên tiếp mở các cuộc tấn công vào quân Pháp gây cho chúng nhiều tổn thất.

Trong hoàn cảnh nghĩa quân bị địch vây ráp liên tục, gặp phải rất nhiều khó khăn, Chánh Tính đã tập hợp các tướng, đánh trả các cuộc tấn công của quân Pháp, bảo vệ được căn cứ Bãi Sậy phá tan âm mưu liêu diệt căn cứ Bãi Sậy của giặc Pháp và Hoàng Cao Khải.

Tháng 8/1885, Nguyễn Thiện Thuật về nước trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy. Chánh Tính rất mừng vì cuộc khởi nghĩa đã có một thủ lĩnh tài giỏi lãnh đạo nên thực hiện ngay mệnh lệnh.

Dưới sự lãnh đạo của Bắc Kỳ Hiệp thống quân vụ đại thần Nguyễn Thiện Thuật, cuộc khởi nghĩa được phục hồi nhanh chóng và phát triển ra các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ gây cho quân Pháp nhiều tổn thất lớn. Ngày 12/8/1888 công sứ Hưng Yên Dalmas và tổng đốc Hoàng Cao Khải hạ lệnh cho lính về An Vĩ bắt Chánh Tính, không bắt được ông, chúng bắt 15 kỳ mục của làng.

Những trận đánh do Chánh Tính, chỉ huy diễn ra liên tiếp gây cho quân Pháp những tổn thất nặng nề.

Tháng 10/1890 Nguyễn Thiện Thuật sang Trung Quốc giao quyền Tổng chỉ huy cuộc khởi nghĩa cho Nguyễn Thiện Kế, lực lượng nghĩa quân suy yếu. Nhưng theo tài liệu của mật vụ Pháp thì Hai Kế vẫn còn bầy thủ lĩnh chính trong đó có Chánh Tính, ông vẫn còn trên 200 quân, ba phần tư được trang bị súng bắn nhanh. Nghĩa quân của ông hoạt động mạnh mẽ ở Nam Hưng Yên, Nam Hải Dương gây cho quân Pháp nhiều tổn thất lớn, đến nỗi chúng phải kêu lên “Hai toán còn lại tiếp tục chống cự là Đề Tính và Lãnh Điện. Hai toán này hoạt động ở phủ Khoái Châu và mỗi khi cần thiết lại vào ẩn nấp ở vùng Bãi Sậy, họ đã chống cự lại một cách hữu hiệu đối với các cuộc truy kích của binh đoàn”.

Nghĩa quân Chánh Tính hoạt động mạnh chỉ tính từ tháng 4 đến tháng 6/1891 De Porto Carrero giám binh hạng nhất chết; ngày 27/6/1891 tên La Sage giám binh hạng nhì bị giết cùng nhiều lính Âu-Phi, lính Nam.

Sang tháng 7/1891 Chánh Tính bị đạo quân lớn của Hoàng Cao Khải không ngừng truy kích. Ông phải cùng các Lãnh binh Nguyễn Đình Xuyên, Nguyễn Đình Đề, Lãnh binh Ba Sành đưa 300 quân vượt sông Hồng sang Hà Đông để liên lạc với nghĩa quân của hai thủ lĩnh Đôn và Tây đang hoạt động ở vùng này.

Tháng 8/1891 quân Pháp truy kích Chánh đề đốc Nguyễn Đình Tính mãi không được cuối cùng nhờ tên Lãnh binh Lê Văn Vẩn phản bội nghĩa quân đầu hàng Pháp bao vây mới bắt được. Sau khi bắt được ông chúng tiếp tục truy kích bắt được hai ông Lãnh Xuyên, Lãnh Đề. Chúng đưa ba ông về giam ở thành Hưng Yên. Ngày 21/8/1891 chúng xử chém ba ông (ngày 17 tháng 7 năm Tân Mão). Chúng vứt thây ba ông ở đâu không rõ, còn đầu ba ông chúng chôn ở trong thành, lấp đất, đặt kiềng lên trên

đun và giao cho Đội Quý canh giữ.

Em gái Lãnh Đề tìm mọi cách không lấy được đầu ba ông sau phải nhận lời lấy Đội Quý, chuốc rượu cho Đội Quý và bọn lính gác say rượu rồi đào lấy đầu ba ông đem về An Vĩ, bí mật chôn ở vườn trầu không, lấy cành dâu làm xương rồi an táng.

LÃNH SẬY

Lãnh Sậy tên thật là Nguyễn Đình Mai, còn gọi là Nguyễn Xuân Mai, người làng Thọ Bình, cùng thôn với Đình Gia Quế. Ông là người có công lớn xây dựng và phát triển lực lượng nghĩa quân Bãi Sậy từ năm 1883 đến năm 1885. Ông là người thiết kế và chỉ đạo thi công thành Thọ Bình ở ấp Thọ Bình. Ấp này ở cách xa làng Thọ Bình, gần ấp Dương Trạch, gần đê sông Hồng, cách đền Hóa Dạ Trạch theo đường chim bay một kilômét. Đó là một kiến trúc quân sự hiện đại vào cuối thế kỷ XIX.

Ngoài nhiệm vụ xây dựng lực lượng nghĩa quân, xây dựng công trình phòng thủ, với phương châm tự túc lương thực tới mức cao nhất. Đồng Quân vụ Đình Gia Quế giao cho Lãnh binh Nguyễn Đình Mai chỉ huy hậu cần lo quân lương, vũ khí cho quân khởi nghĩa. Nguyễn Đình Mai đã thu thuế của nông dân cứ mỗi mẫu ruộng nộp ba phương thóc, ông còn tịch thu thóc của quan lại, địa chủ theo Pháp chống nghĩa quân. Ông cũng quan hệ chặt chẽ với chánh tuần huyện Đông Yên Dương Văn Bính ở xã Phù Sa mật báo cho ông biết ngày giờ, địa điểm quân Pháp vận chuyển quân lương để ông cho quân đánh úp cướp lương.

Nhằm tự túc lâu dài và ổn định lương thực cho nghĩa quân, giảm bớt sự đóng góp của nhân dân Nguyễn Đình Mai đã chọn những nghĩa quân già yếu và những nông dân tự nguyện đi phục vụ nghĩa quân phát, đốt sậy khai hoang đắp bờ được hàng trăm mẫu cây lúa, trồng rau màu. Đến vụ thu hoạch thì nghĩa quân thay nhau về gặt lúa. Số thóc đó được gửi trong dân bảo quản và xay giã giao cho nghĩa quân. Chính vì ông chỉ huy việc đốt sậy khai hoang, nên nghĩa quân gọi ông là Lãnh Sậy, quân Pháp cũng gọi theo như vậy.

Lãnh Sậy còn đảm nhiệm việc cung cấp vũ khí cho nghĩa quân. Lãnh Sậy không những chỉ tổ chức sản xuất súng ở hai làng Hoàng Vân mà sản xuất ở nhiều làng khác như Tân Dân, Ông Đình, Phù Sa, Ngọc Nha, Dạ Trạch cung cấp vũ khí cho nghĩa quân.

Có thời kỳ Lãnh Sậy đóng đại bản doanh ở đền An Lạc.

Ông chỉ huy nhiều trận đánh, trong trận đánh ở xã Đức Nhuận gần đền Dạ Trạch, Piglowski viết: *“Trong trận đánh ở Đức Nhuận, nghĩa quân mặc quần áo như nông dân, quân Pháp chỉ nhận ra Lãnh Sậy chỉ huy trận đánh vì ông chít khăn xanh, thắt lưng đỏ”*.

Từ cuối năm 1884 đến giữa năm 1885 lực lượng nghĩa quân Đồng Quế ngày càng mạnh. Tháng 11/1884, quân Pháp và quân Hoàng Cao Khải tấn công căn cứ Bãi Sậy. Lãnh Sậy dẫn quân vượt sông Hồng đánh sang các huyện Thường Tín, Thanh Trì tỉnh Hà Đông khiến quân Pháp đang đánh phá Bãi Sậy phải vội vã rút quân về bảo vệ phía Nam thành phố Hà Nội.

Lãnh Sậy còn cùng các tướng tấn công các đồn Ứng Lôi, Bình Phú, Lực Điền gây cho chúng thiệt hại về người, vũ khí và nổi kinh hoàng không dám đi càn quét các vùng chung quanh.

Giữa tháng 8/1885 (tháng 7 năm Ất Dậu) Đình Gia Quế cùng Lãnh Sậy đem quân vượt sông Hồng đánh đuổi Hoàng Cao Khải, Cao Khải thua bỏ chạy theo đường đê về Hà Nội. Hai ông dẫn quân đuổi đến tận làng Thanh Trì (giáp cảng Phà Đen, Hà Nội) thì có kẻ đưa Hoàng Cao Khải đi giấu nên hẩn thoát chết. Hai ông dẫn quân trở về đến bến đò Vạn Phúc (huyện Thanh Trì) thì bị quân Pháp phục kích. Nghĩa quân bị thiệt hại nặng nề, tan vỡ. Đồng Quế phải trốn lên một làng gần bến đò Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Quân Pháp bắt được Lãnh Sậy, chặt đầu ở góc gạo đền Lộ, đem đầu về Hà Nội rồi đưa về Hưng Yên bêu, còn xác vùi ở góc gạo trước cửa đền Lộ.

Sau này con cháu Lãnh Sậy xây một ngôi miếu tưởng niệm dưới góc gạo đền Lộ và cúng giỗ vào

ngày 17 tháng 7 âm lịch là ngày ông đi đánh trận này.

PHẠM VĂN BAN

Phạm Văn Ban sinh trưởng trong một gia đình giàu có ở làng Đồng Vây, xã Bối Khê, tổng Huệ Lai huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, nay thuộc xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi. Cha ông là Phạm Văn Cán, Chánh tổng tổng Huệ Lai, ông cũng đương chức Lý trưởng xã Bối Khê.

Với lòng yêu nước sâu sắc và chí căm thù giặc Pháp cướp nước và lũ Việt gian bán nước, Phạm Văn Ban đã bàn bạc với ông tú tài Thương Bằng, với ông Xã Thâu ở xã Bối Khê, Nguyễn Đình Tuyển ở xã La Mát kế hoạch khởi nghĩa. Phạm Văn Ban dựng một lá cờ đại ở đình Bối Khê, đánh trống để tuyển mộ quân.

Vấn đề vũ khí được Phạm Văn Ban hết sức quan tâm, ngoài vũ khí tự tạo như dao kiếm, lao, đoản đao, súng kíp, ông còn tổ chức nhiều trận đánh táo bạo vào đồn địch lấy súng đạn của giặc. Ngoài ra ông còn tập trung tất cả thợ rèn giỏi nghiên cứu cách chế tạo súng theo mẫu súng 1874; súng remington, súng lục của quân Pháp. *“vì như lò rèn của nghĩa quân Đề Ban ở làng Nhân Đồng (tổng Huệ Lai, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên). Đề Ban lại có một nghĩa quân rất giỏi nghề đẽo báng súng bằng gỗ quế ở làng Bối Khê (Ân Thi, Hưng Yên) chuyên việc chữa các báng súng trường kiểu 1874. Ông này được mệnh danh là Cai Bình”* (Minh Thành: *Về cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy* đăng trang Tập san *Nghiên cứu lịch sử* năm 1961).

Phạm Văn Ban lập đại bản doanh ở xã Bối Khê quê hương ông và ở đền Phù Ủng. Đề Ban hoàn toàn làm chủ ba tổng Huệ Lai, Phù Vệ, Đỗ Xá. Song địa bàn hoạt động của ông rất rộng gồm Ân Thi, Mỹ Hào, Phù Cừ, Tiên Lữ (Hưng Yên); Bình Giang, Ninh Giang, Cẩm Giàng, Thanh Miện (Hải Dương). Ông thường đi xe ngựa do một con ngựa đen kéo, có một nghĩa quân đánh xe, hai nghĩa quân trang bị súng bắn nhanh đi hộ vệ. Ông đi theo hành trình từ Bối Khê đi qua An Khái, Chu Xá, Huệ Lai, Kim Lũ, Phù Ủng, Đào Quạt, Tiên Kiêu, rồi trở lại Bối Khê để nắm tình hình, kiểm tra công việc của nghĩa quân. Khi ra trận ông cưỡi ngựa đen có đủ yên cương, nhạc.

Hầu hết dân ba tổng Huệ Lai, Đỗ Xá, Phù Vệ đều theo Đề Ban. nghĩa quân có lời hàng nghìn, dân đều theo Đề Ban nên giặc Pháp gọi là *“Tam tổng chi nhân đô thị tặc”* nghĩa là *“cả ba tổng đều làm giặc”*.

Đề Ban đã liên hệ với Đình Gia Quế ở làng Thọ Bình thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy và với các thủ lĩnh khác ở Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh để cùng đánh Pháp.

Từ giữa năm 1885, cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy bị suy yếu có nguy cơ tan rã thì lực lượng nghĩa quân do Đề Ban chỉ huy vẫn hầu như nguyên vẹn.

Và tại Văn chỉ Bình Dân thì Đề Ban đã có mặt chiến đấu dưới ngọn cờ Cần vương do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo.

Cuối năm 1885 quân Pháp tập trung quân đánh Đề Ban, ông phải đưa hơn 1000 quân chạy lên Đông Triều, tỉnh Hải Dương (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh), Nguyễn Thiện Thuật tới bàn bạc với ông, chỉ giữ lại 300 người khỏe mạnh, trung thành, dũng cảm được trang bị tốt. Từ đó Đề Ban không phải lo nhiều về lương thực, thực phẩm cho nghĩa quân.

Khi biết tin về Đề Ban đóng quân ở làng La Mát, quân Pháp huy động lực lượng lớn đến bao vây nhằm tiêu diệt cánh quân của ông.

Ngày 8/2/1891 quân Pháp tập trung trên 1400 dân binh và lính lệ do thanh tra Blanchart và Hoàng Cao Khải chỉ huy và 14 tên vệ binh chính cùng lính Nam ba tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Bắc

Ninh có pháo binh, tàu chiến yểm hộ tấn công dữ dội vào căn cứ Bãi Sậy và các căn cứ khác của nghĩa quân. Lực lượng nghĩa quân do Hai Kế, Đề Ban, Đốc Sung, Lãnh Tảo chỉ huy đã trống trả quân Pháp quyết liệt, nhưng sau cũng phải rút sang huyện Tứ Kỳ, Thanh Hà sang vùng sông Kinh Thầy.

Mặc dù bị quân Pháp bao vây ngày càng chặt, nghĩa quân Đề Ban vẫn hoạt động mạnh. Trong một trận đánh diễn ra dữ dội kéo dài một tiếng đồng hồ, nghĩa quân núng thế. Đề Ban thấy quân Pháp vây kín chung quanh biết là khó thoát, ông từ chối không để Nguyễn Văn Bồng công mà rút súng lục tự sát, hôm đó là ngày 25/12/1891, tức ngày 18/11 âm lịch.

DƯƠNG VĂN ĐIỂN

Dương Văn Diễn sinh năm 1836 quê ở làng Phù Sa cự tổng Đại Quan, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 28/3/1883, quân Pháp hạ thành Hưng Yên lần thứ hai, bọn quan lại hèn nhát bỏ thành chạy. Dương Văn Diễn là người nghĩa khí, không chịu khuất phục kẻ cường quyền áp bức liền bàn với anh em thân tín trong chi họ mộ quân đánh Pháp. Dân trong vùng vốn biết tài đức của Dương Văn Diễn lại sẵn lòng căm thù giặc Pháp và bọn quan lại nhà Nguyễn đầu hàng giặc nên nô nức tòng quân. Vì thế chỉ trong một tuần trắng số nghĩa quân được tuyển lựa đã lên tới trên 100 người. Ông hiểu rõ quân đội hơn dân binh ở chỗ tinh thông võ nghệ, am hiểu phép tiến lui, thông thạo các thế trận nên đã cùng Dương Văn Phô, Dương Văn Sáu, Phạm Văn Thọ chia quân thành đội ngũ luyện tập cách sử dụng đao, kiếm, cách bắn súng, cách dàn thế trận.

Sau lễ Tế cờ, Đồng quân vụ phong chức một số tướng lĩnh, Dương Văn Diễn được phong là Lãnh binh, một số người dưới quyền ông được phong là hiệp quản, quản, đội, cai, bếp chỉ huy các đội, các cơ, các toán quân. Đồng Quân vụ Đình Gia Quế giao cho ông về Phù Sa xây dựng thành căn cứ chống pháp ở ngoại đê sông Hồng. Trở về Phù Sa, Dương Văn Diễn đã xây dựng ba làng Phù Sa, làng Ninh Tập thành một căn cứ chống quân Pháp từ tỉnh lỵ Hưng Yên theo đường đê sông Hồng và đường sông Hồng đánh vào phía Nam căn cứ Bãi Sậy

Dương Văn Diễn hiểu rõ muốn đánh thắng quân Pháp chỉ có lòng dũng cảm chưa đủ mà còn phải có vũ khí tốt. Ông đã giao cho bà Hai Đạm là vợ mình về hai làng Hoàng Vân Nội và Hoàng Vân Ngoại, tổng An Lạc, huyện Đông Yên có nghề rèn truyền thống sản xuất được cả súng kíp; về chùa Tây Trù, xã Tứ Dân, huyện Đông Yên rèn vũ khí. Để nhanh chóng có nhiều súng bắn nhanh trang bị cho nghĩa quân, Lãnh Diễn còn tổ chức nhiều trận đánh táo bạo vào các đồn binh địch với mục đích chính là cướp súng. Những trận đấu như thế xảy ra rất nhiều như trận: “Ngày 6/4/1889 Đê đốc Dương Văn Diễn chỉ huy một đội quân trên 50 người, nắm được tin tên chỉ huy Soler đi vắng, giao quyền cho tên cai người Nam chỉ huy. Ông đã cho một số quân cải trang làm phụ nữ đem rau đến chợ Bình Phú bán, chợ ở sát đồn địch... Một người trong bọn đến giả vờ trò chuyện với lính gác rồi bất thành linh cướp súng của hắn. Lập tức những người khác xông vào đồn giết lính, cướp 12 khẩu súng. Địch ở Lực Điền, Thung Linh đến cứu viện thì nghĩa quân Lãnh Diễn đã rút xa”.

Dương Văn Diễn dùng lối đánh du kích như phục kích, tập kích, hỏa công, độn thổ, khi thì giả làm người đi chợ, khi là những nông dân bình thường xuất kỳ bất ý tiêu diệt quân Pháp, thu vũ khí rồi rút nhanh. Có lần ông cho hai nghĩa quân nhỏ bé nấp trong hai bó sậy do một nghĩa quân khỏe mạnh gánh vào đồn bán. Vào trong đồn, nghĩa quân đập sậy tung ra giết lính, cướp súng rồi nhân lúc quân lính rối loạn rút lui an toàn.

Đội quân thường trực do Dương Văn Diễn chỉ huy dao động từ 200 đến 300 người đều là quân thoát ly khỏi làng xã, hai phần ba được trang bị súng bắn nhanh, rất thiện chiến và tự túc được lương thực nên giữ kỷ luật nghiêm minh không tơ hào của dân, mà chỉ cướp thóc những nhà giàu, quan lại không nộp thuế cho nghĩa quân, chống lại nghĩa quân.

Từ năm 1883- 1884 Dương Văn Diễn chỉ huy chiến đấu nhiều trận như trận đánh đám hào lý phản động ở các làng chống lại nghĩa quân. Các trận ông chỉ huy đánh quân Pháp ở Hoàng Vân, Giếng Vàng, Ngọc Nha, Kênh Khê. Bình Phú, Quán Cà... đã gieo mối kinh hoàng cho quân Pháp và quân

Hoàng Cao Khải.

Nghĩa quân Dương Văn Diễn rất gan dạ, mưu trí, kiên cường đánh giặc, quân Pháp và quân Hoàng Cao Khải nghe nói đến quân Dương Văn Diễn là sợ như sợ cọp.

Tháng 1/1886. quân Pháp thực hiện chính sách “*Dùng người Việt, đánh người Việt*” lập binh đoàn Bình định giao cho tên đại Việt gian Hoàng Cao Khải làm Tư lệnh trưởng. Được sự hỗ trợ đặc lực của bộ binh, công binh, pháo binh, hạm tàu và cả sĩ quan Pháp chỉ huy, Hoàng Cao Khải đã điên cuồng mở nhiều đợt tấn công vào nghĩa quân Bãi Sậy. Song nghĩa quân Dương Văn Diễn dũng cảm được nhân dân ủng hộ đã đánh thắng nhiều trận trong đó có những trận Dương Văn Diễn phối hợp với các thủ lĩnh khác như trận Cầu Ngang (Kim Đồng), trận Hoàng Vân, Kênh Khê, Hoàng Nha, Quán Cà (Khoái Châu), Thung Linh, Bình Phú (Yên Mỹ).

Khiếp sợ Dương Văn Diễn, tháng 6/1889 Morel, phó công sứ Hưng Yên cho lính về đóng ở Phù Sa và lệnh cho quân Pháp đóng trong tỉnh Hưng Yên phải truy kích ráo riết nghĩa quân Lãnh Diễn, song ông đã khôn khéo tránh các cuộc truy kích của địch mà còn tổ chức các trận tập kích: phục kích lại chúng. Đánh không được, Morel viết thư dụ ông hàng, ông phản đối, Morel cho lính bắt mẹ ông và hẹn ông năm ngày ông phải ra hàng ở Kênh Khê nếu không chúng giết mẹ ông và triệt phá cả ba làng Phù Sa.

Dương Văn Diễn là người chí hiếu với mẹ, ông phải ra hàng để cứu mẹ, nhưng lợi dụng lúc giặc sơ hở, ông công mẹ chạy trốn. Quân Pháp cho hai tên lính khổ xanh trá hàng nghĩa quân để thực hiện âm mưu ám sát Dương Văn Diễn, nhưng do nghĩa quân cảnh giác, nên chúng bị bắt khi chưa thực hiện được âm mưu đen tối.

Tháng 10/1889 quân Pháp đóng ở phủ lý Khoái Châu được lệnh truy kích ráo riết nghĩa quân Dương Văn Diễn. Song Diễn đã khôn khéo tránh các cuộc truy kích của địch và còn tổ chức các trận tập kích, phục kích chúng khiến cho bọn đi đánh lại bị đánh.

Tháng 8/1891, Dương Văn Diễn thấy không thể nào hoạt động ở Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh được, ông giải tán nghĩa quân, khuyên mọi người lên Yên Thế gia nhập nghĩa quân Đề Thám, ông cùng Hiệp quản Dương Văn Phô, Hiệp quản Dương Văn Ké, Hiệp quản Lê Văn Cần tìm đường lên Hưng Hóa gia nhập nghĩa quân Đề Kiêu. Ngày 21/8/1891 bốn ông đi đến làng Phương Cách, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây thì bị lính của tri phủ Quốc Oai, và lính của tri huyện sở tại Phạm Hữu Đại bao vây. Các ông bị bọn lính bắt được lôi lên bờ chặt đầu. Sau khi Lãnh Diễn hy sinh, quân giặc đưa đầu ông về Hưng Yên gọi lý trưởng đến nhận diện. Khi đó đầu Dương Văn Diễn đã nát không nhận rõ, nhưng để yên chuyện lý trưởng công nhận đó là đầu Dương Văn Diễn.

ĐỐC CỌP

Đốc Cọp tên thật là Vũ Văn Cọp quê ở xã An Xá, tổng An Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Vũ Văn Cọp tuy hiếu động nhưng học hành thông minh. Cọp đi thi vào đến Đề nhị trường nhưng đến Đề tam trường thì trượt. Chán con đường khoa cử, Cọp bỏ học văn, tìm thầy học võ. Chẳng bao lâu ông trở thành người giỏi võ, còn tài vật thì trong vùng không ai bằng. Cha mẹ muốn giữ chân ông, nên chạy cho ông chân phó lý. Ông làm phó lý, nhà giàu nhưng không keo kiệt, thường giúp đỡ người nghèo.

Ngày 28/3/1883, thành Hưng Yên thất thủ. Vũ Văn Cọp liền bàn với em trai là Hai Cống và hai bạn từ thuở chẵn trâu là Nguyễn Văn Soàng và Tạ Văn Xuân đứng lên kêu gọi trai tráng trong hàng tổng khởi nghĩa đánh Pháp gia nhập cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy do Đồng quân vụ Đình Gia Quế lãnh đạo.

Dân cư tổng An Xá và các xã trong vùng vốn quý trọng phó lý Vũ Văn Cọp nên nô nức gia nhập nghĩa quân. Chỉ trong vòng nửa tháng đã có trên 200 người gia nhập quân khởi nghĩa. Đốc Cọp chỉ huy nhiều trận đánh Pháp ở Khoái Châu, Kim Động, trận Cầu Ngang (Kim Động).

Tháng 9/1885 khi Nguyễn Thiện Thuật về trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy. Đốc Cọp có mặt ngay từ buổi đầu, dự lễ tế cờ khởi nghĩa ở Văn chỉ Bình Dân. Trong suốt quá trình chiến đấu, Đốc Cọp là một thủ lĩnh mưu trí, có công lớn trong phong trào khởi nghĩa Bãi Sậy. Ông được Nguyễn Thiện Thuật giao cho ông cùng Tán tương quân vụ Nguyễn Hữu Đức chỉ huy vùng Nam Hưng Yên. Ông là người chỉ huy dũng cảm, táo bạo, tài thao lược, quân Pháp sợ ông như sợ cọp, nên chúng tôn ông là “Đốc Cọp”. Bọn chỉ huy Pháp viết về ông như sau: *“Trong tỉnh Hưng Yên Đề đốc Ban, Đề đốc Cọp đã gây cho quân Pháp bao nỗi kinh hoàng”* (Daufès: Bảo an binh Đông Dương từ ngày thành lập đến nay).

Tháng 3/1888, một đội quân do Đốc Cọp chỉ huy tao ngộ chiến dữ dội với quân Pháp ở Đông Nhu. Vũ Xá bắn trọng thương 2 sĩ quan Pháp là Legllé và Chuibert, giết chết nhiều tên.

Nghĩa quân do Đốc Cọp chỉ huy hoạt động mạnh mẽ ở các huyện Kim Động, Ân Thi, Khoái Châu song ông bị quân Pháp truy kích ráo riết.

Đầu tháng 4-1891, Đốc Cọp đưa quân về đóng ở chùa Quán thuộc xã Lôi Cầu, huyện Đông Yên (Lôi Cầu nay thuộc xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, Hưng Yên). Nghĩa quân đóng trong chùa tổ chức phòng thủ, Hoàng Cao Khải được quân Pháp hỗ trợ đưa quân tới đánh, song trận nào chúng cũng bị quân của Đốc Cọp đánh bật ra ngoài. Nghĩa quân giữ được chùa Quán hơn một tháng. Vì nghĩa quân đã mệt mỏi, đạn đã cạn, không còn lương thực, Đốc Cọp lợi dụng đêm tối và cánh đồng lau sậy tốt rút khỏi chùa Quán về xã Tiểu Quan.

Ngày 21/5/1891 khi quân Pháp biết tin Đốc Cọp chỉ huy 300 quân đang cùng hơn 1 00 nghĩa quân làng Tiểu Quan đang đóng trong làng Tiểu Quan, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, lập tức Vincillioni, Pointes, Brezton chỉ huy bao vây chặt Tiểu Quan. Quân Pháp đến từ nửa đêm nhưng chúng sợ Đốc Cọp không dám xem thường mà chỉ bao vây từ xa, gần sáng chúng mới thít chặt vòng vây. Mờ sáng ngày 22/5/1891 nghĩa quân chuẩn bị rút khỏi Tiểu Quan bỗng có báo động. Đốc Cọp cho người ra quan sát thì thấy quân Pháp đã bao vây kín làng, ông liền bố trí quân sau các lũy tre dày gấp rút đào công sự đánh địch. Quân Pháp bắn như đổ đạn vào làng, nghĩa quân bắn lại, tuy lực lượng nghĩa quân ít, lại bị mệt mỏi sau hơn một tháng chiến đấu, đạn được ít nhưng có ưu thế chiếm được cao điểm lại có lũy tre dày, lũy đất kiên cố nên nghĩa quân bắn rất trúng, hạ được nhiều giặc, quân Pháp không sao

tới gần được lũy. Suốt ngày hôm ấy nghĩa quân xông ra nhiều lần song không chọc thủng được vòng vây, sai người đi về Bãi Sậy cầu viện cũng không đi thoát, nghĩa quân bị tổn thất nặng nề. Quân Pháp tràn được vào làng, nghĩa quân đánh giáp lá cà nhưng lực lượng ít không địch nổi quân Pháp. Quân Pháp chia nhau đi sục sạo. Đốc Cọp bị thương nặng, nấp dưới ao sâu, đẩy bè rau muống lên trên chỉ ngửa mặt lên trời. Bọn lính đuổi bắt gà, tình cờ một con gà bay xuống ao, bọn lính đuổi theo, phát hiện ra Đốc Cọp chúng bắt đưa về Hà Nội. chúng cũng bắt được 20 nghĩa quân. Ngày 23/5/1891 (ngày 16/4 âm lịch) quân Pháp xử bắn ông ở khu đất trống cạnh hồ Hoàn Kiếm Hà Nội - nơi chúng đã bắn Đội Văn tháng 11/1889 (nay là vườn hoa Lý Thái Tổ) đưa đầu về Hưng Yên bêu, xác ném xuống sông Hồng.

NGUYỄN VĂN SUNG

Nguyễn Văn Sung còn gọi là Nguyễn Đức Sung sinh năm 1843 quê ở xóm Son, làng Dịch Trì, tổng Liêu Xá, huyện Mỹ Hào tỉnh Hải Dương, nay là thôn Dịch Trì, xã Ngọc Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Nguyễn Văn Sung học văn rất thông tuệ, học võ sớm tinh thông các môn vật, gậy, đoản đao, kiếm. Năm 1882 quân Pháp hạ thành Hà Nội lần thứ hai, ngày 28/3/1883, quân Pháp hạ thành Hưng Yên Nguyễn Văn Sung khi đó đang ở làng Tam Á, tổng Tam Á liền tập hợp anh em trong phường gặt và anh em nghèo trong vùng sắm sửa vũ khí, tích trữ lương thực mưu đồ nổi dậy chống Pháp bị quân Pháp vây bắt, nhưng được nhân dân giúp đỡ nên ông đã trốn thoát. Đúng vào thời gian đó Tuần Vân ở xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh khởi binh đánh Pháp, Nguyễn Văn Sung đem vài chục thủ hạ đến theo. Ông nhanh chóng trở thành một thủ lĩnh xuất sắc của Tuần Vân. Đốc Sung đã chặn đánh quân Pháp nhiều trận như trận chợ Bốn, bên trong đê Cự Khối, huyện Gia Lâm gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại.

Tháng 9/1885, Nguyễn Văn Sung đã có mặt trong buổi lễ Tế cờ tại Văn chỉ Bình Dân. Nguyễn Thiện Thuật phong ông chức Đề đốc và dâng sớ về căn cứ kháng chiến ở Quảng Trị để vua Hàm Nghi ban thưởng. Vua ban cho ông Kim tiền và thanh gươm báu, chuôi bằng ngà voi có tám chữ: “Phục quốc diệt thù - Tiền trăm hậu tấu”. Nguyễn Thiện Thuật giao cho ông chiến đấu ở Nam Bắc Ninh, Bắc Hưng Yên và Bắc Hải Dương dưới quyền Hồng lô Tự khanh Tán lý quân vụ Ngô Quang Huy.

Đốc Sung đóng quân ở đình Tam Á, và ở khu đền Sĩ Nhiếp rộng tới hơn 2 mẫu cây cối um tùm. Nhưng Tam Á là một làng trống trải nên ông còn xây dựng căn cứ ở cánh đồng Trầm và xây dựng làng Hà Mãn cách đó một quãng thành làng chiến đấu. Biết tin Đốc Sung về hoạt động ở Gia Lâm, Thuận Thành, Gia Bình bên Tả ngạn sông Đuống và Từ Sơn, Tiên Du bên Hữu ngạn sông Đuống, Pháp đưa quân đến đánh, ông lập trận địa ở cánh đồng Trầm rồi nhử chúng vào Hà Mãn, đặt phục binh hô quân đánh giáp lá cà. Quân Pháp thua bỏ chạy để lại trên 10 súng bắn nhanh.

Cuối năm 1885, Nguyễn Thiện Thuật điều ông về đóng ở Tây Nam huyện Mỹ Hào, bảo vệ căn cứ Bãi Sậy. Ông đóng quân ở làng Liêu Trung cùng Lãnh binh Lưu Ngọc Thấu xây dựng Liêu Trung thành làng chiến đấu. Quân pháp cho cai Pommis về đóng đồn Thụy Lâm, giáp Cầu Đứng qua sông Nghĩa Trụ, chặn nghĩa quân từ Cầu Treo, Sài Trang tiến vào Bãi Sậy.

Khi Đề đốc Nguyễn Văn Sung đóng quân ở Liêu Trung, ông đã tổ chức cho nghĩa quân khai hoang, phục hóa cấy được hơn 100 mẫu lúa và rau màu. giảm bớt sự đóng góp của dân. Đốc Sung đã “thi hành chính sách đặc điền”, tức là bắt bọn địa chủ ở Dịch Trì và các làng ông kiểm soát phải khai báo diện tích ruộng đất. Bọn này sợ phải đóng thuế nhiều nên đã khai bớt diện tích. Ông cho đo đạc lại tịch thu số ruộng đất dôi ra, sung vào công điền rồi chia cho dân nghèo.

Địa bàn hoạt động của Đề đốc Nguyễn Văn Sung rất rộng. Tháng 10-1888 Đốc Sung đưa quân đến đánh phá huyện Cẩm Giàng. Về trận này quân Pháp thú nhận như sau: “*Trong khi huyện Mỹ Hào được yên ổn thì huyện Cẩm Giàng lại bị quân cướp của Đốc Sung từ Bắc Ninh đến quấy phá luôn. Các vùng khác, trừ miền núi vẫn yên*”. Nghĩa quân của ông hoạt động rất mạnh, đẩy lùi được rất nhiều cuộc đàn áp của giặc.

Đầu tháng 3/1891 Đốc Sung đưa quân về hoạt động ở quê ông: tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, đạo Bãi Sậy, đóng quân ở chùa Đông Long, cạnh làng Dịch Trì thì bị Lãnh Vãn ở làng Đông Mai (sau

khi Lãnh Vãn làm phản, Pháp cho hắn làm đồn trưởng đồn Đồng Mối) và tên Kha trước đây là thân cận của ông đang đem đưa quân Pháp đến vây chùa. Đốc Sung khi đó đi tuần phát hiện được liền gọi loa báo cho nghĩa quân và dân biết. Bọn Pháp xả súng bắn, Đốc Sung bị thương nặng ở đùi, ông bò ra khu ao rộng 5 sào trước cửa chùa. Bọn Pháp bủa vây chung quanh, ông giấu thanh gươm vua Hàm Nghi ban vào bụi lau sậy rồi rút súng lục bắn vào miệng tự sát. Con cháu Đốc Sung vẫn cúng giỗ vào ngày 27 tháng 2 âm lịch (ngày 17 tháng 3 năm 1891).

NGUYỄN SUNG

Nguyễn Sung là con trai thứ hai Nguyễn Thành Thà, quê ở thôn Phan Bồng, xã Đỗ Mỹ, huyện Thần Khê, tỉnh Hưng Yên, cùng với anh cả là Nguyễn Khả Lương tham gia cuộc kháng chiến của nghĩa quân Bãi Sậy do Đồng Quân vụ Đình Gia Quế lãnh đạo.

Nguyễn Sung được Đình Gia Quế cử giữ chức Hiệp quản chuyên trách lo hậu cần cho căn cứ Bãi Sậy. Để có lương thực cung cấp ngay cho nghĩa quân. Lãnh binh Dương Văn Diên đã cùng với Hiệp quản Nguyễn Sung bí mật đến nhà ông Dương Văn Bính là chú họ Dương Văn Diên đang giữ chức Tuần huyện Đông Yên bàn việc tổ chức quân lương cho nghĩa quân. Ông Bính làm việc cho Nam triều nhưng là người yêu nước đã thực hiện kế hoạch do Lãnh Diên và Hiệp Sung đề ra là trước khi ông đi áp tải lương từ các xã nộp vào kho của huyện hay trên đường vận chuyển lương thực tới các đồn binh thì báo trước cho nghĩa quân. Nguyễn Sung cho quân phục kích để cướp lương, nhưng cố không giết chết quân lính đi áp tải, trừ những tên ngoan cố để bảo vệ an toàn tính mạng cho Dương Văn Bính.

Với cách làm đó nghĩa quân thu được rất nhiều lương thực, mà ông Dương Văn Bính cũng không bị giặc nghi ngờ.

Khi cha và anh cùng hai em lần lượt hy sinh, Nguyễn Sung vẫn một mình kiên trì hoạt động để trả thù nhà, đền nợ nước. Trong một lần dẫn một toán nghĩa quân đi vận chuyển vũ khí do Lưu Kỳ mua ở biên giới Trung Quốc về đến vùng giáp ranh Bắc Ninh - Hưng Yên thì Nguyễn Sung bị quân Pháp càn bắt ngờ. Ông chỉ huy anh em chiến đấu và hy sinh anh dũng.

ĐỐC GIỚI

Đốc Giới tên thật là Nguyễn Giới là con trai thứ ba Nguyễn Thành Thà, quê ở thôn Phan Bồng, xã Đỗ Mỹ, huyện Thần Khê, tỉnh Hưng Yên, nay là xã Bình Lang huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Nguyễn Thành Thà đã cho hai con trai là Nguyễn Khả Lương, Nguyễn Sung sang chiến đấu ở căn cứ Bãi Sậy từ tháng 4 năm 1883 dưới quyền chỉ huy của Đồng Quân vụ Đình Gia Quế.

Tháng 9 năm 1885, Bắc Kỳ hiệp thống quân vụ Đại thần Nguyễn Thiện Thuật về lãnh đạo căn cứ Bãi Sậy thay Đình Gia Quế. Nguyễn Thành Thà lại cho con trai thứ ba là Nguyễn Giới và con trai thứ tư là Nguyễn Mịch sang chiến đấu ở căn cứ Bãi Sậy.

Nguyễn Thiện Thuật phái Nguyễn Giới cùng Nguyễn Mịch giúp Bang Tồn xây dựng phòng tuyến sông Luộc ngăn chặn quân Pháp từ Nam Định vượt sông Luộc đánh sang các cứ điểm của nghĩa quân Bãi Sậy, đóng ở Tiên Lữ, Phù Cừ, và ngăn quân Pháp từ Hưng Yên, Hải Dương đánh sang Nam Định.

Nguyễn Giới đã góp phần quan trọng trong các trận nghĩa quân Bãi Sậy đánh thắng quân Pháp trên phòng tuyến sông Luộc. Do lập được nhiều chiến công, Nguyễn Thiện Thuật phong Nguyễn Giới hàm Đốc binh. Mọi người thường quen gọi ông là Đốc Giới.

Nguyễn Thiện Thuật chủ trương mở rộng căn cứ Bãi Sậy sang huyện Thần Khê nên giao cho Nguyễn Mịch cùng em trai về xây dựng căn cứ Đống Lau ở ngay quê ông là làng Phan Bồng, biến mảnh đất này làm mồ chôn quân Pháp và tay sai. Từ căn cứ Đống Lau, nghĩa quân bảo vệ được căn cứ Bãi Sậy từ xa và cũng ngăn chặn được quân Pháp từ hữu Ngạn sông Luộc đánh sang tả Ngạn sông Luộc.

Giặc Pháp đem quân đánh phá căn cứ Đống Lau nhiều lần không thắng mà còn bị thương vong nặng nề. Giặc Pháp giao cho tên đại Việt gian Hoàng Cao Khải dùng kế li gián. Hàng ngày Khải sai tay chân gọi loa dụ dỗ Đốc Giới cùng em ông là Lãnh Mịch đầu hàng sẽ được phong quan tước. Khải còn hèn nhát mạo thư ông nhận lời cộng tác với giặc Pháp để nghĩa quân và nhân dân nghi ngờ ông. Chúng bao vây chặt làng Phan Bồng, người nào ra khỏi làng là chúng dùng thóc gạo, tiền bạc, vải vóc mua chuộc. Người nào không nghe chúng đánh cho gãy tay, què chân. Quân Pháp không ngừng bắn đại bác vào trong làng, chặn các nguồn tiếp tế lương thực, thực phẩm. Sau nhiều ngày bị giặc phong tỏa, căn cứ Phan Bồng lâm vào cảnh thiếu lương, thiếu muối, nghĩa quân cũng hết đạn. Người trong làng bị bắt vãn. Nghĩa quân thiếu ăn, ngày đêm phải đề phòng quân giặc tấn công nên mệt mỏi, không còn sức chiến đấu. Đến lúc đó quân Pháp mới đổ quân, tấn công ào ạt, nghĩa quân không còn đạn, cũng không còn sức chiến đấu nên phần lớn hy sinh và bị bắt. Đốc Giới cùng em trai là Lãnh Mịch cũng bị bắt. Chúng bảo ông đầu hàng thì chúng tha chết. Ông vẫn kiên cường không khuất phục. Chúng đưa Nguyễn Giới về chém ở Kỳ Bá.

Vua Hàm Nghi nhận được bản tấu về sự hy sinh của ông, truy tặng ông hàm Nhiêu, sĩ phu Bắc Kỳ có nhiều câu đối phúng viếng.

LÃNH MỊCH

Lãnh Mịch tên thật là Nguyễn Mịch, là con trai thứ tư nhà yêu nước Nguyễn Thành Thà, người đã phối hợp với Đốc học Phạm Văn Nghị đánh quân Pháp từ năm 1873 khi đang làm Chánh quản ở tỉnh Hưng Yên. Năm 1883, quân Pháp hạ thành Nam Định lần thứ hai, Nguyễn Thành Thà giữ Cửa Đông, bị thương vẫn chiến đấu. Thành mất, ông về Vị Xuyên tổ chức nghĩa quân đánh giặc Pháp.

Tháng 4 năm 1883, Đình Gia Quế lập căn cứ kháng chiến ở Bãi Sậy, phủ Khoái Châu, ông cử con cả là Nguyễn Khả Lương, con thứ hai là Nguyễn Sung sang chiến đấu dưới ngọn cờ “*Nam Đạo Cần Vương - Bình Tây phát tội*”. Tháng 4 năm 1885 khi Nguyễn Thiện Thuật về trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy ông lại cử con thứ ba là Nguyễn Giới, con thứ tư là Nguyễn Mịch sang Bãi Sậy chiến đấu dưới dự chỉ huy của Nguyễn Thiện Thuật, ông Thuật giao cho ông và anh ông là Nguyễn Giới giúp Bang Tồn, xây dựng phòng tuyến sông Luộc. Nguyễn Mịch chỉ huy một đồn binh ở miệt vạu chài ven sông Luộc cách đồn Ứng Lôi của giặc Pháp không xa. Nghĩa quân của ông phần lớn là dân chài đánh cá trên sông Luộc và các ngòi lạch thuộc huyện Tiên Lữ và huyện Thần Khê. ông đảm đương đầu mối liên lạc giữa ban chỉ huy trung tâm cuộc khởi nghĩa ở đầm Dạ Trạch với hai huyện Thần Khê, Duyên Hà ở bên kia sông Luộc. Mỗi khi có các cuộc hành quân lớn của nghĩa quân qua sông Luộc thì ông cho quân bao vây, không chế đồn Ứng Lôi. Ông đã hai lần tấn công đốt trại đồn Ứng Lôi. Song quân Pháp không thể bỏ vị trí quan trọng này nên chúng lại dồn quân đến tái lập đồn.

Do lập được chiến công xuất sắc, Nguyễn Mịch được Nguyễn Thiện Thuật phong làm Lãnh binh. Nguyễn Thiện Thuật chủ trương phát triển lực lượng nghĩa quân sang huyện Thần Khê và huyện Duyên Hà nên đã cử Lãnh Mịch cùng anh trai là Đốc Giới về đóng đồn ở quê ông là làng Phan Bổng, Đống Lau, xã Đỗ Mỹ huyện Thần Khê. Đồn binh này đã chặn đứng các cánh quân Pháp từ Nam Định, từ huyện Vũ Thư đánh sang. Đồng thời kiểm soát con đường từ phủ Thái Bình (sau là tỉnh Thái Bình) sang các tỉnh Hưng Yên và Hải Dương. Quân Pháp đánh mãi không được, mới sai tên Việt gian Hoàng Cao Khải cho tay sai gọi loa dụ hàng.

Không khuất phục được anh em Lãnh Mịch, Đốc Giới bằng vũ lực và dụ hàng, Hoàng Cao Khải bao vây chặt làng Phan Bổng, cắt đứt mọi nguồn tiếp tế từ ngoài vào. Chúng còn kéo đại bác từ Nam Định sang bắn phá ác liệt vào làng Phan Bổng. Người dân nào chạy ra khỏi làng là chúng bắt tra tấn cực kỳ man rợ. Bị bao vây nhiều ngày, thiếu đạn, thiếu gạo, thiếu muối, vô cùng mệt mỏi, mất hết sức chiến đấu đến lúc đó quân Pháp mới ào ạt tấn công vào làng.

Lãnh Mịch và Đốc Giới chỉ huy nghĩa quân đánh quân Pháp, nhiều nghĩa quân hy sinh và bị bắt. Lãnh Mịch, Đốc Giới cũng bị chúng bắt. Chúng dụ dỗ các ông đầu hàng sẽ không giết, Lãnh Mịch kiên quyết phản đối. Giặc hèn nhát đem anh ông là Đốc Giới về Kỳ Bá chém, còn ông chúng đưa ông về bên đò Phiên ở làng chém để uy hiếp đồng bào.

Vua Hàm Nghi nhận được bản tấu đã truy tặng ông và anh ông hàm Nhiêu, Nam sĩ phu trong tỉnh Hưng Yên và Nam Định làm nhiều thơ, câu đối phúng viếng, trong đó có câu:

*Tích nhật Lục Giang Pháp phỉ kinh hồn
Phan Bổng anh hùng, đốc lãnh dân xưng bất hủ;
Kim thiên Lô Đống, nguy quân táng đờm,
Nông Kỳ tráng sĩ, Nhiêu Nam để tặng trường linh.*
Dịch:

*Ngày trước sông Luộc giặc Pháp kinh hồn, anh hùng Phan Bội, Đốc Lãnh dân còn tôn mãi;
Hôm nay Đồng Lau nguy quân vỡ mật, tráng sĩ Nông Kỳ, Nhiêu, Nam vua tặng không mờ.*

NGUYỄN DUY HIỆU

Nguyễn Duy Hiệu còn gọi là Nguyễn Hiệu, Hường Hiệu sinh năm 1847 quê ở làng Thanh Hà, huyện Diên Phước, nay là huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Nguyễn Duy Hiệu có tư chất thông minh, năm 14 tuổi đã đi thi Hương, nhưng mãi đến năm 1879 mới đậu cử nhân và khoa thi Hội năm 1879 mới đậu phó bảng. Năm 1882 Tự Đức bổ dụng ông làm Giảng tập ở Dũng Thiện đường để dạy hoàng tử Ưng Đăng (sau là vua Kiến Phúc).

Khi triều đình Huế ký hoà ước với Pháp ông treo ấn từ quan thành lập Nghĩa hội chống Pháp. Sau khi Tôn Thất Thuyết ra bản Thông báo cho cả nước biết việc vua Hàm Nghi xuất bôn và kêu gọi mọi người “Cần vương”, lập tức Nguyễn Duy Hiệu cùng các ông Trần Văn Dư, Phan Bá Phiến, Hồ Học, Nguyễn Thành chiêu mộ quân nghĩa dũng đánh Pháp. Riêng ông Hồ Học chiêu mộ được 1000 quân. Hồ Học được Nguyễn Duy Hiệu giao cho chỉ huy từ đèo Hải Vân đến An Ngãi Đông.

Nguyễn Duy Hiệu được vua Hàm Nghi sắc phong: Bính bộ Tả tham tri, sung Tham tán quân vụ đại thần, kiêm lý Nam - Ngãi Tổng đốc (Tả tham tri bộ Binh, giữ chức Tham tán quân vụ đại thần, kiêm tổng đốc Nam - Ngãi). Nguyễn Duy Hiệu đã nhân danh vua Hàm Nghi phong chức cho những người đảm đương trách nhiệm hành chính và quân sự.

Nguyễn Duy Hiệu kế tục sự nghiệp của Trần Văn Dư lãnh đạo nghĩa quân. Ông hoạt động kiên quyết, nguyện hiến thân cho đại cục. Trước sự tấn công ác liệt của quân Pháp và quân triều đình Đồng Khánh, căn cứ Trung Lộc bị thất thủ. Nghĩa quân bị thiệt hại nặng nề. Nguyễn Thành, Hồ Học ra sức cản địch để các vệ sĩ bảo vệ Nguyễn Duy Hiệu, Phan Bá Phiến rút về Gò May rồi chạ về vùng ven biển. Nguyễn Duy Hiệu thấy không còn khả năng phục hồi được Nghĩa Hội, ông nói với Phan Bá Phiến:

“Nghĩa hội ba tỉnh ông với tôi thật chủ trương. Việc đã không thể làm thì ta chỉ có chết mà thôi. Nhưng hai ta cùng chết một lúc là vô ích. Ông hãy chết trước. Phần tôi, tôi sẽ giải tán Hội, rồi đem thân mặc cho Pháp bắt. Người Pháp tra hỏi, tôi sẽ cực lực giải thoát cho Hội. Một mình tôi chết không đáng tiếc, còn hội ta sau này có kẻ làm thay chỉ ta, tức là ta sống đó!”. Sau đó hai thủ lĩnh quyết lấy cái chết để giữ bí mật của Nghĩa hội và bảo vệ các đồng chí còn sống được an toàn. Phan Bá Phiến uống thuốc độc tự tử trước, Nguyễn Duy Hiệu về quê thấp hương ở bàn thờ mẹ rồi ra miếu Quan Công, sai người báo cho Nguyễn Thân đến bắt. Ông nhận hết trách nhiệm về mình. Ngày rằm tháng tám năm Đinh Hợi (1/10/1887) một ngày sau khi Đồng Khánh phê chuẩn bản án tử hình, Nguyễn Duy Hiệu ung dung ra pháp trường chịu chém, trên môi vẫn nở nụ cười. Giặc Pháp và triều đình Huế chặt đầu ông dùng ngựa trạm hoả tốc đưa về phủ Điện Bàn tỉnh Quảng Nam bêu. Sự bình thản đi vào cõi chết của ông khiến kẻ thù run sợ. Baille, Khâm sứ Trung Kỳ lúc đó chứng kiến cái chết của ông đã phải viết:

"Hiệu đợi chết đứng như một người thuộc loại y vào bực y, nghĩa là y đợi chết không sợ sệt và đợi nó như một vận số, một định mệnh không có điều gì để cảm giận(...) Hiệu cũng như nhiều người khác đã thấy ở Nam Kỳ và Trung Kỳ, vẫn làm thơ trong khi đi tới pháp trường, rồi viết câu thơ đầu ngọn bút lông, mà không một nét nào run, tỏ sự xúc động gì cả..." (Baille: Souvenirs d'Annam)

NGUYỄN HÀM

Nguyễn Hàm còn có tên là Nguyễn Thành, hiệu Tiểu La, sinh năm 1863, quê ở làng Nam Thịnh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Năm Ất Dậu, Hàm Nghi nguyên niên (1885), Nguyễn Thành ra Huế dự kỳ thi Hương nhưng kinh đô thất thủ, vua Hàm Nghi ra sơn phòng Quảng Trị hạ chiếu Cần vương. Nguyễn Thành trở về quê ứng nghĩa Cần vương. Sẵn có lòng yêu nước và kiến thức quân sự, lại biết võ nghệ, Nguyễn Thành cũng đứng cờ, chiêu mộ nghĩa quân đánh Pháp. Sau ông đưa quân gia nhập lực lượng của Nguyễn Duy Hiệu và trở thành Phó tướng khi ông mới 22 tuổi. Nguyễn Thành lĩnh chức Tán tương quân vụ lập công ngay trận đánh thu hồi sơn phòng Dương Yên.

Tháng 12 năm 1885 nghĩa quân bị một tổn thất lớn là thủ lĩnh Trần Văn Dư bị quân Pháp giết hại, công việc của Nghĩa hội do Nguyễn Duy Hiệu, Phan Bá Phiến, Nguyễn Thành gánh vác. Song về quân sự thì Nguyễn Thành đảm nhận là chính.

Cuối năm 1887, Đồng Khánh sai Nguyễn Thân chỉ huy 1000 quân. Khâm sứ Pháp cũng phái hai đạo quân gồm 400 lính Pháp 200 lính tập cùng quân của Phan Liêm đánh phá căn cứ Trung Lộc. Quân Pháp còn trang bị cho Nguyễn Thân, Phan Liêm 400 súng trường báng gấp cùng nhiều đạn dược. Giặc đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa, Nguyễn Thành bị bắt nhưng không bị tra tấn nhiều do Nguyễn Duy Hiệu đã nhận hết trách nhiệm về mình.

Nguyễn Thành không phải đi đày mà chỉ bị quản thúc ở làng. Về sau Nguyễn Thân ra Nghệ Tĩnh đàn áp cuộc khởi nghĩa Phan Đình Phùng mấy lần mời ông cộng tác, ông đều khéo léo cự tuyệt.

Nguyễn Thành lập trại cày ở Nam Thịnh để tập hợp đồng chí, tích lũy lương thảo, bề ngoài sản xuất nông nghiệp để che mắt kẻ thù.

Năm 1902, Phan Bội Châu đã biết tiếng Nguyễn Thành là người đã tham gia cuộc khởi nghĩa của Nghĩa hội Quảng Nam và là viên dũng tướng nên quyết định vào gặp Nguyễn Thành để kết làm đồng chí cùng lo việc nước. Đầu tháng 5/1904, Phan Bội Châu và Nguyễn Thành đã triệu tập một Hội nghị có trên 20 sĩ phu đại diện cho ba kỳ Bắc - Trung - Nam tại Nam Thịnh sơn trang (điền trang của Tiểu La) nay thuộc huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Sau khi thảo luận kỹ đường lối, chính cương của tổ chức mới, các đại biểu đã nhất trí đặt tên là hội Duy tân. Khi Phan Bội Châu đi Nhật, thì công việc của hội ở trong nước đều Nguyễn Thành đảm nhận. Việc cầu viện Nhật không thành Phan Bội Châu chủ trương chuyển hướng xuất dương du học, gọi là phong trào Đông du, nhưng do hội Duy tân chủ trương thực hiện.

Trên thực tế từ giữa năm 1905 đến năm 1908, Nguyễn Thành là yếu nhân của Duy tân hội cũng là sáng lập viên hội Duy tân, vừa là người phụ trách phong trào Đông du ở miền Nam Trung Kỳ.

Vào giai đoạn 1907 ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi có sự phân kỳ tư tưởng trong nội bộ hội Duy tân giữa hai xu hướng là bạo động cách mạng và cải cách ôn hoà, đã gây ra mối bất hoà trong hội. Tiểu La Nguyễn Thành là người đứng ra điều tiết hoà hợp hai xu hướng này một cách kết quả.

Đầu năm 1908 phái cải cách ôn hoà trong hội Duy tân ở miền Nam Trung Kỳ đã phát động phong trào xin xâu, chống thuế mãnh liệt tại tỉnh Quảng Nam và đã lan ra khắp các tỉnh miền Trung. Song thực dân Pháp đã đàn áp đẫm máu các cuộc biểu tình này. Rất nhiều sĩ phu yêu nước bị bắt, Nguyễn Thành cũng nằm trong số đó. Ông bị kết án khổ sai chung thân đày ra Côn Đảo. Trong tù ông bị bệnh, đến khi Nguyễn Thành biết mình không qua khỏi, ông đã đọc cho Huỳnh Thúc Kháng ghi lại di

chúc của mình gửi cho anh em đồng chí, trong đó có câu: “*Thời cuộc xoay vần, cơ hội tốt sẽ đến, guồng máy Đông Á sau này còn nhiều cuộc biến đổi. Anh em hãy gắng lên*”. Ông cũng để lại bài thơ TUYỆT MỆNH.

*Một việc chưa thành tóc nhuộm màu,
Non sông ngoảnh lại thẹn mày râu.
Vá trời thiếu sức bàn nghe dễ,
Cứu thế không tài, tránh ở đâu?
Cuộc biến ngại gì mây đổi sắc,
Tình người e nổi sóng thêm sâu.
Mở toang hai mắt xem trời đất,
Ngắm thử mười năm vẫn thế ru?
Ông mất tại Côn Đảo vào năm 1911.*

HỒ HỌC

Hồ Học người làng Vân Dương, tổng An Hoà, huyện Hoà Vang, nay thuộc thành phố Đà Nẵng. Ông chiêu mộ được 1000 quân, trang bị vũ khí đánh Pháp. Nghĩa quân tự trang bị vũ khí, súng bắn nhanh, súng khai hậu là súng trang bị cho quân triều đình có rất ít, chủ yếu là vũ khí thô sơ. Nhân dân huyện Hoà Vang và những nơi ông đóng quân tự nguyện đóng góp thóc gạo, trâu lợn và tiền bạc làm quân lương. Các sĩ phu tham gia vào đội quân của Hồ Học đã làm bài thơ tố cáo bọn xâm lược Pháp cướp nước, và triều đình nhà Nguyễn bán nước.

Hồ Học đã đưa quân đội của mình tham gia Nghĩa hội do Trần Văn Dư, Nguyễn Hàm (Nguyễn Thành) đem quân đánh thành Quảng Nam. Bọn quan tỉnh thân Pháp từ Tuần phủ, Bố chính, Án sát, sợ hãi bỏ thành chạy. Nghĩa quân của Nghĩa hội làm chủ tỉnh thành, lấy súng đạn, vũ khí, quân trang lương thực cho nghĩa quân và cấp phát cho dân. Đội quân của Hồ Học mở cửa nhà tù giải thoát cho những người yêu nước bị chúng bắt giam. Phần lớn tù nhân xin gia nhập nghĩa quân. Để cứu nguy cho thành Quảng Nam, quân Pháp và quân triều đình Đồng Khánh tấn công tỉnh thành La Qua. Nghĩa quân phải rút khỏi thành Quảng Nam. Trong một trận đánh không cân sức, Trần Văn Dư bị giặc Pháp bắt rồi anh dũng hy sinh. Nghĩa Hội Quảng Nam cử Nguyễn Duy Hiệu lên giữ vị trí đứng đầu Nghĩa hội và chỉ huy nghĩa quân. Hồ Học là người chỉ huy dũng cảm, có tài cầm quân, đánh thắng quân Pháp nhiều trận. Nguyễn Duy Hiệu giao cho ông chỉ huy nghĩa quân, quản lý vùng đất đai rộng lớn từ đèo Hải Vân đến An Ngãi Đông. Lợi dụng địa hình đồi núi hiểm trở ông đã xây nhiều đồn lũy thành một thể trận liên hoàn, hỗ trợ lẫn nhau trong phòng thủ và tấn công. Ông chỉ huy đánh quân Pháp nhiều trận lớn, có trận chiến thắng vang dội như trận đánh quân Pháp ở đèo Hải Vân. Trong trận Hố Chiếu, quân Pháp đông gấp bốn lần nghĩa quân, lại có quân tiếp viện, nên nghĩa quân chỉ cầm cự được một ngày thì đồn lũy bị đại bác của chúng san phẳng. Hồ Học cùng nhiều tướng lĩnh của ông như Tấn Bùi, ông Đốc Sành, ông Lãnh Địa, Cai Á. Cai Cải cũng bị chúng bắt. Chúng giải ông về Ty Niết (tức Ty án sát của Nam triều) Hội An tra hỏi. Chính tên đại tá Pháp và tên án sát Quảng Nam hỏi cung. Chúng mơn trớn dụ dỗ ông khai báo nơi ở của thủ lĩnh Nguyễn Duy Hiệu, Phan Bá Phiến và các bí mật của Nghĩa hội, nghĩa quân sẽ được tha. Hồ Học đã quăng cả chiếc ghế vào tên đại tá Pháp. Chiếc ghế vừa quăng đi bọn lính bảo vệ đã bắn chết ông. Giặc Pháp còn giết các ông Tấn Bùi, Đốc Lãnh, Lãnh Trinh, Cai Á, Cai Cải. Chúng chặt đầu các ông bêu trên bờ sông Cẩm Lệ để uy hiếp nhân dân. Nhân dân an táng ông ở Hố Chiếu trong đó có nhiều ngôi mộ giả. Mãi đến năm 1957 cháu chắt ông mới dựng bia bên cạnh mộ.

LÊ VĨNH HUY

Lê Vĩnh Huy tên thật là Lê Ngọc Cung, tự Vĩnh Huy, tên tục là Bang Tuyên hay Tán Hai. Quê quán làng Thanh Bình, tổng Tiên Giang Thượng, huyện Hà Đông, nay là xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Khi phong trào nghĩa hội Cần vương nổ ra, Lê Vĩnh Huy hăng hái tham gia. Ông được cử giữ chức Bang tá, sau thăng Tán lý Quân vụ thuộc Nghĩa hội Quảng Nam.

Năm 1886 sau khi Nguyễn Duy Hiệu chuyển ban Lãnh đạo Nghĩa hội đến Nà Lầu, nay thuộc xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước, ông Lê Vĩnh Huy trực tiếp chỉ huy một cánh quân chủ lực bảo vệ căn cứ và đại bản doanh. Quân Pháp và quân triều đình tiến đánh nhiều trận, Lê Vĩnh Huy đã mưu trí, dũng cảm chỉ huy nghĩa binh phản kích, lập nên chiến thắng Nà Lầu, Dốc Miếu, Suối Đá.

Tháng 2 năm 1886, ông cùng tướng Hồ Học chỉ huy một cánh quân lớn, hợp đồng với cánh quân của Phan Bá Phiến tiến đánh tỉnh thành Quảng Nam đóng tại xã Vĩnh Điện (nay thuộc huyện Điện Bàn). Sau quân Pháp và quân triều đình phản công nghĩa quân núng thối, phải rút về căn cứ Quế Sơn, Tiên Phước, Trà My.

Cuối tháng 7 năm 1887, đại bản doanh nghĩa quân liên tục bị quân Pháp và quân triều đình đánh phá. Phan Bá Phiến, Nguyễn Duy Hiệu lần lượt hi sinh, phong trào nghĩa hội tan rã.

Một số thủ lĩnh nghĩa quân bị bắt, bị giết, bị đày ải trong các nhà tù. Ông và một số khác về quê nhà sống mai danh ẩn tích. Để tránh sự nhòm ngó của giặc Pháp và tay sai, ông ra làm Chánh tổng Tiên Giang, ngầm ngầm tán trợ cho các phong trào yêu nước.

Năm 1904, ông bí mật liên lạc với Tiểu La Nguyễn Thành gia nhập Duy Tân hội. Ông là một trong số người đầu tiên gia nhập tổ chức này. Ông cùng Nguyễn Thành gây dựng phong trào Duy tân ở Quảng Nam. Sau chuyến đi của Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ sang Nhật thì chủ trương cầu viện Nhật Bản để đánh Pháp bị bãi bỏ, thay vào đó là vận động thanh, thiếu niên sang Trung Hoa, Nhật Bản du học đào tạo nhân tài để về xây dựng đất nước.

Chủ trương này sau được gọi là phong trào Đông du. Theo sự phân công của tổ chức, Lê Vĩnh Huy phụ trách việc vận động đưa thanh niên sang du học tại Nhật Bản. Đây là một công việc rất khó khăn vì vừa vận động thanh thiếu niên du học, vừa lo công tác tài chính.

Trước khó khăn đó, Lê Vĩnh Huy đã cho em trai mình là Lê Quý Liên và hai con trai là Lê Triêm và Lê Duyên xuất dương ngay từ đợt đầu về tài chính, ông đã công hiến một nửa tài sản (tiền bán quê, bán hồ tiêu, bán chè) của gia đình ông cho phong trào. Khi nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương thông đồng với chính phủ Nhật trục xuất Phan Bội Châu và lưu học sinh Việt Nam khỏi Nhật, thì Lê Quý Liên cùng Lê Triêm, Lê Duyên về Trung Quốc, Xiêm La một thời gian rồi về nước tham gia cuộc khởi nghĩa ở kinh thành Huế năm 1916 do Thái Phiên, Trần Cao Vân chủ trương có vua Duy Tân tham gia. Chính Lê Triêm, Trần Hoàn chỉ huy một cánh quân đánh chiếm đồn Trà My rồi tiến xuống thị trấn Tam Kỳ và bắt tri phủ Tam Kỳ Tạ Thúc Xuyền - một kẻ thân Pháp.

Cuộc khởi nghĩa năm 1916 thất bại, nhiều người trong gia đình Lê Vĩnh Huy bị bắt. Lê Triêm bị đày đi Lao Bảo, bị thảm sát trong vụ tù chính trị do Hồ Bá Kiện và Lưu Thanh cướp ngục năm 1918. Lê Duyên bị đày đi Côn Đảo, cháu ông là Lê Liễu cũng hi sinh năm 1916. Riêng Lê Vĩnh Huy bị bắt giam trong nhà lao Hội An khi cuộc khởi nghĩa 1916 bị đàn áp, ông hi sinh tại nhà lao ngay năm đó. Gia đình cha ông là Lê Vĩnh Khanh ở Tiên Phước cũng có nhiều người bị bắt giam, bị tịch biên gia sản.

Hiện nay ở thành phố Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh có đường phố mang tên Lê Vĩnh Huy.

LÊ TRUNG ĐÌNH

Lê Trung Đình sinh năm 1863 là con thứ sáu tiên sĩ Lê Trung Lượng, người làng Nhơn Phú, huyện Sơn Tịnh, phủ Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Lê Trung Đình có tướng lạ, hai lòng bàn chân cong lại không hề dính đất. Ông thông minh, lỗi lạc về văn chương, thơ phú và tính tình rất khí khái trong đối nhân xử thế. Năm Lê Trung Đình 15 tuổi đã thuộc lầu kinh sử, giỏi đối đáp. Có lần Lê Trung Đình cùng cử nhân Trần Bá Võ, thủ khoa Điện ra Huế thi, ba người ngồi sát nhau. Các sĩ tử Nghệ An biết tiếng Lê Trung Đình liền cho hai cô gái người Nghệ An ra vờ thăm hỏi rồi ra về đối:

“Tam nhân đồng tọa, thượng hạ lục đầu”

Cử Đình liền đáp:

“Nhị nữ song hành tung hoành tứ khẩu”.

Thơ Lê Trung Đình phần lớn mang tính trào lộng, đả kích. Song ông cũng có những bài thơ nồng nàn, đắm thắm yêu thương, như bài thơ: **Giã vợ đi thi Hội:**

*Tên cô, cung dân vẫn chắc phần
Cực vi biển ái lại nguồn ân
Khúc đàn cầm sắt vui từng nhịp
Chén rượu quan hà nặng mấy cân
Trưởng liễu dù vui xuân chín chục
Võ môn ai lướt sóng ba từng
Dẫn lòng vàng đá, em đừng ngại
Chán biết hoàng châu mấy sắc xuân.*

Song phần lớn thơ của ông mang khí tiết hiên ngang. Ông mượn cảnh thiên nhiên tái hiện cảnh sống lầm than cùng cực của nhân dân trước ách cai trị của giặc Pháp. Bài thơ cũng ý thức được trách nhiệm của “*Trair thời loạn*” và bày tỏ tâm sự của mình trong bài thơ Lựt:

*Mưa từng chập, gió từng hồi
Đoái lại giang san nước khoá rồi
Lũ kiến bắt tài tha trứng chạy
Bầy rêu vô dụng kết bè trôi
Lú lo rừng vắng nghe chim hót
Lúm khúm giường cao thấy chó ngồi
Nỡ để dân đen chìm đắm bấy
Nào ông Hạ Võ ở đâu ơi!*

Năm 1879 Lê Trung Đình dự khoa thi Kỷ Mão ở Bình Định, vì sơ ý để chữ “Nhất” (-) xuất vận nên bị đánh trượt. Năm thi Hương Nhâm Ngọ (1882), ông đi thi, cầm chắc đỗ Thủ khoa, nhưng chỉ được đỗ hạng nhì.

Sau hiệp ước Patonốt(1884) Tôn Thất Thuyết đã soạn thảo kế hoạch đánh Pháp lâu dài. Ông biết Lê Trung Đình là người kiên quyết chống Pháp, nên ngay sau khi soạn thảo xong bản kế hoạch đánh Pháp lâu dài, ông đã mật giao cho Lê Trung Đình tập hợp những người có nghĩa khí ở tỉnh Quảng Ngãi lặn lội chuẩn bị lực lượng Hương binh để sẵn sàng đánh giặc Pháp. Lê Trung Đình trở về Quảng Ngãi cùng Nguyễn Tự Tân và các sĩ phu trong tỉnh thành lập Nghĩa hội Quảng Ngãi, tổ chức các đoàn kiết và Hương binh.

Giờ Tý ngày 1 tháng 6 năm Ất Dậu (1885) Lê Trung Đình họp nghĩa quân ở chiến khu Truyền Tung (Bình Sơn) rồi kéo quân về chiếm tỉnh lỵ Quảng Ngãi. Lê Trung Đình được cử làm Chánh quản Hương binh, Tú tài Nguyễn Tự Tân và Vũ Hội được cử làm Phó quản Hương binh, Nguyễn Văn Hoành được cử làm Thương biện.

Đêm mùng 4 rạng ngày 5 tháng 7 năm 1885 Kinh thành Huế thất thủ, Tôn Thất Thuyết, Phạm Thận Duật hộ giá vua Hàm Nghi ra sơn phòng Quảng Trị lãnh đạo nhân dân đánh Pháp. Nhận được chiếu của vua Hàm Nghi, Lê Trung Đình đã liên lạc với Thành thủ úy Nguyễn Côn và Hiệp quản Trần Tư ở thành Quảng Ngãi tập hợp lực lượng chống Pháp. Nghĩa quân làm lễ tế cờ tại bãi cát Văn Thánh vào ngày 12 tháng 7 năm Ất Dậu rồi chia quân làm ba đạo vượt sông Trà Khúc tiến về tỉnh thành Quảng Ngãi. Trận đánh diễn ra vô cùng ác liệt, Lê Trung Đình bị bắt. Giặc Pháp tìm mọi cách dụ dỗ, mua chuộc ông ra làm quan cho triều đình nhưng ông không khuất phục, chửi mắng chúng, Nguyễn Thân, Nguyễn Hội xử ông tội chết chém.

Lê Trung Đình bị tên Việt gian Nguyễn Thân xử tử ngày 18/7/1885, khi chưa tới 22 tuổi. Hiện nay mộ Lê Trung Đình vẫn toạ lạc ở ấp Phú Nhơn cách tỉnh lỵ 5 cây số về phía Đông Bắc. Con cháu cúng giỗ ông vào ngày 11 tháng 6 âm lịch.

NGUYỄN DUY CUNG

Nguyễn Duy Cung quê ở ấp Thanh Liêm, xã Tử Bình, quận Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Ông thi đỗ cử nhân, dạy học một thời gian. Năm 1882 ông được cử làm Thượng biện sơn phòng, giữ chức vụ đó trong 3 năm. Khoảng tháng 3 năm 1885, Tôn Thất Thuyết, người đứng đầu phe chủ chiến biết rõ tư chất của ông nên cử ông vào giữ chức án sát tỉnh Bình Định để tăng cường lực lượng, nên nhân dân gọi ông là án Cung.

Vua Hàm Nghi xuất bôn, kêu gọi nhân dân hưởng ứng chiếu Cần vương. Hồng lô Tự thiếu khanh Đoàn Doãn Địch một quan lại trí sĩ, tập hợp 600 nghĩa quân khởi nghĩa hưởng ứng chiếu Cần vương, án sát Nguyễn Duy Cung trở thành trợ thủ số một cho Đoàn Doãn Địch. Từ thành Bình Định, nghĩa quân mở nhiều trận đánh từ Trường Úc đến Phong Miêu, có kẻ phản bội, bắt Nguyễn Duy Cung bỏ ngục rồi mở cửa thành đầu hàng quân Pháp. Nguyễn Duy Cung vượt ngục ra vùng cửa sông Tiền phát lời kêu gọi nhân dân đánh Pháp. Người ứng nghĩa rất đông, Nguyễn Duy Cung lập ra phòng tuyến trước sông Cửa Tiền từ Cầu Gạch đến Chóp Vung để chống Pháp ở mặt Đông. Án Cung bí mật liên lạc với Mai Xuân Thưởng, người thôn Phú Lạc, huyện Bình Khê lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Phú Phong.

Tháng 8/1885 Nguyễn Duy Cung được tin Lê Trung Đình. Nguyễn Tự Tân đã chiếm thành Quana Ngãi. Các ông làm chủ được 5 ngày thì quân Pháp, Nguyễn Thân đem quân đến đánh,

Nguyễn Duy Cung đem quân vào cứu. Khi ông dẫn quân tới nơi thì Nguyễn Tự Tân đã hy sinh, Lê Trung Đình bị Nguyễn Thân bắt, thành lọt vào tay giặc, Nguyễn Duy Cung đem quân trở về Bình Định tiếp tục xây dựng phòng tuyến từ Cầu Gạch đến Chóp Vung. Người đến tham gia nghĩa quán ngày càng đông, trong đó có cả Lê Bá Thân, Tổng đốc Bình Định cũng bí mật tham gia. Tháng 8 năm 1885, quân Pháp từ biển đổ bộ vào chiếm Quy Nhơn. Nguyễn Duy Cung đưa toàn bộ quân sĩ cùng văn thân nghĩa sĩ trong tỉnh ra chặn giặc. Thế giặc mạnh, ông bị thua, phải lui quân về An Nhơn, gia nhập cuộc khởi nghĩa do Mai Xuân Thưởng lãnh đạo. Giặc Pháp, Nguyễn Thân đem quân đến đánh nhiều lần không được. Chúng sử dụng chiến tranh gián điệp, mua chuộc, dụ dỗ những tên ham sống, sợ chết trong nội bộ nghĩa quân làm phản. Nguyễn Cung không ngờ kẻ phản bội mình lại là Tổng đốc Lê Bá Thân. Hấn khuyến ông trở lại Bình Định mở một trận tấn công quân Pháp, đánh chiếm vùng rừng núi phía Tây của tỉnh xây dựng căn cứ để từ đó đánh thọc xuống đồng bằng, tỉnh thành và vùng ven biển. Nguyễn Duy Cung tin lời hấn, hẹn địa điểm, ngày giờ hội quân. Tên Lê Bá Thân lập tức mật báo cho giặc Pháp, Nguyễn Thân đặt quân mai phục bắt ông rồi mở cửa thành đầu hàng giặc Pháp. Giặc Pháp, Nguyễn Thân, Lê Bá Thân dùng chức tước, tiền bạc dụ dỗ ông ra làm quan cho chúng, bị ông cự tuyệt và chửi mắng bọn Việt gian đầu hàng giặc. Bọn chúng dùng cực hình thời trung cổ tra tấn ông, hòng ông khuất phục, khai báo cơ sở và đồng chí của mình. Ông vẫn một lòng kiên trinh sắt đá phục vụ lý tưởng cứu nước của mình. Chúng tổng giam ông và ngục Bình Định. Trong ngục, Nguyễn Duy Cung xé vạt áo cắn ngón tay lấy máu viết tâm thư gửi cho Mai Xuân Thưởng và Nghĩa binh tại mật khu Linh Đồng (Bình Khê). Bức thư bằng máu này có nhiều tên gọi khác nhau như Huyết lệ tâm thư. Hịch kêu gọi chống Pháp, Hịch Bình Tây, và còn có tên gọi là Bình Thành Cáo thị vì nó được viết từ thành Bình Định.

Chúng tôi dẫn toàn văn văn kiện trên:

Thiết vị:

Quốc gia đa sự, ninh từ hướng tụy dĩ tuyên lao

Thần tử phi cung, cảm vị tôn vong nhi cải tiết
Cải năng tận thần đạo,
Phương khả uỷ quân tâm.
Nhan Châu khanh tư chuẩn Đường nguy, đoạn thiết hà phương ư Hy Liệt;
Lý Thị Chế kỳ thanh tổng nạn, phanh can hà uỷ ư Bá Nhan.
Viễn giám tiền nhân Sự đồng kim nhật Ty dĩ
Thượng Châu tiện phẩm,
Ngãi tỉnh hàn nho.
Lam dự khoa danh,
Hạnh bồi văn tịch
Sơn phòng tham biện, tích tổ hiệu ư tứ niên;
Lân tỉnh đề hình, hoá vị chu ư tam nguyệt.
Đồng niệm đế kinh luân một, oán kết thống tâm,
Sấu tư hoàng giá bá thiên, cừu thảm khiết xỉ.
Kế dĩ cô thành khởi sự, hội chúng mưu nhi thu thập nhân tâm.
Tạc văn lân tỉnh hưng binh, tán dinh soái nhi trừ duy quốc kế.
Phương hỷ binh dân văn tập,
Tương kỳ tướng sĩ lời oanh.
Tưởng tha soái phủ khả minh công. Cần Hải chi lang yên tiêu tức;
Nại thử tướng nhân vô hiệu ịc,
Bình thành chi nhung mã tung hoành.
Ty, tự liệu tài sơ, Nan kham kế hoạch.
Dục hướng An Nhân thoái thủ, khủng vi mệnh dĩ cầu sinh;
Phục hồi ban tỉnh ngự phòng, quyết vong thân nhi tuần quốc.
Bất ý gian thần mai quốc,
Nhân tương thổ địa dữ tha.
Bài cúmq nghị dĩ khoa trương, chiến cục phiên thành hoà cục;
Khai thành môn nhi nghinh tiếp, nam nhân hoán tác Tây nhân.
Kỷ nhật đề lao cấm cố, hiếp ty đẳng cử thành hoà hảo chi mưu;
Số ngôn hoạ kết binh liên, gia ty đẳng mật klải văn thân chi tội.
Ty tự niệm.
Ninh vi trung nghĩa quý;
Bất vi tà phụ nhân.
Thệ cử tử dĩ hà từ, đỉnh hoạch sinh tiền an túc ứ;
Túng nhất sinh nhi hữu khiếm, đao phong tử hậu hiũ thủy tri.
Thế bất tịnh sinh,
Phận cam vạn tử.
Bá thử trung can nghĩa phủ, đối cố chủ dĩ vô tà;
Cảm vân tráng tiết hoàn danh, dữ cố nhân như tịnh liệt.
Thử tại tâm trung tự hứa;
Chuyên khảo chư liệt chứng tri.
Cảm tương tu ngã qua mâu, địch khái chi hùng tâm vị tảo;
Kỷ dĩ dữ đồng bào trạch, Cần vương chi tráng chi vô vong.

*Thiên ý nhược huirg Lưu, Quang Vũ chi đông đô phục chấn;
Nhân tâm như đá Tống, Cao tông chi nam độ trùng hưng.
Vương nhất khuông tương, hạnh bằng chúng trí.
Kinh thành khôi phục, ký dữ chư công Huyết lệ thư phong,
Chúc duy cáo thị.*

Toàn văn bản dịch của Nguyễn Bích Ngô:

Thiết nghĩ:

Quốc gia khi nhiều việc phải nên tận tụy chịu gian lao.

Tôi con quyết một lòng, há vì mất còn thay khí tiết.

Vì có hết đạo kẻ dưới,

Mới khỏi phụ lòng bề trên.

Nhan Châu Khanh lo cứu nguy nhà Đường, bị cắt lưỡi nhưng kinh gì Hy Liệt;

Lý Thị Chế mong yên nạn nhà Tống, bị moi gan nhưng nào sợ Bá Nhan.

Xa trông người trước,

Việc giống ngày nay.

Cung này, thân phận hèn ở Tượng Châu.

Nhà nho nghèo ở Quảng Ngãi.

Lạm dự đỗ đạt, may bỏ quan văn.

Sung chức Sơn phòng, tham biện mới được bốn năm.

Đổi sang tỉnh cạnh đề hình chưa đầy ba tháng.

Xót nghĩ kinh thành thất thủ, oán kết ruột đau, sầu lo xa giá chạy dài, hăn sâu răng nghiến.

Liệu giữ cô thành tỉnh việc, hội chúng mưu mà thu thập lòng người;

Chợt nghe tỉnh cạnh dấy binh giúp đình soái để toan lo việc nước.

Vua mừng quân dân mấy hợp,

Hầu mong tướng sĩ sấm vang.

Tướng phá soái phủ để ghi công, bể Cần Hải khói lang bay báo.

Ngờ đâu tướng thần không gắng sức, thành tỉnh Bình ngựa giặc dọc ngang.

Cung này, tự liệu tài hèn;

Không bày kế hoạch.

Muốn lui đến An Nhân tìm thế thủ, e rằng trái mệnh cầu sinh.

Nên lại về bản tỉnh để đề phòng quyết kế quên mình mà báo quốc.

Không ngờ gian thần bán nước,

Nỡ đem lãnh thổ cho Tây.

Bác chúng nghị để làm càn, chiến cục xoay thành họa cục.

Mở cửa thành ra đón tiếp, người Nam đổi dạng người Tây.

Mấy ngày cấm cố đề lao, hiếp bọn Cung tác thành mưu hoà hảo.

Câu chuyện động binh gây vạ, buộc bọn Cung vào tội hợp văn thân.

Cung này tự nghĩ:

Thà làm ma có hồn trung vía nghĩa

Không làm người đeo mặt ngựa đầu trâu

Chín phần thê chết chẳng từ, sống dầu nấu vạc xanh không núng chí.

Một đời sống thêm còn mang tội, chết còn nhiều hình phạt có ai hay.

Thế chẳng đều sinh

Phận cam vạn tử.

Bày hết gan trung ruột nghĩa, đối chủ cũ cũ không thẹn lương tâm.

Dám cầu cao tiết thơm danh, cùng người xưa sánh hàng liệt sĩ.

Chính bởi trong lòng tự quyết.

Dám mong các bạn chứng tri,

Xin trong tay sắp sẵn qua mâu, lòng địch khái còn hăng chưa nhụt.

Xin cùng nhau trọn lòng giáp trụ, chí Cần vương còn mạnh không quên,

Lòng trời còn tựa Lưu, Quang Vũ đóng phía Đông lại thịnh;

Nhà nước được vững vàng, từ nay mong nhờ chúng trí.

Kinh thành lại khôi phục, sau đây cây có các ông.

Lệ máu dán thư,

Mấy lời bá cáo.

Viết xong *Huyết lệ tâm thư*, ông tìm cách gửi ra ngoài rồi ông tự tử trong ngục giữ tròn khí tiết. Ông hy sinh năm 1886.

MAI XUÂN THƯỜNG

Mai Xuân Thường sinh năm 1860 tại thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tuy Viễn, nay là huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Sau khi thi đậu cử nhân, tháng 7/1885 ông vào Huế dự thi Hội. Dời trường thi, Mai Xuân Thường về làng chiêu mộ nghĩa quân hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi chống Pháp. Với lòng yêu nước căm thù giặc Pháp và ngưỡng mộ nhà vua trẻ tuổi đã dũng cảm rời ngai vàng cùng cuộc sống đế vương vào rừng sâu, núi thẳm lãnh đạo nhân dân kháng chiến, nên gia nhập rất đông. Nghĩa quân suy tôn Mai Xuân Thường là Nguyên soái, Bùi Điền quê ở xã Mỹ Hoà là Thống trấn, Nguyễn Đức Nhuận là Hiệp trấn, cùng một số phó tướng, thống binh trở xuống. Lực lượng nghĩa quân Bình Định đông hàng ngàn người.

Ngay sau khi vừa thành lập, tháng 7/1885 nghĩa quân đã đánh chiếm tỉnh thành Bình Định. Nghĩa quân còn đánh phá các làng theo đạo Thiên chúa được thực dân Pháp vũ trang đi cướp phá các làng bên lương, do thám hoạt động của các tổ chức yêu nước, chỉ điểm cho quân Pháp đến đánh phá.

Thủ lĩnh nghĩa quân Mai Xuân Thường còn phối hợp với nghĩa quân tỉnh Phú Yên do cử nhân Nguyễn Trọng Trì chỉ huy tấn công tỉnh lỵ Phú Yên vào tháng 9/1885, bắt giam Bố chính Phạm Như Xương theo Pháp. Mai Xuân Thường chủ trương mở rộng cuộc khởi nghĩa vào Nam Kỳ, đã phong cho Nguyễn Công Chánh chức Tổng đốc cử vào Nam vận động các sĩ phu và nhân dân khởi nghĩa.

Các trận đánh ác liệt đẫm máu diễn ra giữa quân Nguyễn Thân, Trần Bá Lộc với quân Mai Xuân Thường và các tướng trong suốt tháng 7/1887. Nghĩa quân chiến đấu kiên cường, dũng cảm tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Nghĩa quân tuy đông, dũng cảm, hăng hái song chưa được luyện tập thành thực các động tác chiến đấu, vũ khí kém xa địch. Nghĩa quân đánh nhau cả tháng nhưng không có quân tiếp viện, một số căn cứ thiếu lương ăn, nên không cầm cự được lâu. Trong các cuộc chiến, một số thủ lĩnh bị bắt bị hy sinh, nghĩa quân số chết, số tan tác, có một số nản chí bỏ đi. Song các thủ lĩnh Mai Xuân Thường, Bùi Điền, Bùi Hiền, Vương Toàn, Nguyễn Trọng Trì, Tăng Doãn Văn (Tăng Bạt Hổ) vẫn kiên trì chiến đấu, mở nhiều trận tập kích vào quân triều đình tay sai đắc lực của bọn thực dân Pháp.

Đêm 30/4/1887, Mai Xuân Thường quyết định cùng các tướng chỉ huy đội quân BaNa đột kích vào doanh trại của Trần Bá Lộc. Nghĩa quân phá trại giam giải thoát người bị bắt, trong đó có bà Hoàng Thị Nguyệt, mẹ của Mai Xuân Thường. Song nghĩa quân không tiêu diệt được hoàn toàn quân địch. Trần Bá Lộc chạy thoát. Trước tình thế bị cô lập, Mai Xuân Thường cử ông Mai Xuân Phẩm mang thư và quà sang Xiêm cầu viện. Lực lượng nghĩa quân còn lại chừng 50 người do Mai Xuân Thường chỉ huy bôn rừng, lội suối vào Phú Yên chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa mới. Nhưng ngày 4/5/1887, đội quân mệt mỏi vừa tới chân đèo Phú Quý thì bị Trần Bá Lộc phục kích bắt hết. Ông Phẩm trên đường sang Xiêm cầu viện cũng bị quân của Đồng Khánh bắt đưa về Huế xử giảo.

Mai Xuân Thường bị giải về thành Bình Định, triều đình Huế nghị án: “Dương vị Hàm Nghi khởi nghĩa, ân vị Huệ Nhạc phục thù” và giao cho Tổng đốc Bình Định thực hiện án tử. Mai Xuân Thường cùng với Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận và 18 đồng chí khác bị giải từ nhà lao Bình Định ra pháp trường ở Gò Chàm, cách đó không xa về hướng Bắc để hành quyết. Riêng Mai Xuân Thường bị Đồng Khánh xử “tội lằng trề xử tử”.

Mai Xuân Thường và các đồng chí của ông bị giặc Pháp và triều đình Đồng Khánh xử chém ở Gò Chàm, tỉnh Bình Định vào ngày 15 tháng 4 năm Đinh Hợi (khoảng 15/5/1887), hài cốt đưa về chôn

cát ở làng cũ Phú Lạc, quận Bình Khê phía Bắc ngạn sông Côn.

NGUYỄN THẾ TRIẾT

Nguyễn Thế Triết tự là Tứ Quý, hiệu là cô Khê, thường gọi là Tám Tương. Ông là người làng Phụng Sơn, phủ Tuy Hoà, tỉnh Bình Định. Sau khi thi đỗ tú tài ông được bổ làm hậu bổ.

Hưởng ứng chiếu Cần vương, Mai Xuân Thưởng tổ chức lực lượng nghĩa quân khởi nghĩa. Biết tiếng của Nguyễn Thế Triết, Mai Xuân Thưởng mời ông về và phong cho ông chức Tán tương quân vụ chỉ huy đạo quân Bình Nhơ - An Khê. Khởi nghĩa nổ ra ở hầu khắp các phủ huyện trong tỉnh Bình Định, phát triển sang phía nam tỉnh Quảng Ngãi, bắc tỉnh Phú Yên. Giặc Pháp hoảng sợ, đích thân tướng Đờ Cuốc xi (De Courcy) tướng Pờ Rung đơ nơ và Khâm sứ Trung kỳ De Champo chỉ huy quân Pháp, Nguyễn Thân, Trần Bá Lộc chỉ huy quân Nam triều tiến đánh nghĩa quân. Nguyễn Thế Triết tham gia nhiều trận đánh lớn.

Tháng 4 năm 1887 quân Pháp điều động lực lượng lớn, Khâm sứ Trung kỳ và vua Đồng Khánh sai các tên Việt gian Nguyễn Thân, Trần Bá Lộc chỉ huy một lực lượng lớn quân lính do sĩ quan Pháp huấn luyện, trang bị tới Bình Định mở cuộc tấn công quy mô lớn vào tất cả các căn cứ của nghĩa quân. Chúng bịt chặt các đường thông từ Quảng Ngãi vào từ Phú Yên ra, nên nghĩa quân không ứng cứu cho nhau được. Các trận đánh diễn ra đẫm máu, nghĩa quân tiêu diệt được nhiều địch, song cũng bị tổn thất nặng nề.

Ngày 4/5/1887 Mai Xuân Thưởng chỉ còn lại khoảng 50 người chạy về Phú Yên trong đó có ông Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận thì bị Trần Bá Lộc đặt phục binh bắt. Vua bù nhìn thân pháp Đồng Khánh ra lệnh xử chém tất cả các tướng lĩnh.

Cuộc khởi nghĩa Bình Định tan rã, một số tướng như Nguyễn Trọng Tri, Đặng Thành Tích trốn tránh một thời gian, rồi ra trình diện được Pháp tha. Riêng Tán tương quân vụ Nguyễn Thế Triết cùng phó tướng Đặng Xuân Thiều vẫn duy trì được đạo quân Bình Nhơ, An Khê, rút lên Tây Nguyên, xây dựng căn cứ ở làng Con Rang.

Từ căn cứ Con Rang xa xôi hiểm trở ông vẫn hướng về quê hương Phụng Sơn với nỗi nhớ quê, nhớ người mẹ già, nhớ vợ con bội phần. Song sơn lam chướng khí và bệnh sốt rét rừng đã cướp đi sinh mạng của ông tú tài, Tán tương quân vụ Nghĩa quân Bình Định. Phó tướng Đặng Xuân Thiều vượt mất cho ông rồi cùng nghĩa quân và đồng bào Thượng Con Rang làm lễ an táng người chỉ huy tận trung với nước, tận hiếu với dân của mình.

LÊ CÔNG CHÁNH

Lê Công Chánh tức Nguyễn Ngọc Ân, Lê Công Sơn, Võ Văn Thung, Nguyễn Văn Hải sinh năm 1842. Ông quê ở tổng Phú Vĩnh, tỉnh Phú Yên. Ông học trường võ tại Bình Định, đỗ cử nhân võ. Sau ông ra Hà Nội dự thi võ trúng tiến sĩ, được phong chức Lãnh binh.

Năm 1885 Lê Công Chánh giữ chức Phó tổng binh thành Hà Nội. Khi vua Hàm Nghi xuất bôn ra sơn phòng Quảng Trị hạ chiếu Cần vương thì ông về Bình Định tham gia cuộc khởi nghĩa Mai Xuân Thưởng. Mai Xuân Thưởng phong ông chức Tổng đốc, cử ông vào Nam Kỳ vận động nhân dân chống Pháp.

Lê Công Chánh vào Nam cùng Nguyễn Xuân Phong, Nguyễn Bá Trọng, Lê Bá Đạt lập căn cứ ở vùng Thất Sơn (Bảy Núi), An Giang phát động nhân dân khởi nghĩa. Lê Công Chánh về Mỹ Tho với tên giả là Võ Văn Thung thì bị bắt. Bọn Pháp bắt kết án ông 2 năm tù, đày ra Côn Đảo rồi lại chuyển về đày ở nhà lao Phú Quốc. Đầu năm 1889 Lê Công Chánh cùng bảy người vượt ngục Phú Quốc, bị bão dạt vào rạch Cả Hường, Cần Vọt của Campuchia.

Tháng 3/1893 ông trở về núi Thất Sơn ở An Giang rồi xuống Mỹ Tho theo đường biển trở ra Bình Thuận vào tháng 8/1893. Cuối tháng 9/1893, Lê Công Chánh cùng Nguyễn Đăng Giai vào gặp Lê Văn Lễ khi đó đã 60 tuổi ngụ tại An Lộc, Bình Tri thuộc Gia Định, năm 1861 đã từng tham gia khởi nghĩa Trương Định. Sau đó Lê Công Chánh lại gặp Trần Xuân Sanh, tên chính là Đỗ Văn Thống, 57 tuổi, người làng Bình Quơn, tổng Hoà Hảo, hạt Mỹ Tho, trú quán ở Tân Thuận Đông, năm 1875 đã tham gia khởi nghĩa Nguyễn Hữu Huân giữ chức Thống quân. Khi Thủ khoa Huân bị bắt, ông trốn ở làng Tân Thuận Đông. Các thủ lĩnh họp bàn, cử ra bộ chỉ huy cuộc vận động gồm: Nguyễn Đăng Giai, Chương lãnh Lương Kỳ; Nguyễn Văn Lễ; Nam Kỳ tổng thống Trần Văn Sanh; Nam Kỳ hiệp thống Lê Công Chánh; Nam Kỳ Hiệp biện quân; Phan Thanh Thuận giữ chức thương biện, sau phong Hộ đốc, Nguyễn Văn Mỹ giữ chức Tham mưu.

Công việc vận động đang tiến hành thì đầu năm 1894 bị giặc Pháp phát hiện và đàn áp. Hầu hết các yếu nhân trong tổ chức Lê Công Chánh đều bị bắt.

Lê Công Chánh biết rằng bọn thực dân Pháp đã biết rõ lai lịch của mình, khó thoát nên ông đã nhận hết trách nhiệm về mình. Cũng nhờ lời tuyên bố khẳng khái nhận hết trách nhiệm về mình, nên giặc Pháp không có cơ khủng bố rộng rãi, số người tham gia vào kế hoạch nổi dậy, kể cả những người ở trong ban lãnh đạo cũng chỉ bị chúng kết án đi đày, chỉ một mình ông bị chúng xử chém.

TRỊNH PHONG

Trịnh Phong người làng Phú Vinh, huyện Vĩnh Xương nay là xã Vĩnh Thanh, huyện Vĩnh Xương tỉnh Khánh Hoà. Ông theo nghề binh từ khi còn trẻ, lập được nhiều chiến công, được phong tới chức Đề đốc, chỉ huy thành Diên Khánh là tỉnh lỵ tỉnh Khánh Hoà, nên quân sĩ và nhân dân gọi ông là Đề Phong.

Đề đốc Trịnh Phong vốn là người thuộc phe chủ chiến từ khi giặc Pháp đánh chiếm thành Gia Định rồi cướp cả lục tỉnh Nam Kỳ, hai lần đánh Bắc Kỳ, tấn công cửa Thuận An uy hiếp triều đình Huế thì trong lòng Trịnh Phong rất căm thù giặc Pháp. Vì vậy chiếu Cần vương vừa ban ra, Trịnh Phong cùng ba anh em Nguyễn Khánh, Nguyễn Dy, Nguyễn Lương chỉ huy thành Diên Khánh hưởng ứng chiếu Cần vương chiếm thành Diên Khánh.

Ông cho người đến yết kiến vua Hàm Nghi và đại thần Tôn Thất Thuyết còn tự mình đem quân đi đánh chiếm các phủ huyện trong tỉnh Khánh Hoà. Khi quân Pháp và tên vua bán nước Đồng Khánh cho quân ra Khánh Hoà đàn áp phong trào Cần vương, Trịnh Phong giao thành Diên Khánh cho các ông Nguyễn Khánh, Nguyễn Dy giữ, còn mình đem quân ra Hòn Khói ở Đông bắc quận Ninh Hoà để đón đánh quân Pháp ngay từ khi chúng đặt chân tới Khánh Hoà. Công việc chưa xong thì quân Pháp và quân của Đồng Khánh kéo ra tấn công. Cuộc chiến đấu giữa quân của Trịnh Phong với quân Pháp diễn ra vô cùng quyết liệt. Song quân Pháp đông, thiện chiến, trang bị vũ khí hiện đại,

có tàu chiến, đại bác yểm trợ, lại được quân của Đồng Khánh đưa đường dẫn lối và khống chế các làng triệt đường tiếp tế của nghĩa quân. Quân của Trịnh Phong ít, trang bị kém xa quân Pháp nên chỉ cầm cự được một ngày một đêm, rồi phải bỏ chiến lũy, rút lên rừng phòng thủ. Quân Pháp đuổi theo truy kích. Quân Pháp ngày càng thắt chặt vòng vây, chúng cho quân triệt phá các làng chung quanh cắt đứt hoàn toàn nguồn tiếp tế của dân cho nghĩa quân... Nghĩa quân đã thiếu đạn dược lại thiếu lương thực nên ngày càng nguy ngập. Quân Pháp được tăng viện, ngày càng ngọn núi ở Hòn Khói, Trịnh Phong chỉ huy anh em quân sĩ đánh thọc ra hướng Tây để rút vào rừng rậm cách đó khoảng 5 dặm. Song quân Pháp vây vòng trong, vòng ngoài, tấn công mãnh liệt, nghĩa quân bị thương vong nặng nề. Trịnh Phong cũng bị thương ở cánh tay. Bọn giặc xô đến, quyết không để giặc bắt sống, ông rút đoản đao định đâm vào cổ tự sát nhưng bị tên giặc xô tới giằng mất. Bọn Pháp cho bọn quan lại Nam triều dụ dỗ ông đầu hàng sẽ được phục nguyên chức. Ông không chịu chỉ luôn mồm nguyên rửa giặc Pháp và bọn vua quan Đồng Khánh. Không khuất phục được ông chúng đưa ông về thành Diên Khánh, đem ra cái gò ở bờ sông Cạn gần chỗ Cây Dầu đôi để chém đầu. Người ta kể lại, trước giờ giặc hành hình, người nhà dọn cỗ cho ông ăn. Ông ngồi ăn đàng hoàng, sau đó bảo người nhà dọn đi rồi ông ung dung ra nơi hành hình. Tên đao phủ chém ông, dòng máu đỏ của ông vọt lên cao như khí phách ông khi còn sống.

Từ đó nhân dân gọi gò bên bờ sông Cạn là “Gò chết chém”. Nhân dân thương tiếc lập đền thờ ông ngay tại nơi đó.

ĐÀO CÔNG BỬU

Đào Công Bửu còn có tên là Đoàn Công Bửu, Đào Xuân Bửu, Cả Bửu sinh năm 1825 tại Trà Vinh ngụ tại xã An Bồi, Bảo Hữu, Bến Tre. Năm 1867 ông đã tham gia cuộc khởi nghĩa ở Trà Vinh với chức vụ Tổng binh dưới sự chỉ huy của Phó đốc binh Lê Đình Đường. Ông đã tham gia trận đánh ở Long Điền ở tổng Bình Trị Thượng ngày 26/8/1867. Trận này nghĩa quân thắng lớn nhưng chủ tướng Lê Đình Đường hy sinh, nghĩa quân tan rã, ông chạy về Bến Tre, liên kết với những người yêu nước. Năm 1875 Đào Công Bửu, cùng Nguyễn Xuân Phụng khởi nghĩa ở Trà Vinh. Đến năm 1885, 1886 hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi, Đào Công Bửu tham gia các hoạt động chống Pháp ở Bến Tre, Mỹ Tho. Năm 1893 thực dân Pháp đã ổn định được bộ máy cai trị của chúng từ cấp xứ, tỉnh, phủ, huyện, tổng tới cấp xã, áp đặt các đồn binh, đồn cảnh sát ở khắp mọi nơi để khống chế đồng bào. Năm đó Đào Công Bửu đã 67 tuổi vẫn cùng với Lê Công Từ phát động nhân dân khởi nghĩa chống Pháp trên một địa bàn rộng lớn bao gồm các tỉnh Bến Tre, Mỹ Tho, Gò Công, Trà Vinh, Hà Tiên, An Giang, Châu Đốc, Gia Định.

Để có danh nghĩa, Đào Công Bửu tự xưng là “*Nam Kỳ tướng quân Nguyên soái Đào Công Bửu*”, Lê Công Từ là “*Nam Kỳ phó tướng quân*”. Đào Công Bửu từng chỉ huy nghĩa quân từ năm 1867 nên ông tích lũy được nhiều kinh nghiệm vận động quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang và đặc biệt là công tác giữ bí mật. Để tránh sự truy lùng của bọn cầm quyền Pháp, ông chọn Rạch Giá cách xa các đô thị lớn để đặt sở chỉ huy, song không cố định ở một nơi và có nhiều cơ sở dự bị như Rạch Giá, rạch Cái Nhum, Nước Mặn, Chùa Nha Sập ở làng Nhục Tụng, Rừng Cái Nạng, Gò Đất. Vì vậy ông đã nhiều lần thoát được các cuộc vây bắt của giặc như trường hợp đầu tháng 12/1893, ông đang trên đường từ Bến Tre đi Rạch Giá thì bị quân Pháp phát hiện, ông lập tức chuyển sang Cù Lao Dài khoảng nửa đêm ngày 5/12/1893 ông tới nhiều cơ sở rồi về Cà Mau.

Sự hoạt động linh hoạt của ông đã được tri huyện Sa Đéc báo cáo với thực dân Pháp như sau: “*Trong thời gian ở Rạch Giá, Đào Công Bửu đã giả dạng là thầy pháp cao tay, có khi lại đóng vai một viên quan đi tuyển mộ nghĩa sĩ theo lệnh của ông vua xuất bốn*” (ý nói vua Hàm Nghi).

Nhận xét về các hoạt động chống Pháp của ông, báo cáo ngày 5/6/1894 của tri huyện Sa Đéc viết: “*Bửu là tên phiến loạn rất ngoan cố, nếu tính cả lần mưu tính nổi dậy vào năm 1894 thì Bửu đã 5 lần lòi kéo, kích động dân Nam Kỳ chống lại người Pháp*”.

Tên chủ tỉnh Rạch Giá phải thừa nhận: “*Cuộc vận động chống lại chúng ta trên hầu khắp các tỉnh ở Nam Kỳ trong những tháng đầu năm nay là do Đào Công Bửu chủ mưu. Y đã triển khai mưu đồ chủ yếu tại địa bàn các tổng Kiên Định, Kiên Hảo là những tổng khó kiểm soát nhất*”.

Thống đốc Nam Kỳ viết trong báo cáo gửi Toàn quyền Đông Dương về ông như sau: “*Đào Công Bửu rất linh hoạt và năng động, tuy đã già. Y len lỏi được trong hạt Rạch Giá và tìm cách đánh lạc hướng sự truy nã của chúng ta là nhờ sự đồng mưu của nhiều hương chức và dân địa phương, cảm thấy mình đã được lãng quên, Đào Công Bửu lại bắt đầu khởi xướng những vụ nổi loạn và y đã chọn một địa bàn được chuẩn bị chu đáo trong các tổng Kiên Định và Kiên Hảo. Đào Công Bửu không khó khăn lắm trong việc làm cho mọi người tin rằng y là một quan chức của triều đình Huế được cử vào kêu gọi dân chúng Rạch Giá nổi dậy chống lại nền thống trị của người Pháp. Đào Công Bửu đã từng là tên chủ mưu ngoan cố trong các vụ nổi dậy liên tiếp ở Trà Vinh, Bến Tre, và ở nhiều địa phương khác, nay y lại xuất hiện ở Rạch Giá để tổ chức một cuộc nổi loạn*”.

mới”.

Đáng tiếc là cuộc vận động yêu nước do Đào Công Bửu lãnh đạo chưa kịp bùng nổ thì ông và hầu như toàn bộ các thủ lĩnh đều bị thực dân Pháp bắt. Bọn xâm lược Pháp và tay sai Nam triều đã dùng mọi cực hình tra tấn để khai thác bí mật của tổ chức. Song họ đều dũng cảm nhận trách nhiệm về mình, bảo vệ những thủ lĩnh nghĩa binh chưa bị lộ, bảo vệ cơ sở. Tất cả những người có danh sách trên đều bị bắt và bị kết án tù từ 4 đến 15 năm và đày đi Côn Đảo. Ra đảo họ bị đánh đập, lao dịch nặng nhọc, bị bỏ đói nên phần lớn đều chết trước khi mãn hạn.

BỒN SƯ NGÔ LỢI

Từ năm 1867 Cao đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương Trần Văn Thành, nguyên là Chánh quản cơ đã từ bỏ mọi chức vụ để theo Phật Thầy chiêu mộ nghĩa sĩ và nhân dân lập trại xây dựng căn cứ chống Pháp ở Bảy Thưa - Láng Linh từ năm 1867 đến năm 1873.

Noi gương Bửu Sơn Kỳ Hương Trần Văn Thành, năm 1876, Bồn sư Ngô Lợi là một trong những vị chủ trương đạo “Tứ Ân Hiếu Nghĩa” là một nhà sư thoát tục song ông vẫn có tấm lòng thương dân, yêu nước thiết tha, một lòng lo đánh đuổi giặc Pháp cứu nước, cứu dân.

Để thực hiện mục tiêu xây dựng căn cứ chống Pháp, năm 1876 Bồn sư Ngô Lợi đã dẫn một số tín đồ đạo “Tứ Ân Hiếu Nghĩa” vào núi Tượng là một trong bảy ngọn núi của Thất Sơn. Các tín đồ đạo “Tứ Ân Hiếu Nghĩa” đều là những người tin đạo, yêu nước.

Trong số những người theo bồn sư Ngô Lợi lên “trảm thảo khai sơn” còn có những người từng là điền chủ, từng là hương chức nên theo việc khai hoang, lập làng mới. Vì vậy chẳng bao lâu bốn làng mới mang tên là An Định, An Hoà, An Thanh, An Lập đã được dựng lên theo kiểu vừa là khu dân cư, vừa là làng chiến đấu.

Ngày 25/9/1878, Giám đốc Nội vụ Sài Gòn phát lệnh truy nã Bồn sư Ngô Lợi tức Năm Thiếp. Chúng còn treo giải 1000 đồng cho kẻ nào bắt được Ngô Lợi. Thực hiện lệnh truy nã trên có rất nhiều người theo đạo “Tứ Ân Hiếu Nghĩa” ở các tỉnh bị giặc Pháp bắt. Song Ngô Lợi có tài hoá trang, bình tĩnh, mưu trí lại được nhân dân hết lòng bảo vệ, nên vẫn an toàn. Ngô Lợi lợi dụng đêm tối và sự che chở của nhân dân trốn thoát khỏi vòng vây.

Không bắt được ông, giặc đốt phá hết nhà cửa, ngôi chùa của đạo “Tứ Ân Hiếu Nghĩa” ở làng An Định. Từ đó dịch thần thánh hoá Bồn sư Ngô Lợi có phép tàng hình, thăng thiên độn thổ để che đậy sự bất lực của mình. Song điều đó càng tăng thêm uy tín cho nhà sư yêu nước Ngô Lợi.

Bồn sư Ngô Lợi không chỉ hoạt động ở núi Cẩm (Thất Sơn) - nay thuộc phần đất huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Thực dân Pháp chăng lưới khắp nơi, nhưng trong suốt mấy năm liền chúng không bắt được ông. Chúng nhiều lần đốt phá nhà cửa, chùa chiền của bốn làng, nhưng giặc vừa rút, nhân dân lại trở lại dựng nhà cửa, chùa chiền. Hưởng ứng Chiêu Cần vương, bồn sư Ngô Lợi và các tướng bàn kế hoạch giương cao ngọn cờ Cần vương, phát động nhân dân vùng lên chống Pháp. Công việc tiến hành rất thuận lợi, anh hùng nghĩa sĩ khắp lục tỉnh tụ hội về...

Khoảng tháng 12/1887, tháng giêng 1888, bằng đức độ và tài thuyết phục của mình, bồn sư Ngô Lợi đã giáo hoá được Năm Cùi (tức Nguyễn Thành Liễu) là tay sai đắc lực của Đốc phủ sứ Trần Bá Lộc cài vào để ám sát bồn sư Ngô Lợi. Năm Cùi đã tình nguyện ở lại Bảy Núi, và còn quay về ám sát Trần Bá Lộc, tiếc rằng việc không thành, Trần Bá Lộc thoát chết.

Để đánh lừa giặc Pháp, tín đồ phao tin bồn sư Ngô Lợi đã chết, lập mộ giả ở Hai Ký thuộc làng An Thành. Trong khi quân Pháp còn bán tín bán nghi thì Ngô Lợi vẫn tiếp tục các hoạt động cứu nước. Song lúc này lực lượng nghĩa quân đã suy yếu, hầu hết tướng lĩnh đều bị giết, bị tù. Bồn sư Ngô Lợi mất vào năm 1890, an táng tại núi Tượng.

LÊ THÀNH PHƯƠNG

Lê Thành Phương sinh năm 1825, quê ở làng Phú Mỹ huyện Trung An, tỉnh Phú Yên. Năm Ất Mão (1885) ra Huế thi Hương đậu Tú tài.

Năm 1885 Tôn Thất Thuyết, Trần Xuân Soạn chỉ huy Phấn nghĩa quân tấn công Pháp ở đồn Mang Cá, Toà Khâm sứ Pháp không thành, hộ tống vua Hàm Nghi ra sơn phòng Quảng Trị, hạ chiếu Cần vương.

Lê Thành Phương hưởng ứng chiếu Cần vương, tổ chức nghĩa quân, tự xưng là Tổng thống quân vụ đại thần lập căn cứ chống Pháp ở Quán Câu, nay thuộc xã Tuy Hiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Ông phong cho con trai là Lê Thành Bích làm Hữu tham tri cùng ông chỉ huy nghĩa quân.

Lê Thành Phương tế cờ ở núi Phù Diêm (Hoà Đa) rồi chia quân đi chống giữ các nơi. Giặc Pháp cho tàu chiến bắn phá bờ biển Phú Yên, ông đưa súng thần công lên núi bắn trả dữ dội gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại.

Với quân lính thiện chiến, có tàu và đại bác yểm trợ quân Pháp đổ bộ đánh chiếm tỉnh Phú Yên. Nghĩa quân chiến đấu quyết liệt gây cho quân Pháp nhiều tổn thất rồi rút quân lên Củng Sơn tiếp tục đánh du kích.

Giặc Pháp hèn hạ sai Trần Bá Lộc đem quân đến bắt vợ con ông để buộc ông ra đầu thú, ông cũng không khuất phục.

Cuối cùng tên Việt gian Trần Bá Lộc cho bọn phản động trong vùng lừa bắt ông nộp cho giặc Pháp. Chúng dụ dỗ ông ra làm quan, ông quát lớn: “*Thà chết chứ không chịu*”. Giặc Pháp đưa ông ra chém ở bến đò Cây Dừa xã Ngân Sơn, huyện Trung An. Giặc chặt đầu ông bêu ở gốc cây đa bến đò Chiều làng Phú Mỹ, 10 ngày sau chúng mới cho chôn. Năm đó Lê Thành Phương 62 tuổi.

VÕ TRÚ

Võ Trú còn có tên là Võ Văn Trú, Nguyễn Trú, Võ Thản, quê ở làng An Nhơn, tổng Kỳ Sơn, phủ Tuy Phước, Bình Định, sau dời về làng Quang Vân cũng thuộc phủ Tuy Phước. Võ Trú là một bộ tướng của Mai Xuân Thưởng.

Khi Mai Xuân Thưởng hy sinh, nghĩa quân tan rã, Võ Trú trở về Phù Cát, khoác áo thầy tu, đến chùa Đá Bạc giúp thầy chùa bắt mạch kê đơn, bốc thuốc cứu giúp người nghèo. Ông là người thông thạo thuốc Nam, thường dùng ngay những cây thuốc trồng trong vườn chùa và cây tự nhiên mọc trong vùng làm thuốc. Trong các buổi giảng giải kinh sách Phật ông đã khéo léo kích động lòng yêu nước của các tín đồ lên án giặc Pháp và bọn tay sai bán nước. Tín đồ theo về ngày càng đông. Trần Cao Vân nghe những lời đồn đại về vị thầy chùa đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa Mai Xuân Thưởng, nay chuyên làm việc thiện cứu dân, liền đến chùa làng Chánh Danh tìm. Song ông được các Phật tử ở chùa cho biết thầy Võ Trú đang đi phân phát thuốc cho dân không rõ ở làng xã nào, nên ông đành quay trở về Bình Định.

Võ Trú về đến chùa Chánh Danh được các đệ tử trao cho bức thư của Trần Cao Vân để lại. Võ Trú từng được nahe những người vêu nước ở Phú Yên ca ngợi thầy địa lý họ Trần giỏi Kinh dịch đang hoàn thiện thuyết “*Trung Thiên dịch*” liền thu xếp đi ngay thành Bình Định để gặp Trần Cao Vân.

Hai người cùng có chung một hoàn cảnh, cùng có tấm lòng thiết tha yêu nước gặp gỡ nhau lần đầu, song tâm đầu, ý hợp đã nhanh chóng trở thành đôi bạn tri kỷ. Hai ông nhận định sau khi thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa ở Bình Định Mai Xuân Thưởng hy sinh, khởi nghĩa tan rã (1887), gần đây nhất (1895) khi Phan Đình Phùng mất, khởi nghĩa cũng thất bại. Các cuộc khởi nghĩa khác cũng bị giặc đàn áp từ khi mới phôi thai, cả nước chỉ còn cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Vì vậy cần có ngay cuộc khởi nghĩa ở xứ Trung Kỳ để thức tỉnh đồng bào và cũng để cho thực dân Pháp thấy rõ tinh thần quật cường của người Việt Nam. Vì thế hai ông quyết định gấp rút chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa ở hai tỉnh Bình Định, Phú Yên mà Phú Yên là trọng điểm. Trần Cao Vân ở lại Bình Định một thời gian ngắn rồi cũng vào Phú Yên làm tham mưu cho Võ Trú.

Võ Trú đã hoạt động tích cực ở ba huyện Bắc Phú Yên. Đi đến đâu Võ Trú cũng giúp đỡ dân, bốc thuốc, chữa bệnh cho dân, cung cấp dao phát, dao quắm, rìu cho dân đi rừng làm rẫy. Ông cũng nói rõ những nỗi nhục của người dân mất nước, khơi gợi lòng căm thù giặc Pháp. Thực dân Pháp và Nam triều sợ ảnh hưởng của ông lan rộng trong dân chúng, nên vu cáo ông biến thủ công quỹ, trốn đi ở chùa để hạ uy tín ông. Song đồng bào các tầng lớp nông dân, dân nghèo, trí thức người Việt, các tầng lớp tăng ni, Phật tử đồng bào các dân tộc ở miền Tây hai tỉnh Phú Yên, Bình Định vẫn tin yêu, kính trọng ông. Giặc Pháp cho mật thám theo dõi, lùng bắt ông khắp nơi. Nhưng nhờ có tinh thần cảnh giác cao, có tài hóa trang, được các tầng lớp nhân dân ủng hộ, giúp đỡ, nên ông vẫn an toàn. Thực dân Pháp, quan lại Nam triều đồn đại tung tích kì dị của ông, để che giấu nỗi bất lực của mình là: “Nghe đồn rằng vị sư ấy là Tiên, ban đêm cưỡi chim hai cánh bay rất nhẹ nhàng!”. Các ông đã sử dụng giáo lý của nhà Phật để phát triển đức tin trong các tầng lớp nhân dân vào công cuộc phục quốc. Ông thuyết phục đồng bào Thượng ở vùng núi Phú Yên trên dải Trường Sơn đi theo con đường chống Pháp cứu nước.

Ông đã thành lập đội nghĩa binh, dự định tập kích trại lính để cướp súng rồi tiến đánh dinh công sứ, dinh tuần phủ và các lý sở khác. Song cuộc khởi nghĩa thất bại, Võ Trú, Trần Cao Vân trốn tránh

trong các làng đồng bào Thượng được đồng bào che chở an toàn.

Võ Trứ thấy giặc bắt rất nhiều đồng đội của mình và đồng bào tra tấn cực kỳ dã man và giết hại, đốt phá các làng, tàn phá trâu bò, ngô lúa. Khắp hai tỉnh Phú Yên, Bình Định nơi nào cũng khói lửa ngút trời.

Để cứu đồng đội và đồng bào, ông ung dung tự ra cho giặc bắt. Giặc tra tấn Võ Trứ vô cùng dã man, hết bọn mật thám Pháp lại đến bọn bố chính Bùi Xuân Huyền tra tấn ông cực kỳ man rợ, song ông nhận hết trách nhiệm về mình, không hề khai cho ai. Giặc đưa ông ra pháp trường chém, cho đến lúc chết ông vẫn ung dung.

ĐỒ ĐÀM

Đồ Đàm tên thực là Đỗ Văn Đàm, còn gọi là “Đồ Hà Nam”, Đồ Hải. Ông người làng Tạ Xá, tổng Lương Xá, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông, nay thuộc Hà Tây.

Ông Đồ Đàm văn hay, chữ tốt, nhưng vì nặng lòng yêu nước, thương dân ông thường làm thơ đả kích thực dân Pháp, quan lại Nam triều theo Pháp. Vì vậy bọn cầm quyền hằn học ông, chỉ tìm cách hãm hại. Tư tưởng chống Pháp của ông được thể hiện trong các bài thơ, nên ông đi thi nhiều lần đều bị giám khảo đánh trượt. Ông chán nản bỏ học, bỏ thi về làng mở trường dạy học. Học trò trong vùng, mền đức độ của ông theo học rất đông.

Trong khi ngồi dạy học, ông vẫn bí mật liên lạc với các phong trào khởi nghĩa như ông vượt sông Hồng sang căn cứ Bãi Sậy ở huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu liên lạc với thủ lĩnh Nguyễn Thiện Thuật. Ông đã cùng một số học sinh tâm huyết trực tiếp điều tra các hoạt động quân sự, các vị trí đóng quân của quân Pháp ở huyện Phú Xuyên, huyện Thường Tín, Thanh Trì rồi báo cho nghĩa quân Bãi Sậy sang tập kích, tiêu biểu là các trận đánh vào huyện lỵ Thanh Trì ngày 8/7/1888 do Đội Văn chỉ huy 500 quân; tấn công huyện Thanh Trì vào tháng 7 năm 1889.

Năm 1892, cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy tan rã, Đồ Đàm lên Yên Thế yết kiến tướng quân Hoàng Hoa Thám. Khi Hoàng Hoa Thám thành lập đảng Nghĩa Hưng ở Hà Nội thì Đồ Đàm là một yếu nhân của Đảng này. Đảng Nghĩa Hưng chủ trương làm nội ứng cho nghĩa quân Yên Thế về đánh thành Hà Nội. Ông có nhiều quan hệ với đảng Nghĩa Hưng, tích cực chuẩn bị cho việc đánh thành Hà Nội. Kế hoạch đánh thành Hà Nội lúc đầu định vào ngày 15/11/1907, sau hoãn đến ngày 16/5/1908, cuối cùng do đích thân thủ lĩnh Hoàng Hoa Thám duyệt sẽ diễn ra vào ngày 27/6/1908, khi các bồi bếp đầu độc sĩ quan và binh lính Pháp. Một bộ phận nội ứng khác làm nổ kho thuốc súng. Ông Đồ Đàm được đảng Nghĩa Hưng giao nhiệm vụ cùng các ông Lang Seo khi đó đóng giả làm thầy bói đến các đền, chùa tuyên truyền nhân dân chống Pháp được giao nhiệm vụ hạ cờ Pháp kéo cờ khởi nghĩa lên Cột Cờ Hà Nội làm hiệu lệnh. Song thuốc độc do các bồi bếp đầu độc lính Pháp vì chế bằng cả độc được nên quá nhẹ, chỉ làm cho chúng say, nôn mửa không làm cho chúng chết. Cuộc khởi nghĩa bị lộ, giặc Pháp báo động toàn thành phố và lùng bắt các hạ sĩ quan, bồi bếp, binh lính ở trong thành chúng nghi có liên quan đến vụ đầu độc. Quân Pháp điều quân ra bờ sông Hồng, cầu Phụng, Cầu Giấy, Ngã tư Sở, Lò Lợn, Gia Lâm, Chèm chặn đánh các cánh quân từ Yên Thế về. Cuộc binh biến thất bại hoàn toàn. Trong khi đó ông Đồ Đàm núp ở gần Cột Cờ chờ mãi không nghe thấy súng lệnh nổ, chỉ thấy giặc Pháp lùíng sục, bắt người khắp các phố. Ông Đồ biết là đại sự bị bại lộ, liền cùng một người học trò cùng làng Tạ Xá đóng vai người kéo xe tay chèo sẵn kéo ông từ Hà Nội về Tạ Xá. Ông biết thế nào giặc cũng về làng lùng sục bắt mình liền vượt sông Hồng sang một làng ở huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu ẩn náu, chờ thời. Giặc Pháp truy lùng ông Đồ Đàm, chúng hẹn cho lý dịch làng Tạ Xá phải đem nộp ông nếu không chúng sẽ triệt hạ làng Tạ Xá quê ông và làng Văn Hội quê ngoại ông.

Ông Đồ Đàm không muốn để liên lụy đến bà con, liền thiêu hủy tài liệu, trở về làng. Ngay từ khi ông từ phủ Khoái Châu trở về làng, bọn mật vụ đã biết báo cho bọn cầm quyền. Chúng khâm phục nghĩa khí của ông và cũng sợ dân kích liệt phản đối chúng, nên chúng chỉ bao vây chặt làng Tạ Xá chứ không vào bắt ông ngay để mặc ông từ biệt con cháu, học trò cùng họ hàng, dân làng. Mãi đến khi cuộc “tế sống” thầy tàn cuộc giặc Pháp mới vào bắt. Oai phong của ông lắm liệt, khiến giặc không dám trối, không dám đeo gông, ông đành hoảng đi giữa đường làng vẫy chào đông đảo dân làng ra vĩnh biệt, ông

chỉ căn dặn một điều: *“Bà con ở lại ngẩng cao đầu mà sống, đừng tiếp tay cho giặc”*.

Giặc Pháp giải ông ra Hà Nội giam tại Hỏa Lò và hành quyết ông cùng một số đồng chí của ông phần lớn là các đảng viên đảng Nghĩa Hưng người Hà Nội tại pháp trường Quần Ngựa, Hà Nội. Nhân dân Hà Nội đã chứng kiến giây phút anh hùng của ông Đỗ Đàm và các đồng chí của ông. Từ đó cứ tới ngày 10 tháng 11, con cháu học trò, họ hàng, thân thuộc lại tập trung ở nhà ông Đẩu, trưởng tràng cúng giỗ thầy.

TRẦN TRỌNG CUNG

Trần Trọng Cung tức Trần Văn Lý còn gọi là Đồ Cát, vì ông là người làng Thượng Cát, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông, nay Từ Liêm thuộc Hà Nội. Ông theo nghiệp binh chiến đấu dưới quyền Bố chính Sơn Tây Nguyễn Văn Giáp. Sau khi thành Hà Nội thất thủ lần thứ hai, Bố chính Nguyễn Văn Giáp đã liên kết với tướng Lưu Vĩnh Phúc chỉ huy quân Cờ Đen phòng thủ Sơn Tây. Trong trận đánh quân Pháp lần thứ hai ngày 19/5/1883 tại Cầu Giấy, Trần Trọng Cung chỉ huy một đội quân mai phục ở làng Dịch Vọng Trung dưới sự chỉ huy của Tả dực Dương Trí Ân. Cánh quân này đã giết chết đại tá De Viler. Từ ngày 1 đến ngày 3 tháng 9/1883 ông đã theo Nguyễn Văn Giáp phối hợp với quân Cờ Đen do tướng Lưu Vĩnh Phúc chỉ huy chặn đánh quân Pháp do tướng Bouet chỉ huy tiến đánh Sơn Tây. Quân Pháp bị tổn thất nặng nề, phải rút về Hà Nội.

Ngày 14/12/1883 Đô đốc Cuốc bê (Courbet) chỉ huy một lực lượng lớn bộ binh lính thủy đánh bộ có tàu chiến, pháo binh, công binh hỗ trợ đánh thành Sơn Tây. Bố chính Nguyễn Văn Giáp chỉ huy quân sĩ chặn đánh quân Pháp ở chiến lũy Phù Sa. Trần Trọng Cung luôn ở bên cạnh quan Bố chính, bảo vệ ông. Ông còn chỉ huy các mũi đột kích vào doanh trại của giặc, tổ chức các mũi vu hồi đánh tạt sườn vào trận địa quân Pháp. Khi quân ta phải rút khỏi chiến lũy Phù Sa về thành Sơn Tây, ông đã ở lại đánh chặn giặc, yểm hộ cho chủ tướng rút trước. Ông đã sát cánh cùng Bố chính trong ba ngày liền chiến đấu giữ thành Sơn Tây, gây cho quân Pháp thương vong nặng nề.

Thành Sơn Tây thất thủ, triều đình Huế ký hòa ước với Pháp, lệnh cho các tướng ở Bắc Kỳ phải triệt binh. Nguyễn Văn Giáp chống lệnh ở lại mộ quân chống Pháp. Trần Trọng Cung lại theo Bố Giáp rút về huyện Lâm Thao xây dựng căn cứ Thanh Mai.

Khi Thanh Mai thất thủ, Trần Trọng Cung hợp với quân Nguyễn Quang Bích. Tháng 10/1887 Bố Giáp hy sinh tại căn cứ Nghĩa Lộ, Trần Trọng Cung còn chiến đấu trong hàng ngũ nghĩa quân mấy năm nữa, cho đến khi tuổi già, sức yếu, bị sơn lam, chướng khí quật ngã ông mới chịu trở về sống ở Thượng Cát, mở trường dạy học để che mắt kẻ thù, nên dân mới gọi là ông Đồ Cát. Về quê nhưng ông vẫn liên lạc với các đồng chí trong cuộc khởi nghĩa.

Vụ Hà thành đầu độc bị thất bại. Chúng xử tử hình nhiều người, Trần Trọng Cung bị giặc Pháp bắt đày đi Côn Đảo và bị bệnh mất tại Côn Đảo vào cuối năm 1908.

CAI NGA

Cai Nga tên thực là Nguyễn Văn Nga, còn gọi là Nguyễn Tác A, sinh quán tại Hà Nội. Ông đi lính đeo lon cai, ở cùng cơ binh pháo thủ số 9 với Đội Bình, Đội Nhân. Mỗi khi ông bất bình với bọn chỉ huy Pháp thường đến tâm sự với Đội Bình, Đội Nhân là bạn thân, cùng chung chí hướng như mình. Cai Nga trở thành trợ thủ tin cậy của Đội Bình trong việc tuyên truyền, phát triển lực lượng phản chiến trong quân đội Pháp. Ông là người thông minh, đọc văn thơ yêu nước mà thực dân Pháp cấm lưu hành như *Hải ngoại huyết thư*, *Lịch sử Việt Nam*, *Thiết tiên ca*, *Bài ca lính tập* chỉ vài lần là thuộc lòng, đọc lại cho anh em nghe. Cai Nga đã bỏ ra nhiều công sức điều tra kỹ lưỡng các mục tiêu mà binh lính phản chiến và nghĩa quân Yên Thế sẽ tấn công như Phủ Toàn quyền Đông Dương, dinh Thống sứ Bắc Kỳ, Bộ Tổng Tham mưu Pháp. Trong cuộc họp phân công người chỉ huy các cánh quân, Cai Nga được chỉ định làm chỉ huy phó đánh bộ Tổng Tham mưu, do chính Đội Bình làm chỉ huy trưởng.

Sau cuộc tấn công giặc Pháp tháng 6 năm 1908 bị thất bại vì có nội phản báo cho giặc biết kế hoạch tấn công của nghĩa quân và đầu độc sĩ quan Pháp thì giặc Pháp sai đóng cổng thành, vây bắt hầu như toàn bộ binh lính, bồi bếp đã tham gia. Cai Nga bị bắt cùng với nhiều đồng chí khác. Giặc Pháp dùng mọi cực hình tra tấn ông dã man, nhưng ông cắn răng chịu đựng không khai những đồng chí, những cơ sở ở bên ngoài thành cho giặc biết. Để xét xử “Vụ Hà Thành đầu độc”, ngày 28 tháng 6 năm 1908, Hội đồng Đề hình được thành lập cấp tốc để xét xử vụ đầu độc với quyền hạn rộng rãi và thủ tục xét xử nhanh chóng. Mặc dù cuộc điều tra còn đang tiếp tục, ngày 8 tháng 7 năm 1908 giặc Pháp đã đưa Đội Bình, Đội Nhân, Cai Nga, Đội Cốc ra xét xử. Cai Nga bị giặc đưa ra xử thứ hai, sau Nguyễn Trị Bình. Tác phẩm *Truyện các liệt sĩ Hà thành* của Phan Bội Châu khi đó đang ở Nhật đã thu thập tài liệu viết về vụ này ngay trong tháng 10/1908 đoạn viết về Cai Nga như sau:

“...Khi đến lượt Nguyễn Văn Nga, các nhà chức trách Pháp hỏi Nga các câu sau:

- Chính phủ đã nuôi mày, đối xử với mày tử tế, tại sao mày lại đứng vào hàng ngũ những tên nổi loạn?

Nga đáp:

- Người Pháp bắt người Việt Nam đóng mọi thứ thuế. Đó là một số tiền rất lớn, mấy triệu đồng một năm, thế mà Chính phủ Pháp chỉ trả cho chúng tôi lương mỗi tháng 5 đồng, 8 đồng hoặc 10 đồng, thì làm sao mà chúng tôi có thể nói được các ông đối xử tốt. Người Pháp các ông tới nước chúng tôi, chiếm lấy những gì mà tôi, đồng bào tôi có trong nhà. Các ông đuổi chúng tôi, các ông sai giết chúng tôi để đảm bảo hạnh phúc cho các ông và cho gia đình các ông. Chúng tôi đã tổ chức cuộc âm mưu này chống lại các ông, đó là vì chúng tôi tự thấy mình đã quá khổ khổ”.

Người ta ra lệnh chặt đầu Nga. Trước lúc chặt đầu ông, người ta hỏi ông có điều gì cần nói nữa không. Nếu ông có thể tố giác những người khác tham gia âm mưu, ông sẽ được ân xá khỏi tội chặt đầu. Nga đã trả lời rằng, nếu ông không giết người Pháp thì người Pháp sẽ tiêu diệt nòi giống Việt Nam. Ông thích được chặt đầu ngay lập tức hơn là phải nhìn nòi giống mình bị người pháp tiêu diệt. Sau câu nói cuối cùng này, tên đao phủ đã thực hiện nhiệm vụ của nó. Nga hét to: “Đồng bào! Đồng bào vạn tuế!”. Ông vừa dứt lời thì tên đao phủ hạ đao. Ông lìa đầu khỏi cổ trong hoàn cảnh thật bi hùng.

NGUYỄN THỊ MÃO

Nguyễn Thị Mão còn có tên gọi cô Đồng Đa, là người trông nom ngôi đền Sóc Sơn. Cô cũng là người phụ trách trạm liên lạc tiền tiêu của căn cứ Yên Thế từ những năm 1884, 1885. Các thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa thường tránh lối qua phía Nam cầu tỉnh lý Bắc Giang về qua Bắc Ninh mà thường đi tắt. Đền Sóc Sơn là địa điểm dừng chân của các tướng lĩnh. Tại đây cô Đồng Đa báo cho họ biết tình hình hoạt động của quân Pháp và quan phủ quan huyện. Người từ đồng bằng lên Yên Thế cũng được các liên lạc đưa lối đi qua đền Sóc Sơn.

Tháng 3/1907, trường Đông Kinh nghĩa thực thành lập ở Hà Nội, cô Đồng Đa tham gia vào hoạt động của trường, nhưng không phải là giảng viên, ban tu thư, hay ban tài chính mà cô tham gia vào ban tuyên truyền. Cách tuyên truyền của cô Đồng Đa cũng rất độc đáo đó là cô không đăng đàn, diễn thuyết, không hô hào mọi người làm cách mạng mà cô mượn lời tiên, thánh dưới các hình thức cầu cơ, giáng bút, soạn thành lời ca trong các quẻ thẻ để truyền bá tư tưởng yêu nước, kêu gọi đồng bào đồng tâm nhất trí đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược.

Tiếng đồn các vị Thánh ở đền Sóc linh thiêng giáng bút, cầu cơ xin thẻ rất mau nhiệm, khiến khách từ khắp nơi đến đền. Bọn mật thám đánh hơi được có hoạt động chính trị ở đền Sóc Sơn, cho tay chân len lỏi vào khách thập phương đến xin giáng bút, xin thẻ để dò la.

Đền Sóc còn là nơi các sĩ phu trường Đông Kinh nghĩa thực, phong trào Đông du, phong trào Duy tân hội họp bàn việc quốc sự vì họp ở Hà Nội khó giữ được bí mật. Đền Sóc cũng là nơi lun giữ nhiều tài liệu thơ văn cách mạng của trường Đông Kinh nghĩa thực, của phong trào Đông du.

Tháng 12/1907, nhà cầm quyền Pháp đóng cửa trường Đông Kinh nghĩa thực, bắt bớ những yếu nhân của trường, thì đền Sóc là nơi cất giấu tài liệu của trường. Những hoạt động nhộn nhịp của những người thường ra vào đền, nhìn bề ngoài không có vẻ mờ đạo, có những người nằm trong tầm kiểm soát của quan phủ, quan huyện, khiến bọn mật thám theo dõi gắt gao. Tên Việt gian chó săn trung thành của giặc Pháp là Từ Đàm án sát tỉnh Phúc Yên cho tay chân đóng vai người đi lễ bái sát các hoạt động của cô Đồng Đa. Từ Đàm cho tay chân đe dọa sẽ trị tội cô Đồng Đa nếu cô còn dính líu vào quốc sự.

Song sự bao vây, theo dõi gắt gao của mật thám và tay chân Từ Đàm không làm cô Đồng Đa nhụt chí, từ bỏ sự nghiệp thức tỉnh đồng bào, kêu gọi đồng bào đứng lên chống giặc ngoại xâm của mình. Cô càng căm thù bọn chó săn cho giặc, riêng đối với Từ Đàm cô ví hẩn như quỷ dữ, gây tội tât “*ác giả, ác báo*”, nên nhân ngày rằm tháng bảy “*xá tội vong nhân*” năm Mậu Thân (1908), cô Đồng Đa đặt ở hàng mã một chiếc thuyền rồng bằng giấy, trong thuyền là một lũ quỷ sứ đầu trâu, mặt ngựa, thành danh, đồ mỏ, tượng trưng cho bọn tay sai, mật thám bị Diêm Vương kết tội giam xuống hỏa ngục. Chúng được Đức Phật thương tình giác ngộ; cải tà quy chính, cho chúng được hình nhân thế mạng, làm phép cho chúng sống lại đời lương thiện để chuộc tội. Bọn tay chân vội vàng ton hót với Từ Đàm, hẩn không còn giả nhân, giả nghĩa che đậy bộ mặt chó săn của mình mà sai lính đến bắt cô Đồng Đa, lục soát đền Sóc Sơn. Tại nhà lao Phúc Yên, Từ Đàm sai bọn cai tù, những tên mất hết lương tri dùng mọi ngón đòn tra tấn dã man, tàn bạo nhất với cô. Song người phụ nữ yêu nước kiên trinh không một lời khai báo, xin xỏ, luôn mồm lớn tiếng chửi mắng Từ Đàm. Biết trước sau tên chó săn Từ Đàm cũng giết hại mình, một đêm nhân lúc bọn gác ngục sơ hở, cô Đồng Đa xé áo thắt cổ chết, giữ trọn khí tiết của mình.

NGUYỄN CÔNG VẬN

Nguyễn Công Vận quê ở xã Động Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, ông là cháu nội Nguyễn Mậu Kiến, con trai Nguyễn Hữu Cương, gọi Nguyễn Hữu Bản là chú ruột. Cả ông, cha, chú đều hy sinh trong sự nghiệp chống Pháp, cứu nước.

Với mục đích tuyên truyền lính khổ xanh, khổ đỏ, lính làm binh biến, Nguyễn Hữu Cương đã cho con trai là Nguyễn Công Vận vào lính tập. Nhiều người không hiểu ý đồ của ông, tỏ ý trách cứ ông, ông vẫn bình thản, không thanh minh. Trong suốt thời gian ở lính tập đóng ở tỉnh lỵ Thái Bình, Nguyễn Công Vận đã làm công tác binh vận, tuyên truyền giác ngộ được nhiều lính tập. Ông bí mật gửi các văn thơ yêu nước của Phan Bội Châu như “*Việt Nam vong quốc sử*”, “*Lưu Cầu huyết lệ thư*”, “*Tinh hồn quốc dân ca*”... bí mật gửi về nước. Số binh sĩ trên đã hứa nếu quân khởi nghĩa nổi lên đánh vào tỉnh lỵ thì họ sẽ hưởng ứng.

Năm Mậu Thân (1908), cha ông là Nguyễn Hữu Cương đã cùng các ông Lê Đại, Vũ Hoàng, tức Bả Quang, Nguyễn Quyền, Hoàng Tăng Bí đã liên lạc được với nhóm sĩ quan trong thành Hà Nội do Đội Nhân, Đội Bình, Cai Nga... gia nhập đảng Nghĩa Hưng do thủ lĩnh nghĩa quân Hoàng Hoa Thám chủ trương, thì ông cùng nhóm hạ sĩ quan, binh lính ở tỉnh lỵ Thái Bình cũng ráo riết chuẩn bị để khi Hà Nội khởi nghĩa thì Thái

Bình cũng hưởng ứng. Ngày 27 tháng 6 năm 1908, tức ngày 29 tháng 5 năm Mậu Thân tại thành Hà Nội nổ ra “*vụ Hà Thành đầu độc*”. Song kế hoạch bị bại lộ, giặc Pháp đàn áp. Các ông Nguyễn Công Úc, Nguyễn Công Tích, Nguyễn Công Vận cùng số hạ sĩ quan, binh lính tham gia vào vụ đánh tỉnh thành Thái Bình cùng cha ông và nhiều nghĩa quân bị bắt. Ông cùng cha bị đẩy vào thành Gia Định, sau đó ông mắc bệnh, chết ở đó. Cha ông vì phần quất mất ngày 12/5/1912 tại nơi đi đày ở Cần Thơ.

Khi Nguyễn Công Vận mất, có nhiều thơ điếu, liễn, câu đối phúng viếng.

Một câu liễn điếu Nguyễn Công Vận

Phiên âm:

Trung hiếu hữu chân truyền, niệm tổ quốc, niệm đồng bào, khởi nhân thiên nhai di lão phụ.

Anh hùng vô ấn bản, diệc ngoan dân, diệc nghĩa sĩ, quản giao sử bút thuộc danh gia.

Dịch:

Trung hiếu do truyền thống từ xưa, nghĩ tổ quốc, nghĩ đồng bào, nở để bên trời quên lão phụ;

Anh hùng không bản in để lại, cũng ngoan dân, cũng nghĩa sĩ, rồi đây bút sử chép danh gia.

(*Thơ điếu, liễn in trong sách Việt Nam nghĩa liệt sử của Đặng Bằng Đoàn, trang 92, 93*).

NGUYỄN HÀNG CHI

Nguyễn Hàng Chi khi nhỏ tên là Nối, đi học là Đồ Nam, nho Tuy, khi đỗ tú tài thì gọi là Tú Nối. Ông sinh năm 1886. Ông là con một nhà nho nổi tiếng ở làng Đông Thượng, xã Ích Hậu, tổng Phù Lưu (nay là xã Hậu Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh), ông là em ông Nguyễn Hiệt Chi. Cũng như người anh, ông là người hay chữ, giỏi văn thơ nhất vùng, nhưng không đi thi.

Cuối năm 1906, đầu năm 1907, Nguyễn Hàng Chi đi Quảng Nam, gặp được các nhà nho trong phong trào Duy tân, ông đã chịu ảnh hưởng sâu sắc. Ông trở về Hà Tĩnh lại được ông Phạm Văn Thân - người lãnh đạo phong trào Duy tân ở Nghệ Tĩnh giác ngộ về tinh thần và phương pháp đấu tranh chống đế quốc Pháp. Ông Thân còn cho Nguyễn Hàng Chi đọc nhiều tân thư, tân văn. Qua các buổi tiếp xúc với các nhà nho trong phong trào Đông du và tiếp thu được từ Tân thư, ông có nhiều việc làm thiết thực như hưởng ứng phong trào Đông du, là người đầu tiên cắt tóc ngắn, mặc quần áo ngắn (quần áo khách).

Từ tháng 11/1907 nhiều nhà lãnh đạo phong trào Duy tân như Phó bảng Đặng Nguyên căn lần lượt bị bắt giam ở nhà lao Hà Tĩnh, thì Nguyễn Hàng Chi trở thành người đứng đầu phong trào chống thuế ở Hà Tĩnh.

Ngày 18/4/1908 tỉnh Quảng Nam nổ ra vụ chống thuế, do hội Duy tân chủ trương, quần chúng các phủ huyện xông vào Tòa sứ đòi bỏ sưu thuế. Nguyễn Hàng Chi lập tức gặp các yếu nhân phong trào Duy tân ở Nghệ Tĩnh. Sau khi thảo luận các ông đã nhất trí phát động nhân dân Hà Tĩnh kéo lên phủ huyện, lên tỉnh chống thuế vào ngày 23/5/1908. Cuộc họp cũng thông qua thông tri do Nguyễn Hàng Chi soạn thảo nói về diễn biến cuộc biểu tình chống thuế ở Quảng Nam ngày 18/4/1908 và kêu gọi các hội viên Duy tân trong tỉnh kêu gọi, phát động nhân dân Hà Tĩnh biểu tình chống thuế vào ngày 23/5/1908.

Từ ngày 22/5/1908, Trịnh Khắc Lập diễn thuyết ở chợ Giang Đình, huyện Nghi Xuân kêu gọi mọi người hưởng ứng tờ Thông tri của Nguyễn Hàng Chi. Hôm sau - ngày 23/5, Trịnh Khắc Lập, Trịnh Yên, Trịnh Xuyên, Phan Chiêu, Phan Cần, Trần Tý, Nguyễn Lương Nhân dẫn trên 500 người áo xác, quần xơ, nón cời, toi rách, cơm đùm, cơm nắm kéo đến vây huyện Can Lộc. Những người biểu tình trối tri huyện Lê Trần Thụy, giải về tỉnh kêu sưu. Đoàn đi khỏi huyện, vừa tới hơi toán lính của tên trung úy Pháp Gaya chặn lại và xông vào dân xin râu đánh đập. Mặc dù bị đánh, Nguyễn Hàng Chi và Trịnh Khắc Lập vẫn dẫn đầu mọi người xông tới đòi gặp Công sứ Pháp để chất vấn, đưa yêu sách. Song giặc Pháp đàn áp, Nguyễn Hàng Chi, Trịnh Khắc Lập cùng những người khác bị bắt, tên án sát Cao Ngọc Lễ dùng cực hình tra tấn. *“Cái quần lụa trắng của Nguyễn Hàng Chi đã nhuộm máu mất hai phần mà ông vẫn không nhận”*. Song sau đó ông lại nhận hết về mình không khai cho ai khác.

Bọn cầm quyền Pháp và tay sai chém Nguyễn Hàng Chi ở sau thành Hà Tĩnh.

NGUYỄN HIỆT CHI

Nguyễn Hiệt Chi còn có tên là Nguyễn Đức Thuận, hiệu Mông Thượng, sinh năm 1870, là anh trai Nguyễn Hàng Chi. Ông quê ở làng Đông Thượng, xã Ích Hậu, tổng Phù Lưu, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Hậu Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh). Ông học giỏi, đỗ đầu ở trường thi Nghệ An và đỗ tú tài trường thi Bìrih Định, nên thường gọi là Xứ Thuận. Khi thi Hương, ông cố tình để hỏng nhiều lần để được thi lại, ông có cơ hội làm bài thuê để kiếm tiền. Năm 1906 ông lại đi thi, quan trường cho ông đỗ tú tài cuối bảng.

Ông cùng em trai là Nguyễn Hàng Chi vào Phan Thiết. Ông được bổ làm ký học ở Phú Yên, sau được bổ vào ngạch giáo dục dạy chữ Hán tại trường Pháp - Việt Phan Thiết. Ông cùng em trai là Nguyễn Hàng Chi đều là những hội viên tích cực của hội Duy tân. Ông thuộc phái Minh xã, còn Nguyễn Hàng Chi ở trong phái Ám xã theo xu hướng bạo động. Năm 1908 Nguyễn Hàng Chi chịu ảnh hưởng của phong trào xin cầu, chống thuế ở Quảng Nam, trở về Hà Tĩnh phát động phong trào chống thuế. Cuộc chống thuế ở Hà Tĩnh diễn ra quyết liệt, Nguyễn Hàng Chi cùng với đồng chí là Trịnh Khắc Lập bị nhà cầm quyền Pháp giết hại. Nguyễn Hiệt Chi cũng bị Pháp bắt hai lần, giam cầm trong 6 tháng, song không có chứng cứ chứng minh phải tha. Ông cùng với Nguyễn Trọng Hối, Nguyễn Quý Anh, Hồ Tá Bang lập Thương quán là công ty Liên Thành, Nguyễn Hiệt Chi là nhân vật chủ chốt của công ty. Tiếng là công ty thương nghiệp nhưng do nhiều nhà trí thức tiến bộ sáng lập, nên công ty đã thành lập trường Tư thực Dục Thanh. Nguyễn Hiệt Chi là giáo viên ở trường Dục Thanh. Ông còn là người hiểu biết các sách Tân thư do các nhà cách mạng Trung Quốc như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi, Tôn Dật Tiên viết và dịch của các học giả phương Tây như Mông phát kịơ, Rút xô, Vích to Huy gô, nên ông được công ty giao cho phụ trách một thư xã có rất nhiều sách Tân thư.

Khi ở Phan Thiết, Nguyễn Hiệt Chi giúp đỡ tận tình cho nhiều người ở Nghệ Tĩnh vào Phan Thiết và về tiền bạc, lương thực, nơi trú chân và tinh thần. Nguyễn Hiệt Chi giảng dạy ở trường Dục Thanh 12 năm, dạy ở trường Quốc học Huế 2 năm, sau đó ông trở về Nghệ An dạy ở trường tiểu học Cao Xuân Dục và Nguyễn Trường Tộ ở thành phố Vinh.

Nguyễn Hiệt Chi còn là nhà biên soạn sách trong khi dạy ở trường Quốc học Huế, ông đã soạn sách *Mẹo tiếng Nam*, soạn *Hán - Việt từ điển* (với Đoàn Danh Từ), *Hán văn Tân giáo khoa thư* soạn với Lê Thước, *Sách dạy tiếng Nam, mẹo chữ Pháp*. Ông cũng làm thơ, chủ yếu là thơ trào phúng, là cộng tác viên với báo *Nữ giới chung* của bà Sương Nguyệt Anh.

Năm 1933, Nguyễn Hiệt Chi về hưu, được hai năm thì mất (1935), thọ 65 tuổi.

Trong suốt 38 năm đứng trên bục giảng, Nguyễn Hiệt Chi đã đào tạo được nhiều nhân tài cho đất nước và soạn nhiều sách về giáo dục, đặc biệt là Từ điển.

LÊ BÁ TRINH

Lê Bá Trinh sinh năm Ất Sửu (1865) (Có sách viết ông sinh năm 1875 hay 1878). Quê ông ở xã Hải Châu thượng, huyện Hòa Vang nay thuộc quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông thi đậu cử nhân khoa thi Hương, niên hiệu Thành Thái 12 (1900), xếp hạng 4 trên 22. Thi Hội ông chỉ đủ phân số để bổ nhiệm, không đỗ tiến sĩ.

Lê Bá Trinh sớm có lòng yêu nước từ khi tuổi còn trẻ, không chịu ra làm quan cho chính quyền thực dân Pháp và Nam triều. Ông làm một nếp nhà nhỏ ở chân núi Hành Sơn ngày ngày cày ruộng, tát nước làm kế sinh nhai. Trần Quý Cáp là bạn thân với Lê Bá Trinh, đến nhà ông ở chân núi Hành Sơn chơi, mong muốn ông ra hoạt động cách mạng, liền tặng bạn đôi câu đối:

Hoàn hải sơ khai thiên cổ nhơn

Cổ nhơn do ngọn Ngũ Hành Sơn.

Dịch:

Trời mới đã ra mới thế giới

Bạn xưa còn núp dưới Hành Sơn.

Lê Bá Trinh tỉnh ngộ, bèn ra dạy học ở nhà ông Thương Liên ở Đà Nẵng. Từ đây về sau, các nhà ái quốc trong Nam ra, ngoài Bắc vào đều lấy chỗ nhà ông Châu Thành và nhà ông Lê Bá Trinh làm căn cứ.

Từ đó ông giao kết với các nhà yêu nước có xu hướng canh tân như Thái Phiên, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp. Ông cùng em trai là Lê Thúc Kỳ, dời nhà về làng Quảng Cái (Khái Đông) mở trường dạy học theo chủ trương tân canh, thực dụng. Cao trào chống thuế bùng nổ ở huyện Đại Lộc, nhanh chóng phát triển ra toàn tỉnh Quảng Nam và các tỉnh Trung Kỳ. Lê Bá Trinh và nhiều nhà yêu nước ở Quảng Nam tích cực tham gia phong trào này. Thực dân Pháp đàn áp khốc liệt, Lê Bá Trinh cùng Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng bị thực dân Pháp kết án đầy đi Côn Đảo, riêng ông bị kết án 9 năm khổ sai. Tại nhà tù tàn bạo của thực dân Pháp, Lê Bá Trinh vẫn kiên cường liên tiếp đứng ra tổ chức nhiều cuộc đấu tranh với bọn chúa đảo, đòi không được đánh đập tù nhân, không cho ăn gạo mục, cá thối, mà phải cho ăn no, có rau, cá tươi.

Lê Bá Trinh bị tù ở Côn Đảo 7 năm, năm 1915 ông được trả tự do. Vừa về đến nhà, ông lại cùng hai người em là Lê Trọng Đoàn và Lê Thúc Kỳ gia nhập tổ chức Việt Nam Quang Phục hội ở các tỉnh Nam Trung Kỳ do Thái Phiên và Trần Cao Vân lãnh đạo. Tại Đại hội thành lập Việt Nam Quang Phục hội ở Trung Kỳ, ông được cử phụ trách ban Kinh tài thay cho Thái Phiên được bầu giữ chức chủ tịch.

Ông là một trong những người đã cùng Thái Phiên, Trần Cao Vân... tích cực chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa ở kinh thành Huế có vua Duy Tân tham gia. Ngày 3 tháng 5 năm 1916, cuộc khởi nghĩa nổ ra bị thất bại, Lê Bá Trinh cùng hai em là Lê Trọng Đoàn, Lê Thúc Kỳ, bị đầy đi Lao Bảo. Trong nhà tù khắc nghiệt của đế quốc Pháp ông vẫn kiên cường dẫn đầu các cuộc đấu tranh với bọn chúa ngục. Ông tích cực tham gia vụ cướp ngục năm 1918 do Hồ Bá Kiện và Liêu Thanh lãnh đạo. Thực dân Pháp đàn áp, em ông là Lê Trọng Đoàn cùng nhiều chiến sĩ hy sinh trong vụ thảm sát. Ông bị chúng bắt lại ở rừng Lào bị chúng xích trong nhiều năm, chân thành tật.

Sau khi mãn hạn trở về, ông mất tại Hòa Hải, Đà Nẵng vào năm 1934. Nay ở thành phố Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh đều có đường phố mang tên ông.

TỔNG KIÊM - ĐỐC BANG

Tổng Kiêm tên thật là Nguyễn Văn Kiêm là thuộc tướng của Đốc Ngữ, do chiến đấu xuất sắc, được phong là Lãnh binh, nên còn gọi là Lãnh Kiêm. Ông hoạt động mạnh ở tỉnh Phương Lâm, sau đổi là tỉnh Chợ Bờ, rồi Hòa Bình.

Năm 1908, Đình Công Nhung cậy thế giặc Pháp cướp 8 mẫu ruộng của nhân dân Mông Hóa. Đốc Bang giữ chức phó tổng và Nguyễn Văn Kiêm tức Tổng Kiêm lãnh đạo nhân dân Mông Hóa làm đơn kiện Đình Công Nhung lên Công sứ tỉnh, Thống sứ Bắc Kỳ và Toàn quyền Đông Dương. Thực dân Pháp đã xử cho Đình Công Nhung. Đình Công Nhung dựa vào thế lực Pháp khủng bố những người đi kiện hắn. Đốc Bang và Tổng Kiêm phải trốn lên rừng. Đình Công Nhung tàn bạo, bắt bỏ Đốc Bang đóng cũi trôi sông để uy hiếp tinh thần đấu tranh của nhân dân.

Lãnh Kiêm liền chiêu mộ quân đánh Pháp. Vốn biết tiếng Lãnh Kiêm, nên những nghĩa quân cũ của ông cùng nhiều người dân Việt, dân Mường nhiệt liệt hưởng ứng, tham gia nghĩa quân rất đông, Lãnh Kiêm liên lạc được với Đốc Bang.

Đốc Bang tên thực là Nguyễn Đình Nguyên, người Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn khi đó cũng đang tập hợp lực lượng đánh Pháp và tay sai Đình Công Nhung.

Đến tháng 4/1909, lực lượng nghĩa quân có 30 người, đặt tên là đội “*Bình Tây*”. Quân kỳ màu đỏ, có hai chữ “*Bình Tây*”. Hai ông làm lễ tế cờ tại núi Viên Nam, xã Mông Hóa. Nghĩa quân tôn Tổng Kiêm làm Chánh Thống tướng, Đốc Bang làm phó Thống tướng. Cuối tháng 7/1909 lực lượng nghĩa quân lên tới 41 người, nhưng trang bị kém, chỉ có một khẩu súng hỏa mai, 8 thanh mã tấu, còn lại là dao quắm, dao phát bờ. Hai ông nhận được tin tại tỉnh Hòa Bình, công sứ Rênhiê (Régnier) đi dưỡng bệnh, phó công sứ Patorích (Patrich) đi thanh tra các đồn điền. Chánh quan lang Đình Công Nhung ở bên chợ Phương Lâm, hữu ngạn sông Đà. Tỉnh chỉ còn lại Án sát và Đề đốc. Hai ông tính toán tuy quân số ít, vũ khí trang bị thua xa quân Pháp, nhưng nghĩa quân lại có ưu thế là lòng căm thù giặc, quen thuộc địa hình. Một thuận lợi nữa là viên Đề đốc đã hứa án binh bất động khi nghĩa quân đánh vào tỉnh lỵ. Hai ông cho quân áp sát tỉnh lỵ, cho trinh sát đi điều tra nắm vững địa hình, binh lực, hỏa lực, các mục tiêu là đồn lính khố xanh, kho bạc, ty thương chính, nhà dây thép, nhà tù. Nắm chắc phần thắng, Tổng Kiêm và Đốc Bang nhanh chóng quyết định đánh chiếm Tỉnh lỵ, thời gian được ấn định vào đêm mùng 2 rạng ngày mùng 3 tháng 8 năm 1909. Trận đánh đã thành công tốt đẹp. Tổng Kiêm, Đốc Bang định đưa quân vượt sông Hồng sang Tam Đảo, Vĩnh Yên, hợp với quân Đề Thám, nhưng bị 3000 quân chặn đường nghĩa quân phải vượt sông Đà sang đóng ở Bản Thôn thuộc huyện Thanh Thủy định vượt sông Hồng, sông Lô sang Vĩnh Yên nhưng quân Pháp phái 3 tiểu đoàn chặn đánh ở Tô Vũ vào ngày 31/10/1909. Tình thế buộc nghĩa quân vượt sông trở lại, bị quân Pháp cắt nghĩa quân làm đôi, Tổng Kiêm bị dồn về chân núi Ba Vì. Đốc Bang bị bao vây ở Mông Hóa. Nghĩa quân phải phân tán thành nhiều toán, đánh những trận nhỏ. Do quân Pháp khủng bố nhân dân dữ dội, không có tiếp tế nên nghĩa quân bị cô lập. Đêm 29 rạng ngày 30/12/1909, Đốc Kiêm hy sinh trong 1 trận bị quân Pháp phục kích. Trong tháng 01/1910, trong một trận đánh, nghĩa quân hy sinh, bị bắt 25 người, 84 người bị bao vây, hết đạn, hết lương thực phải ra hàng. Đốc Bang bị Pháp đày ở Lạng Sơn 20 năm.

PHẠM CHÁNH - PHẠM LUÂN - NGUYỄN SUM

Đêm mùng 4 rạng ngày mùng 5 tháng 7 năm 1885, Tôn Thất Thuyết, Phạm Thận Duật, Trần Xuân Soạn chỉ huy Phấn nghĩa quân tấn công toà Khâm sứ Pháp, đồn Mang Cá, khu nhượng địa. Việc không thành, sáng 5/7 quân Pháp phản công, Tôn Thất Thuyết hộ giá vua Hàm Nghi ra sơn phòng Quảng Trị, vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần vương. Các tướng lĩnh, sĩ phu, những người yêu nước khắp các tỉnh Trung Kỳ, Bắc Kỳ sôi nổi hưởng ứng.

Tại tỉnh Khánh Hoà có Trịnh Phong, Trần Dương, Phạm Chánh cùng con trai là Phạm Luân và Nguyễn Sum cùng nhiều người khác hưởng ứng. Phạm Chánh cùng con trai là Phạm Luân và Nguyễn Sum đều quê tại làng Hội Khánh huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà. Ba người đã hăng hái hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi, đứng ra chiêu mộ nghĩa quân đánh Pháp. Đồng đạo trai tráng trong huyện Vạn Ninh đã tới làng Hội Khánh nơi đặt đại bản doanh cuộc khởi nghĩa tòng quân. Nhiều người còn đem theo cả vũ khí, lương thực đến. Phạm Chánh giao cho con trai là Phạm Luân biên chế nghĩa quân thành cơ đội, huấn luyện các thao tác chiến đấu, cách sử dụng vũ khí. Nguyễn Sum lo công tác hậu cần chủ yếu là mua sắm quyền góp vũ khí quân lương.

Nhận được tin Phạm Chánh cùng với Phạm Luân, Nguyễn Sum khởi nghĩa, Thượng thư bộ Binh Tôn Thất Thuyết cử phái viên giao cho ba người cai quản nghĩa quân hạt Vạn Ninh. Nhận thấy địa hình ở Hội Khánh trống trải, các ông xây dựng căn cứ và thành lập kho lương tại Đồng Đồn trên núi Ninh Phước. Phạm Chánh cùng Phạm Luân và Nguyễn Sum chỉ có tấm lòng căm thù giặc, yêu nước thiết tha, không có kiến thức về quân sự, lại không có tham mưu giỏi. Công tác tuyển quân cũng ồ ạt, theo lối “đánh trống ghi tên” không lựa chọn, nên có những kẻ cơ hội, cả bọn lưu manh lọt vào hàng ngũ. Quân Pháp nghe tin đánh bất ngờ vào ban đêm, các ông không đề phòng nên bị thất bại, nghĩa quân mạnh ai nấy chạy, kho lương bị đốt cháy.

Sau trận tập kích của quân Pháp, các ông tụ tập tàn quân chờ ngày khởi sự. Nhận được tin quân Pháp đóng ở thôn Hiền Lương, Phạm Chánh cùng Phạm Luân, Nguyễn Sum đem quân đến đánh báo thù. Trận đánh diễn ra vô cùng ác liệt, quân Pháp bị thiệt hại nặng nề, nhưng ba ông lại bị thua, quân số còn rất ít. Lẽ ra các ông nên rút vào nơi an toàn bổ sung lực lượng, trang bị thêm vũ khí, chờ cơ hội diệt địch thì các ông lại đưa số quân ít ỏi, trang bị kém xa quân Pháp, đánh trận thứ ba ở núi Quán Chùa. Kết quả là trận này các ông lại bị thua. Đánh ba trận thua cả ba, nghĩa quân chán nản bỏ đi. Khi hai cha con Phạm Chánh rút về căn cứ trên núi không thấy Nguyễn Sum, hai cha con ông xuống núi trở lại trận địa tìm kiếm thì thấy Nguyễn Sum bèn đưa về căn cứ chữa vết thương. Quân sĩ lúc này bỏ đi hết chỉ còn lại hai cha con Phạm Chánh và Nguyễn Sum.

Ba ông rút về núi Tu Bông, hết lương thực, bị quân Pháp bao vây chặt, không có người tiếp tế, Phạm Chánh về làng tìm lương thực, bị tay sai của giặc Pháp bắt nộp cho Đốc phủ. Khi dựng cờ khởi nghĩa ba người đã thề sống chết có nhau nên Phạm Luân và Nguyễn Sum tự ra cho giặc bắt để cùng được chết. Giặc Pháp và bọn tay sai dụ dỗ các ông đầu hàng, các ông không theo. Chúng tra tấn cực kỳ dã man cũng không khuất phục được các ông.

Chúng đưa các ông về làng Hội Khánh xử bắn tại Gò Đồn. Bắn xong, chúng chặt đầu ba người. Đầu cha con ông Phạm Chánh bêu tại Tu Bông, thân mình bêu tại Vạn Dã, đầu ông Nguyễn Sum bêu tại Vạn Dã, thân mình bêu tại Gò Bí (Tu Bông). Ai đi qua cũng vô cùng thương cảm, mãi ba ngày sau chúng mới cho gia đình chôn cất.

Mộ Phạm Chánh, Phạm Luân, Nguyễn Sum nay vẫn còn ở thôn Hội Khánh, huyện Vạn Ninh.

KỠ ĐỒNG NGUYỄN VĂN CẨM

Kỳ Đồng tên thật là Nguyễn Văn cẩm sinh ngày 10 tháng 8 năm 1875, cha là Nguyễn Văn Tỵ đồ nhị trường, sống bằng nghề dạy học, đan lát và đóng cối xay, dân làng gọi là cụ Đồ Tỵ. Nguyễn Văn Cẩm sớm bộc lộ thông minh kỳ lạ từ khi mới bốn, năm tuổi. Năm 6 tuổi đã học chữ Nho, có tài ứng đối nhanh và rất tài tình. Lên bảy tuổi, đã biết làm thơ chữ Hán và thuộc nhiều câu sấm Trạng Trình. Nghe đồn Nguyễn Văn Cẩm thông minh kỳ lạ, nhiều nhà nho đến tận nơi thử tài. Một hôm bạn của cha cậu đến chơi, đọc một câu trong sách:

Tam tài: thiên, địa, nhân (Ba cõi trời, đất, người).

Nguyễn Văn Cẩm ngồi chơi ở góc nhà liền đối:

Tứ thi: phong, nhĩ, tụng.

Chỗ hóc búa là nói đến bốn thể thơ mà chỉ có ba. Nhưng tuy ba mà bốn, vì chữ *Nhĩ* bao gồm cả chữ *nhĩ* và *tiểu nhĩ* cộng với phong, tụng đúng là bốn thể thơ.

Những huyền thoại đối đáp của Kỳ Đồng với những nhà thâm nho, những vị khoa bảng nhiều và hết thầy người ra đối đều vô cùng thần phục. Điều đặc biệt là Kỳ Đồng chưa một lần bị thua cuộc.

Lên tám tuổi, Nguyễn Văn cẩm được cha dẫn lên tỉnh Hưng Yên dự kỳ thi sát hạch, chuẩn bị cho kỳ thi Hương ở Nam Định. Các quan chấm thi, thấy cẩm bé, ra câu đối cực khó, nhưng Kỳ Đồng lập tức đối lại rất chỉnh khiến các quan trường đều phải phục tài. Kết quả Nguyễn Văn Cẩm đạt hạng *Ưu*. Các quan tỉnh kinh dị làm sớ tâu về triều.

Vua Tự Đức có chỉ dụ: “*Cấp cho trẻ lạ Hưng Yên Nguyễn Văn Kỳ (tức Cẩm) lên tám tuổi mà thông minh, nhà nghèo, chăm học, mỗi tháng ba quan tiền, một phương gạo, quần áo mỗi thứ hai cái, một năm cấp một lần*”. (Trong bức thư gửi cho công sứ Thái Bình ngày 2/5/1897. Nguyễn Văn Cẩm cho biết tên Kỳ Đồng là do vua Tự Đức ban)

Tiếng tăm và những huyền thoại của Kỳ Đồng ngày càng vang xa. Nhân dân ở các tỉnh Bắc Kỳ, kể cả Thanh - Nghệ rất ngưỡng mộ và kính phục coi ông như Trạng Trình giáng sinh để cứu dân, cứu nước đã kéo nhau về xem mặt Kỳ Đồng đông như trẩy hội.

Năm 1887 phong trào theo Kỳ Đồng lên rất cao, các sĩ phu yêu nước ở Nam Định, Thái Bình muốn nhân dịp này tổ chức lực lượng để đánh chiếm thành Nam Định, nên đã tuyên truyền rộng rãi những kỳ tài của Kỳ Đồng.

Thống sứ Bắc Kỳ Bờ Ri e rơ (Brrière) trước từng làm công sứ Nam Định, sợ Kỳ Đồng trở thành ngòi nổ cho một cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Bắt Kỳ Đồng đưa đi tù thì lập tức dân có phản ứng mạnh mẽ đòi trả tự do cho thần tượng. Hắn liền đưa Kỳ Đồng sang học ở trường Lui Lơrang (Louis Le Grand) ở thủ đô Algé nước Algérie để tách ông ra khỏi phong trào chống Pháp và hy vọng đào tạo thành tay sai của chúng. Tại Algérie, Kỳ Đồng đã liên hệ với vua Hàm Nghi (vua Hàm Nghi hơn Kỳ Đồng ba tuổi). Tháng 9 năm 1896, Kỳ Đồng đỗ tú tài toàn phần, chúng đưa ông về nước. Bọn cầm quyền Pháp giao cho ông nhiều chức vụ nhưng ông không nhận. Ông trở về quê mở trường dạy học chữ Hán và chữ Pháp. Người đến học trường ông rất đông. Ông làm giỗ bố thật to để bạn bè xa gần đến làng Ngọc Đình cùng nhau hội ngộ bàn việc cứu nước. Trước những hoạt động tích cực vận động phong trào chống Pháp của Kỳ Đồng, thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa trường và giám sát ông chặt chẽ.

Kỳ Đồng xin phép mở đồn điền song mật thám Pháp cho theo dõi sát từng hành động nhỏ của ông ở khắp mọi nơi.

Kỳ Đồng trở thành quân sư của cuộc khởi nghĩa lớn do Mạc Đình Phúc lãnh đạo. Trước nguy cơ bùng phát một cuộc khởi nghĩa mới, Toàn quyền Đông Dương ra lệnh cho Péroz chỉ huy đạo quân Yên Thế phải bí mật bắt Kỳ Đồng. Khi ông bị bắt, giặc Pháp dùng thuyền máy đưa ông về Hải Phòng. Từ Hải Phòng chúng đưa ông vào Sài Gòn theo đường biển rồi giải sang Pháp. Từ khi bị bắt, chúng cùm xích ông canh gác rất chặt rồi đưa đi đày ở Tahiti thuộc quần đảo Polinêdi. Tin tức Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm bị Pháp bắt đày sang đảo Tahiti, lập tức Hội Bảo vệ và bệnh vực nhân dân bản xứ tại Pháp, bác sĩ Ghia người cùng Kỳ Đồng khai phá đồn điền chợ Kỳ ở Yên Thế đã gửi thư cho Toàn quyền Pôn Dume đòi trả tự do cho Kỳ Đồng nhưng không kết quả. Tại Tahiti, Kỳ Đồng đã làm quen với nhà danh họa người Pháp bị đày sang đó năm 1901. Ông viết một vở kịch ba hồi *“Những mối tình của người họa sĩ già ở quần đảo Mác ki do”*. Trong suốt 30 năm bị đi đày, ông không được gặp một người đồng bào nào của mình, không hề biết tin tức gì về đất nước mình. Ông mất ngày 17/7/1929.

MẠC ĐÌNH PHÚC

Mạc Đình Phúc tên thực là Nguyễn Khắc Tĩnh, còn gọi là Khóa Tĩnh, Khóa Doãn, người làng Bình Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Ông là người có học, đỗ khóa sinh, từng làm tiên chỉ ở làng Bình Hà. Ông có quan hệ rộng với hàng lý dịch trong huyện và có hiểu biết về lính Pháp.

Từ năm 1881, khi Nguyễn Văn Cầm lên 6 tuổi nổi tiếng thần đồng, được coi là Trạng Trình tái thế cứu nhân dân. Người khắp các tỉnh ở Bắc Kỳ, cả Thanh - Nghệ kéo đến làng Ngọc Đình xem mặt và thử tài. Trong dòng người đó có Nguyễn Khắc Tĩnh.

Tại đây, ông đã thấy rõ trí tuệ thông minh của Nguyễn Văn Cầm trong lòng rất kính phục. Ông cũng kết thân với các nhà nho như cử nhân Bùi Tam Đồng huấn đạo huyện Duyên Hà, Phó bảng Trần Xuân Sắc, tri huyện huyện Tiên Lữ, cử nhân Nguyễn Bá Ôn, quê ở làng Nguyệt Lâm, huyện Kiến Xương, cử nhân Phan Cung quê ở Nam Định.

Từ đó Khóa Tĩnh thường xuyên đi lại với các nhà nho ở Thái Bình (khi đó còn là phủ Thái Bình, thuộc tỉnh Nam Định) và huyện Duyên Hà (khi đó thuộc Hưng Yên).

Sau khi Kỳ Đồng về nước và tổ chức một cuộc gặp mặt anh em, đồng bào, Mạc Đình Phúc trở về Thanh Hà gấp rút chuẩn bị cho sự ra đời của tổ chức Mạc Thiên binh. Ông triệu tập gấp cuộc họp với Nguyễn Văn Viễn, Phạm Ngọc Bài, Phạm Huy Thiện, Đội Khánh, Quản Hà phát động phong trào Mạc Thiên binh, Phan Cung cũng rời Nam Định sang Thanh Hà với danh nghĩa thầy đồ đi mở trường dạy học để giúp Mạc Đình Phúc thảo hịch, mệnh lệnh, thư từ giao dịch với thủ lĩnh các tỉnh.

Mạc Đình Phúc giao cho Nguyễn Văn Viễn, Phạm Ngọc Bài, Phạm Huy Thiện phát triển lực lượng ở Hải Dương còn ông tới Hải Phòng, bí mật liên hệ với tri phủ Kiến Thụy Phạm Huy Du và các thủ lĩnh ở Kiến An như Lãnh Mộc, Tổng Tồn...

Tại Thái Bình, ngoài việc gặp gỡ chủ sớ Nguyễn Bá Ôn, Mạc Đình Phúc thường đến chùa Lăng Động ở huyện Trục Định (Kiến Xương) bàn bạc với sư Thụ người chỉ huy quân sự cao nhất ở Thái Bình tuyên truyền chống Pháp. Ông phát cho nghĩa đảng của mình một thẻ tre có chữ *Mạc Thiên binh*.

Mạc Đình Phúc loan truyền tin, ông được trời cho chức "*Mạc thị khâm sai trừ Tây, diệt Nguyễn*" do đó ông có nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân chống Pháp, đánh đuổi, tiêu diệt chúng, lật đổ vua quan nhà Nguyễn. Phong trào Mạc Thiên binh từ Thanh Hà lan rộng ra các huyện.

Cùng với việc tuyển quân tại chỗ, Mạc Đình Phúc, Nguyễn Bá Ôn, Bùi Tam Đồng, Phan Cung... còn tích cực vận động người di dân lên Yên Thế xây dựng đồn điền chợ Kỳ cho Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cầm, thực tế là để dự các lớp huấn luyện quân sự do Kỳ Đồng trực tiếp giảng dạy.

Pháp giao cho tri phủ Lê Văn Thức đánh dẹp nghĩa quân ở Thanh Hà. Sau khi Tuần Thức bắt được Mạc Đình Phúc, chúng giải ông về thị xã Hải Dương và xử tử ông vào ngày 29 tháng 12 năm 1897.

NGUYỄN BÁ ÔN

Nguyễn Bá Ôn quê ở làng Nguyệt Lâm, nay là xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Ông là một nhà nho, không đỗ đạt, nhưng nổi tiếng về phương thuật.

Ông tự xưng là Thiên thần giáng sinh. Bấy giờ bệnh dịch tả hoành hành ở khắp các tỉnh, người ta mang kiệu tới rước ông đi trừ dịch, có khi vào đến Thanh Hóa, Nghệ An. Nhưng thực ra đó chỉ là một tấm bình phong cho hoạt động tuyên truyền chống Pháp của ông.

Ông có mối quan hệ mật thiết với Tạ Hiện, Bang Tồn. Ông đã cùng với Phó bảng Trần Xuân sắc cử nhân Bùi Tam Đồng dạy dỗ thơ văn và truyền cảm lòng yêu nước cho thần đồng Nguyễn Văn Cầm truyền bá rộng rãi những “câu sấm” và văn thơ của Kỳ Đồng ra quảng đại quần chúng.

Nguyễn Bá Ôn và một số đồng chí đã quyết định xây dựng lực lượng chiến đấu do Mạc Đình Phúc làm minh chủ, Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cầm làm quốc sư, Nguyễn Bá Ôn làm chủ sứ.

Tháng 12/1896, Kỳ Đồng với tư cách là Quốc sư, Nguyễn Bá Ôn với tư cách là chủ sứ đã bí mật sang Bình Hà (huyện Thanh Hà) Hải Dương cùng Mạc Đình Phúc thảo luận cụ thể kế hoạch chiêu mộ, huấn luyện quân sĩ, xây dựng căn cứ, chuẩn bị vũ khí quân lương ở các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ để khởi nghĩa khi có thời cơ.

Với ý định xây dựng căn cứ quân sự để mưu việc chống Pháp, tháng 9 năm 1897 ông phối hợp với bác sĩ Ghia mở đồn điền ở Yên Thế, gần căn cứ Phồn Xương của Hoàng Hoa Thám. Theo báo cáo của mật thám thì đồn điền có từ 2500 đến 3000 người. Ông vẫn giữ vững mối liên lạc với Mạc Đình Phúc và Nguyễn Bá Ôn chỉ đạo tích cực chuẩn bị khởi nghĩa.

Trong khi Kỳ Đồng ở Yên Thế thì Nguyễn Bá Ôn khẩn trương cùng các tướng là Sư Thụ chùa Thuyền Quan, Lãnh Chuẩn khẩn trương tổ chức nghĩa quân, trang bị vũ khí, điều tra sự bố phòng của giặc cho trận đánh sắp tới. Nguyễn Bá Ôn cũng tới Bình Hà với tư cách là chủ sứ cùng Mạc Đình Phúc đi Hải Phòng, Kiến An khích lệ tướng sĩ làm tốt công tác chuẩn bị khởi nghĩa. Ông chăm chú nghe các tướng báo cáo mục tiêu, kế hoạch tấn công, huy động lực lượng một cách cụ thể.

Giặc Pháp lo sợ những hoạt động của Kỳ Đồng nên bắt cóc ông song kế hoạch khởi nghĩa vẫn được Mạc Đình Phúc và Nguyễn Bá Ôn thực hiện. Cuộc khởi nghĩa của phong trào Kỳ Đồng - Mạc Đình Phúc ở các tỉnh Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình nhanh chóng bị giặc Pháp đàn áp. Mạc Đình Phúc bị bắt và bị xử tử vào ngày 29/12/1897, Sư Thụ bị thương, bị bắt cũng bị chúng tử hình. Nguyễn Bá Ôn bị bắt, giam ở đề lao Thái Bình, bị tên công sứ David xử tử ngay tại đề lao. Có tài liệu lại viết ông bị quân Pháp đưa về làng Nguyệt Lâm chém đầu ông trước đền Tam Thánh để uy hiếp dân chúng. Dân làng xô nhau vào lấy vải xô màn thấm máu ở cổ ông đưa về thờ.

NGUYỄN THÁI PHÚC

Nguyễn Thái Phúc quê ở tỉnh Hải Dương là một chiến sĩ chống Pháp kiên cường; Giặc Pháp và chính quyền Nam triều truy nã gắt gao, ông phải cải trang là nhà sư để che mắt giặc. Ông đến tu ở chùa Nham Chàng, tên Nôm là làng Chàng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam với pháp danh là Sư So. Sư So tham gia nghĩa quân của Đình Công Tráng, lo việc huấn luyện quân sự, quyên góp, sản xuất lương thực làm quân lương, lo cứu chữa thương binh, chôn cất tử sĩ. Ông còn trực tiếp tham gia các trận đánh lớn ở căn cứ Rừng Chàng, Bưởi, Tâng, Sở Kiện (Hà Nam), chợ Dầu (Vụ Bản, Nam Định)...

Ngày 15 tháng 3 năm 1874, Triều đình Huế ký Hiệp ước mang tên "*Hiệp ước Hòa bình liên minh*" bán rẻ chủ quyền đất nước cho giặc Pháp, Đình Công Tráng trả chức quan cho triều đình về tuyển mộ quân sĩ, trang bị vũ khí xây dựng căn cứ chống Pháp ngay ở làng Chàng và rừng Chàng. Nghĩa quân do Đình Công Tráng chỉ huy lên tới 2000 người, chia thành 5 đạo trung quân, tiền, hậu, tả hữu. Sư So tham gia nghĩa quân lo việc huấn luyện quân sự quyên góp, sản xuất lương thực làm quân lương, lo cứu chữa thương binh, chôn cất tử sĩ. Ông còn trực tiếp tham gia các trận đánh lớn ở căn cứ Rừng Chàng, Bưởi, Tâng, Sở Kiện (Hà Nam), chợ Dầu (Vụ Bản, Nam Định)...

Khi giặc Pháp tập trung quân đàn áp khốc liệt các căn cứ của Đình Công Tráng ở Hà Nam, Đình Công Tráng rút quân về Ninh Bình rồi cùng các tướng lĩnh ở Thanh Hóa xây dựng căn cứ Ba Đình ở Nga Sơn, Thanh Hóa thì Sư So đổi tên là Sư Thọ, giặc Pháp truy lùng ông đổi tên là Sư Dù. Không thể ở Hà Nam, Ninh Bình được, ông về tỉnh Nam Định đến tu ở chùa Lăng Động huyện Trực Định, nay thuộc xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình và đổi pháp danh là Sư Thụ. Ngay khi về Trực Định, sư Thụ đã mộ quân tham gia phong trào kháng chiến do Tạ Hiện lãnh đạo. Ông đã đem quân phối hợp với Lãnh Bon đánh quân Pháp trong trận Tống Vũ, huyện Trực Định, nay thuộc huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Phong trào Cần Vương thất bại, Sư Thụ liên lạc với Mạc Đình Phúc, người làng Bình Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương thủ lĩnh phong trào Mạc Thiên bình để phát triển phong trào ở Thái Bình.

Sư Thụ là người chỉ huy cao nhất của phong trào Mạc Thiên bình tại Thái Bình. Đêm 15 rạng ngày 16 tháng 12 năm 1897, một đội nghĩa binh gần 200 người do sư Thụ trực tiếp chỉ huy theo đê sông Trà Lý tiến về đánh chiếm Phủ Bo. Cuộc chiến đấu của nghĩa quân ở dinh công sứ đang diễn ra quyết liệt, nghĩa quân chiếm ưu thế áp đảo quân Pháp thì tên giám binh Lit tây (Littaye) mang lính đến bắn mạnh vào phía sau nghĩa quân. Vì không có phòng bị từ trước, nhiều nghĩa quân hy sinh, hàng ngũ nghĩa quân rối loạn. Lợi dụng cơ hội đó, bọn lính mở cổng dinh đánh ra nghĩa quân bị kẹp vào giữa, nên phải rút lui. Sư Thụ trốn lên Kỳ Bá, giặc Pháp kéo tới bao vây. Sư Thụ chỉ huy nghĩa quân

đánh trả quyết liệt, ông bị thương và bị chúng bắt. Các tướng như Lãnh Chuẩn, tức Đỗ Đình Chuẩn cũng lần lượt bị quân Pháp và quân Nam triều bắt. Sau khi quân Pháp bắt được Sư Thụ, Công sứ David sai Tri phủ Kiến Xương Phạm Văn Thụ đem lính về làng Lăng Động, căn cứ của Sư Thụ tịch thu ấn tín, bằng sắc, bắt thêm một số người nữa, giải về tỉnh. Giặc Pháp xử chém ông ở Gò Muồng nay là bãi đất lương thực thị xã. về sự kiện này, Giáo sư sử học Đinh Xuân Lâm viết: "*Cùng lúc với các cuộc tấn công vào Hải Dương, thành phố Hải Phòng, nghĩa quân Thái bình do Nguyễn Thái Phúc chỉ huy vào đêm 15 rạng ngày 16 tháng 12 năm 1897 theo đê Trà Lý tiến về đánh chiếm tỉnh lỵ*".

Cuộc chiến đấu do Sư Thụ chỉ huy trong phong trào chống Pháp Kỳ Đồng - Mạc Đình Phúc đã chứng tỏ các hòa thượng, sư sãi tuy gửi thân nơi cửa Phật, nhưng vẫn không thoát li cuộc chiến đấu của

dân tộc chống ngoại xâm, sẵn sàng cởi áo cà sa cầm vũ khí đánh giặc, nhiều vị đã anh dũng hy sinh da ngựa bọc thây nơi chiến địa.

BÙI TAM ĐỒNG

Bùi Tam Đồng người làng Thượng Hộ, tổng Thượng Hộ, huyện Duyên Hà, nay thuộc xã Minh Hồng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đậu cử nhân khoa Bính Tý (1876). Bùi Tam Đồng có thời làm huấn đạo huyện Duyên Hà, Hưng Nhân; có thời gian được Tự Đức cử làm Hà đề phó sứ chuyên lo chỉ huy đắp đoạn đê Văn Giang. Ông là một nhà Văn thân chống Pháp. Khi ông làm Huấn đạo huyện Duyên Hà, nghe đồn về cậu bé kỳ tài Nguyễn Văn Cầm, ông đã cùng hai người bạn đến xem mặt và thử tài. Khách đến nhà, Kỳ Đồng đang chơi trò thuyền vô trứng ở ngoài ao. Thấy Kỳ Đồng có cái chòm và hai trái đào ông Huấn đạo liền đọc: *“Một thằng ba chòm tóc”*. Không cần suy nghĩ, -Nguyễn Văn Cầm ứng khẩu đáp: *“Ba cụ chín chòm râu”*. Cử nhân Bùi Tam Đồng phải phục là tài. Từ đó cử nhân Bùi Tam Đồng cùng với Phó bảng Trần Xuân sắc, cử nhân Nguyễn Bá Ôn đã cùng nhau dạy dỗ, giúp cho tài năng thần đồng của Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cầm ngày càng bay cao, bay xa.

Trong đám giỗ do Kỳ Đồng tổ chức, đã tụ họp các văn thân, phát động nhân dân các tỉnh đồng bằng khởi nghĩa và đưa ra việc mở đồn điền ở chợ Kỳ (Yên Thế, Bắc Giang), các ông đã phân công Bùi Tam Đồng giúp Kỳ Đồng vận động người và của đi mở đồn điền, còn Nguyễn Bá Ôn, Phan Cung giúp Nguyễn Khắc Tĩnh xây dựng lực lượng vũ trang.

Việc Kỳ Đồng trở về nước, mở đồn điền ở chợ Kỳ, Yên Thế và cùng những sĩ phu ủng hộ Kỳ Đồng đi khắp các tỉnh tập hợp quần chúng, làm cho nhà cầm quyền Pháp lo lắng, tìm mọi cách để bắt. Bùi Tam Đồng hiểu rõ việc Kỳ Đồng lập đồn điền chỉ là cái cớ để xây dựng căn cứ quân sự ở Yên Thế bên cạnh căn cứ của Đề Thám. Bùi Tam Đồng còn hiểu rõ ý nghĩa này trong bài thơ: *“Niềm vui vỡ đồn điền”* trong đó có câu: *“Lấy Nông nghiệp tạo thành quân nghiệp”*. Vì vậy Bùi Tam Đồng đã cùng các nhà nho ở trong nhóm văn thân trước đây như các ông Trần Hữu Giảng, Trần Văn Gia, Trần Xuân Tuyên ở thôn Quần Anh... (nay thuộc xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tuyên truyền vận động nông dân và cả các nho sĩ, nghĩa quân của các cuộc khởi nghĩa trước, một số tổng lý yêu nước có những nhà rất giàu, tham gia.

Khi Kỳ Đồng bị nhà cầm quyền Pháp bắt đày ở đảo Hahiti, cuộc khởi nghĩa do Mạc Đình Phúc lãnh đạo bị đàn áp, thực dân Pháp điên cuồng khủng bố bắt những người có liên quan, cử nhân Bùi Tam Đồng cũng bị bắt giam giữ một thời gian dài, sau không đủ chứng cứ buộc tội, chúng phải thả.

TRẦN XUÂN SẮC

Trần Xuân sắc tự là Trọng Ôn, hiệu là Đông Viên, biệt hiệu là Đông Hải tiên sinh, sinh năm Đinh Mùi (1847). Ông là người xã Đông Thành, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, nay Đông Thành thuộc huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Năm Quý Mùi (1879) ông đỗ phó bảng, lúc 33 tuổi. Ông được làm tri huyện huyện Tiên Lữ là một huyện nghèo ở trên bờ Hữu ngạn sông Luộc, tỉnh Hưng Yên.

Năm 1882 quân Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ hai, một số quan lại vô liêm sỉ trở thành tay sai của giặc Pháp, đàn áp nhân dân như Nguyễn Chính, Trần Đình Túc, Hoàng Cao Khải. Ông chán nản bỏ quan về nhà ở xã Đông Thành dạy học.

Tại đây, ông có mối liên hệ chặt chẽ với những nhà nho yêu nước thuộc phe chủ chiến như Nguyễn Quang Bích, Tạ Quang Hiện, Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Hữu Đức...

Giặc Pháp và tay sai cho Pháp như Tổng đốc Nam Định Vũ Văn Báo cho mật thám theo dõi ông. Ông là người có nhân nghĩa, khảng khái, sống thanh cao, nên được các nghĩa sĩ và nhân dân mến phục, hết lòng bảo vệ, nên tránh được nhiều phen nguy hiểm.

Ông không chỉ dạy văn chương, chữ nghĩa mà còn truyền cho học trò tinh thần yêu nước, thương dân. Nhiều học trò của ông trở thành những chiến sĩ cách mạng kiên cường.

Nghe tiếng Kỳ đồng Nguyễn Văn Cầm, ông đã gặp và thử tài của cậu, ông ra cho Kỳ Đồng một vế đối:

Ngũ bá tự xưng ngũ xích đồng.

Nghĩa là: đứa bé 12 tuổi (5 thước) cũng thấy xấu hổ khi nói đến đạo Ngũ Bá.

Vì thế thực dân Pháp cho người theo dõi ông.

Từ khi được gặp mặt và trò chuyện với cậu bé thông minh, xuất chúng, ông thường xuyên đến Ngọc Đình để bồi dưỡng một cách có hệ thống và cơ bản về kinh sách, về đạo làm người cho cậu bé thông minh này. Trần Xuân sắc quả không làm, Nguyễn Văn Cầm không hề tự phụ, kiêu căng về sự thông tuệ khác thường của mình, mà đã chăm học học tập bài thầy giảng, kể cả những điều mình đã biết. Trần Xuân Sắc đã cùng Nguyễn Bá Ôn, cử nhân Bùi Tam Đồng đã góp một phần vào việc hun đúc nhân tài Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cầm.

Năm 1907, Trần Xuân sắc cùng các nhà nho Nguyễn Hữu Cương, Ngô Quang Đoan ở huyện Kiến Xương, Lý Thoa mở trường dạy học chữ quốc ngữ theo chương trình của trường Đông Kinh nghĩa thực ở Hà Nội. Trần Xuân sắc dạy học suốt 40 năm, đào tạo rất nhiều nhân tài cho đất nước. Ông mất ngày 30 tháng 5 năm Kỷ Mùi (1919) thọ 72 tuổi.

SƯ CỤ VƯƠNG QUỐC CHÍNH

Sư cụ Vương Quốc Chính là một nhà nho yêu nước ở làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, phủ Kiến An tỉnh Hải Dương, nay thuộc quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Cụ là một nhà sư uy tín trụ trì và thuyết pháp ở nhiều chùa tại phủ Kiến An, trong đó có chùa Hoa Long ở núi Voi, huyện An Lão, phủ Kiến An. Cụ là bạn thân của Tổng đốc Hải Yên kiêm Tán tương quân vụ Nguyễn Thiện Thuật. Khi ông Thuật từ quan, dựng cờ khởi nghĩa ở Chí Linh, Đông Triều, sư cụ Vương Quốc Chính cùng một số đồ đệ đã có mặt dưới cờ. Sư cụ được chủ tướng giao cho về Kiến An phát động các tầng lớp nhân dân khởi nghĩa chống Pháp.

Tháng 9 năm 1885, Nguyễn Thiện Thuật nhận được chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi về nước nhận nhiệm vụ lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy thì Vương Quốc Chính gia nhập cuộc khởi nghĩa do Cử Bình, Nguyễn Văn Tư quê ở huyện An Lão phát động. Các thủ lĩnh nghĩa quân An Lão xây dựng căn cứ ở chùa Hoa Long - nơi sư cụ Vương Quốc Chính tu hành. Nghĩa quân đã đánh nhiều trận, gây thiệt hại nặng nề cho quân Pháp. Chúng cho quân vây ráp, sư cụ phải đi lánh nạn ở Hương Sơn một thời gian, khi giặc Pháp rút lại trở về chùa và tiếp tục tu hành. Tháng 7 năm 1889, sư cụ Vương Quốc Chính dẫn một số nghĩa quân chạy sang huyện Lang Tài, tỉnh Bắc Ninh để nhập vào đạo quân do Nguyễn Thiện Kế, Đề Vinh chỉ huy. Nhưng quân Pháp đã chiếm hết các

ngã đường sang Lang Tài, Thuận Thành. Sư cụ tìm về căn cứ Hai Sông ở Thủy Nguyên do Đốc Tít chỉ huy thì căn cứ đã bị 4 cánh quân của Giám binh Blancha và giám binh Lamman, Tán lý Đào Trọng Kỳ, Tán lý Cao Xuân Dục và Hoàng Cao Khải Tư lệnh binh đoàn cảnh sát vây đánh. Ông bèn rút về căn cứ Bãi Sậy ở Khoái Châu nhưng căn cứ này cũng bị quân Pháp vây chặt để triệt đường nghĩa quân đi ứng cứu ở các nơi khác. Sư cụ Vương Quốc Chính được sư ông ở chùa Khúc Lộng (Văn Giang) là trạm liên lạc bí mật của Nguyễn Thiện Thuật, thì được sư ông cho biết Đề Yêm - người mà sư cụ từng gặp trong các cuộc họp tướng lĩnh đang xây dựng căn cứ ở Chùa Tuyết Sơn động trên núi Bảo Đài, chùa Hương Sơn. Sư cụ đã từng hành Hương tới chùa theo lối tắt Phủ - Lý - Ba Sao, liền cho quân lính cải trang thành phường thợ gặt, thợ sơn tràng đi làm nhiều tốp nhỏ, đến tập kết ở chùa Hương Sơn.

Đề Yêm vui mừng đón nhận vị sư yêu nước vào bộ chỉ huy và còn yêu cầu cụ trụ trì chùa Ngọc Long Động vì sư ông ở đây vừa viên tịch.

Tuy nương thân nơi cửa Phật, nhưng sư cụ Vương Quốc Chính vẫn bí mật liên lạc với các đồng chí mưu việc cứu nước. Ngày rằm tháng 4 năm 1895 họ cùng về chùa Tuyết Sơn họp bàn việc thành lập tổ chức cứu nước, lấy tên là hội Thượng Chí. Cuộc khởi nghĩa đã gây cho giặc Pháp nhiều tổn thất rất lớn, chúng thẳng tay đàn áp cuộc khởi nghĩa. Sư cụ Vương Quốc Chính và nhiều nhà sư ở Sơn Tây, Hà Đông bị giặc Pháp giết hại.

Cuộc vũ trang chống xâm lăng của sư cụ Vương Quốc Chính khởi xướng, tuy thất bại, nhưng vẫn nêu một tấm gương sáng chói lọi trong cuộc chiến đấu cứu nước quật cường của dân tộc Việt Nam.

ĐỖ ĐỨC KIÊN

Đỗ Đức Kiên người làng Đăm Giũa, xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, từng làm Chánh tổng.

Khi quân Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ 2 (1882), Đỗ Đức Kiên cùng một số trai làng gia nhập đội dân binh, hỗ trợ cho đạo quân của Hoàng Kế Viêm, Tôn Thất Thuyết, quân Cờ đen do tướng Lưu Vĩnh Phúc chỉ huy đánh quân Pháp ở Cầu Giấy giết chết tên đại tá Franci Garnier. Sau trận này ông lấy danh nghĩa là chánh tổng tuyển mộ tuần đinh, rào làng chống cướp để xây dựng lực lượng nghĩa quân.

Biết ông là người có nghĩa khí, căm thù giặc Pháp, sau lần tiếp xúc với sư cụ Vương Quốc Chính, sư ông Thích Thanh Trang đã tuyên truyền, vận động ông tham gia hội Thượng Chí do sư cụ Vương Quốc Chính tổ chức và lãnh đạo. Đỗ Đức Kiên hăng hái hưởng ứng và đã vận động nhân dân ở ba làng Đăm thuộc xã Tây Tựu gia nhập hội Thượng Chí.

Năm 1887, sư cụ Vương Quốc Chính nhận thấy số hội viên đã đông đảo, nhất là ở hai tỉnh Hà Đông và Sơn Tây, nên quyết định thành lập lực lượng vũ trang.

Tại cuộc hội nghị thành lập lực lượng vũ trang, Đỗ Đức Kiên được giao chức Chánh Đề đốc. Sau khi được phong chức Chánh Đề đốc Đỗ Đức Kiên cùng các ông Tán lý quân vụ phát động toàn dân Tây Tựu, kể cả hào lý gia nhập nghĩa quân hoặc

ủng hộ nghĩa quân. Núp dưới danh nghĩa rào làng chống cướp. Đề Kiên đã biến làng Đăm Giũa và cả xã Tây Tựu thành làng chiến đấu trong lũy, ngoài hào.

Đề Kiên đã cùng với nghĩa quân đánh và đẩy lùi được một số cuộc tiến công của giặc. Chúng điên cuồng truy sát, bắt được Đề Kiên, chúng dùng mọi cực hình tra tấn ông, để bắt ông khai ra những cơ sở, những thủ lĩnh cùng nghĩa quân của Hội Thượng Chí. Song ông bền gan vững chí căm rắng chịu đựng không khai nửa lời. Chúng đem ông ra Chợ Nhớn chém căm đầu vào cọc bêu ở chợ. Nhân dân thương tiếc vị Chánh Đề đốc đang đem lén lấy được thi hài ông về chôn cất, không đắp nấm, xóa dấu vết.

NGUYỄN HANH

Nguyễn Hanh - còn gọi là Tú Hanh, quê ở làng cổ Nhuế thuộc huyện Từ Liêm là một người hăng hái nhiệt tình chống Pháp. Ông đã cùng các nhà sư có lòng yêu nước như Vương Quốc Chính, Thích Thanh Trang lập nên hội Thượng Chí. Sau một thời gian hoạt động, Hội Thượng Chí đã gây cho giặc nhiều tổn thất nặng nề... Sau cuộc tiếp kiến với sư cụ thủ lĩnh hội Thượng Chí, Nguyễn Quý Hoan đã cùng Nguyễn Hanh xây dựng lực lượng quân sự bí mật ở Hưng Hóa, Sơn Tây, Bắc Ninh và Hà Đông...

Năm 1897 Vương Quốc Chính thủ lĩnh hội Thượng Chí chính thức thành lập lực lượng vũ trang có năm quân là Trung quân, Tiền quân, Hậu quân. Tả quân, Hữu quân, Nguyễn Hanh được cử làm Tiền quân Nguyễn Quý Hoan được cử làm Tiền quân Hộ lý. Các ông cùng chỉ huy của bốn quân tích cực xây dựng lực lượng, huấn luyện quân sự, trang bị vũ khí, tích trữ lương thực đợi thời cơ khởi nghĩa.

Tháng 10 năm 1898 Trung quân Trương Công Bình cùng một số nghĩa quân bị quân Pháp bắt ở Hà Nội. Trước tình hình đột biến không có lợi cho nghĩa quân, Vương Quốc Chính đã triệu tập cuộc họp chỉ huy năm cánh quân họp ở nhà Tiền quân Nguyễn Hanh ở làng Cổ Nhuế để bàn cụ thể kế hoạch khởi nghĩa. Hội nghị quyết định khởi nghĩa vào 10 giờ đêm ngày mùng 5 tháng 12 năm 1898. Hiệu lệnh là khi nhà máy điện bị

đánh hỏng, điện tắt thì khởi sự. Cũng trong cuộc họp này chỉ huy các cánh quân đã cử Tiền quân Nguyễn Hanh giữ chức chỉ huy Trung quân, Tổng chỉ huy cả năm cánh quân, Tiền quân Hộ lý Nguyễn Quý Hoan được cử giữ chức chỉ huy Tiền quân.

Chập tối ngày 5 tháng 12 năm 1898, theo sự phân công của Vương Quốc Chính và Trung quân Nguyễn Hanh, chỉ huy các cánh quân dẫn quân vào mai phục ở các vị trí được chỉ định trước. Trung quân Nguyễn Hanh, Trung quân Hộ lý Trương Công Xán, cùng Tiền quân Nguyễn Quý Hoan cùng các ông Hoa Văn Trứ, Hoa Văn Châu, Hoa Văn Hưng đưa quân đã tập trung ở Cổ Nhuế, Nguyễn Văn Khuyến đưa quân từ Chèm lên phục sẵn trong thành Hà Nội để đánh chiếm các cơ quan, đặc biệt là nhà đèn. Song kế hoạch đánh thành Hà Nội bị bại lộ, trước đột biến đó Nguyễn Hanh cho liên lạc đi báo cho các cánh quân rút lui, nhưng các liên lạc phái đi đều bị giặc bắt, ông đành lệnh cho Trung quân rút lui. Song việc vượt ra khỏi thành lúc này rất khó khăn vì khắp các đường phố, cửa ô đều có quân giặc chặn đường, nghĩa quân lại không quen đường phố nên phần lớn bị bắt. Sau vài ngày lẩn trốn Trung quân Nguyễn Hanh bị giặc Pháp bắt giết ở cổ Nhuế chặt đầu cắm cọc bêu ở chợ. Giặc Pháp triệt hạ làng cổ Nhuế, truy lùng họ Nguyễn và họ Hoa. Hai họ phải chạy rải đi các nơi, một chi nhánh đổi thành họ Văn. Một chi họ Hoa chạy sang làng Quảng Bá đổi là Vũ Hoa.

SƯ CỤ THÍCH THANH TRANG

Sư Thích Thanh Trang tên thật là Nguyễn Trang, quê ở tỉnh Hải Dương, nhà sư đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo.

Năm 1890 trước tình hình khó khăn, Nguyễn Thiện Thuật sang Trung Quốc cầu viện, giao binh quyền lại cho em trai là Nguyễn Thiện Kế. Giặc Pháp huy động lực lượng lớn quân đội : đánh phá các căn cứ của nghĩa quân, nhiều thủ lĩnh nghĩa quân hy sinh, Nguyễn Trang phải lánh lên Hạ Mỗ, nương nhờ cửa Phật lấy pháp hiệu là Thích Thanh Trang tu ở chùa Hạ Mỗ chờ thời cơ khởi nghĩa đánh Pháp.

Đầu năm 1895, ông liên lạc được với sư cụ Vương Quốc Chính, nhà sư Thích Thanh Hữu ở phủ Hoài An thành lập một tổ chức đánh Pháp lấy tên là Hội Thượng Chí. Các ông họp toàn dân tố cáo tội ác của giặc Pháp, phát động nhân dân vũ trang khởi nghĩa, làm lễ tế cờ ở chùa Hạ Mỗ, thề tiêu diệt hết giặc Pháp đem lại cuộc sống tự do cho dân, độc lập cho nước.

Vương Quốc Chính và các tướng đang ráo riết chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa thì tháng 10 năm 1898, Trung quân Trương Công Bình và một số đồng chí của ông bị giặc Pháp bắt ở Hà Nội.

Ngày 1 tháng 12 năm 1898, các tướng họp ở nhà Tiền quân Nguyễn Hanh ở làng Cổ Nhuế quyết định khởi nghĩa vào đêm 5 tháng 12 năm 1898, cử Tiền quân Nguyễn Hanh chỉ huy Trung quân thav Trương Công Bình. Mục tiêu nổ súng là Hà Nội và Sơn

Tây cùng đánh. Hiệu lệnh là đèn điện tắt. Hữu quân Chánh tướng Thích Thanh Trang nhận nhiệm vụ chỉ huy cánh quân từ Nam Định lên tập kết ở huyện Thường Tín hành quân qua Văn Điển tiến vào Hà Nội. Vương Quốc Chính và các tướng đã quá lo xa cho rằng Trương Công Bình và một số tướng của ông bị bắt thì kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ. Nhưng Trương Công Bình và các tướng của ông bị bọn thống trị Pháp tra tấn cực kỳ dã man, song vẫn không khai báo về tổ chức Thượng Chí. Vì vậy đến lúc đó bọn thống trị Pháp chỉ được bọn quan lại tay sai như Lê Hoan, cố đạo Vallexô ở nhà thờ tỉnh lỵ Bắc Ninh cũng chỉ nghi ngờ có một tổ chức chống Pháp mới được hình thành ở Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây, Hải Dương. Còn về ai là người đứng đầu tổ chức đó, mục tiêu của tổ chức đó là gì thì chúng chưa hề biết. Còn về cuộc bạo động, tướng Bichot chỉ biết 1 giờ trước khi nổ súng. Hắn lập tức cho quân phong tỏa các ngã đường vào Hà Nội. Hữu quân Thích Thanh Trang chờ đợi, đã quá giờ mà đèn điện vẫn chưa tắt. Các hiệu lệnh khác như trống chiêng không có. Ông phải liên lạc đi gặp trung quân Nguyễn Hanh, thì khắp Hà Nội chỗ nào cũng có lính Tây, lính ta chặn các ngã đường và tuần tra trên các phố. Ông biết cuộc khởi nghĩa đã bại lộ, hạ lệnh rút quân. Nhưng đã quá muộn, bọn thống trị Pháp huy động tất cả lính Âu - Phi, lính Nam, cảnh sát, chặn tất cả các đường ra khỏi thành phố khám xét. Hữu quân Thích Thanh Trang và nhiều nghĩa quân bị giặc Pháp bắt. Chúng biết sư ông Thích Thanh Trang chỉ huy Hữu quân Chánh tướng, nên tra tấn vô cùng tàn bạo, song không moi được ở nhà sư lời khai nào. Giặc Pháp đưa sư ông về chùa Hạ Mỗ, bắt nhân dân ra điểm mực, tiếp tục tra tấn, bắt nhà sư phải chỉ mặt những người đã tham gia vào đội nghĩa quân và những người giúp đỡ hội Thượng Chí. Chúng chém ông tại gốc chuối.

ĐỒ MẬU

Đồ Mậu tên thật là Vũ Như Đầu, sở dĩ có tên gọi là Đồ Mậu vì ông nối nghiệp cha là cụ Tú Phác ngồi dạy học ở “*Mậu Hòa giảng thất*”, huyện Đan Phượng gần Cầu Đơ thị xã Hà Đông, nay Mậu Hòa thuộc xã Minh Khai, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây. Nổi chí lớp Văn thân đàn anh như Vũ Như Cầu, Vũ Duy Ninh, Nguyễn Tư Giản, Lê Văn Diên, Ngô Văn Dạng... năm 1896 Đồ Mậu Vũ Như Đầu đã gia nhập hội Thượng Chí do Sư cụ Vương Quốc Chính tu ở chùa Ngọc Long Động, khu Hương Tích tổ chức.

Khi Sư cụ Vương Quốc Chính thành lập lực lượng vũ trang chống Pháp thì nhà thờ họ Vũ ở làng Mậu Hòa được chọn làm nơi hội họp, làng Mậu Hòa là địa điểm tập trung nghĩa quân vùng Cầu Đơ quanh thị xã Hà Đông hiện nay.

Theo sách “*Chống xâm lăng*” của Giáo sư Trần Văn Giàu có đoạn như sau:

... Đồ Mậu được phong làm Tán tương quân vụ nghĩa quân. Trước khi xuất phát, ông làm lễ Tế cờ ở đình làng Mậu Hòa, ứng tác một bài về cổ động tướng sĩ, rồi mới kéo quân đi về phía Cầu Đơ.

Khi phiên chế 5 cánh quân, Đồ Mậu được phong làm Tán tương quân vụ của Trung quân Trương Công Bình. Sau một thời gian chuẩn bị. Vương Quốc Chính nhận thấy chưa đủ vũ khí (cần chuẩn bị thêm) và thời cơ khởi nghĩa vào tháng 12/1898. Nhưng các thủ lĩnh nhận được tin giặc Pháp ở Hà Nội và các tỉnh đánh hơi đang có sự chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa ở nhiều tỉnh. Đến tháng 10/1898 xảy ra sự kiện là Trung quân Trương Công Bình và một số nghĩa quân bị giặc Pháp bắt ở Hà Nội. Vì vậy, ngày 1/12/1898, Lãnh tụ 5 quân họp tại nhà Tiền quân Nguyễn Hanh ở làng Cổ Nhuế để bàn kế hoạch khởi nghĩa. Sau một hồi thảo luận, Hội nghị đồng nhất trí phải khởi sự sớm vào giờ đêm ngày 5 tháng 12 năm 1889 tại Hà Nội đang có Hội chợ, có nhiều người đi lại, giặc Pháp không để ý”.

Hội Thượng chí đã tổ chức một cuộc khởi nghĩa. Theo đúng mệnh lệnh tác chiến, Đồ Mậu chỉ huy các cánh quân ở phía tây huyện Đan Phượng và vùng chung quanh Cầu Đơ (thị xã Hà Đông và vùng phụ cận ngày nay) về đình Mậu Hòa làm lễ Tế Cờ sau đó tiến ra Cầu Đơ thẳng đường về tập kết ở Ngã Tư Sở. Do cuộc khởi nghĩa nổ ra trước kế hoạch, vũ khí trang bị chưa thật đầy đủ, việc trinh sát các mục tiêu tấn công chưa được chính xác, và kế hoạch đánh Hà Nội bị bại lộ trước giờ nổ súng 1 tiếng đồng hồ. Nên quân Pháp có đủ thời gian bố phòng các mục tiêu, tổ chức lực lượng cơ động phản kích. Hơn nữa, chỉ có hiệu lệnh tấn công duy nhất là đèn điện thành phố tắt thì nổ súng, không có hiệu lệnh thứ hai như pháo lệnh, trống, chiêng nên khi giặc Pháp phát hiện ra cuộc tấn công bất hết kịp thời, đưa lính vào nhà máy, không tắt điện, thì các cánh quân chệch choạc người đánh người rút. Đồ Mậu chờ đợi tới gần 12 giờ đêm, thấy đèn điện vẫn sáng thành phố vẫn yên tĩnh, đành phải ra lệnh rút lui. Nhưng khi đó đã quá chậm, quân Pháp đã bịt kín con đường từ Ngã Tư Sở về Hà Đông bằng rất nhiều toán quân mai phục và tuần tiễu. Đồ Mậu cùng nhiều nghĩa binh bị quân Pháp bắt, chúng xích tay chân ông cho vào cũi rồi đem đi đày ở Côn Đảo.

Vũ Thế Khôi viết về sự kiện này trong “*Vũ Tông Phan với Văn hóa Thăng Long*” như sau: “*Theo vài người cùng đi tù với Đồ Mậu ở Côn Đảo mãn hạn trở về nói với thân nhân ông Đồ Mậu thì sau một thời gian ra đảo, ông cùng một số đồng chí đóng bè vượt ngục, nhưng đã hy sinh ở giữa biển. Họ dặn thân nhân ông Đồ lấy ngày ông đồ xuống mả vượt biển làm ngày giỗ và đưa*

một ít tiền quyên góp cho vợ ông Đồ Mậu và khuyên bà nên đưa con trốn đi xa tìm kẻ sinh nhai”.

LANG XÁNG

Lang Xáng tên thật là Lý Diễm, người làng Bồng Lai (khu vực Hồ Tây, Hà Nội). Ông nguyên là dũng tướng của Sư cụ Xướng tu ở chùa Đạm Nội, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Yên là thủ lĩnh nghĩa quân đánh Pháp ở huyện Bình Xuyên.

Khi quân Pháp tập trung quân đàn áp được các cuộc khởi nghĩa ở Vĩnh Yên, Phú Thọ, nghĩa quân của cụ Xướng tan rã. Sư cụ Xướng trở về chùa đau buồn vì cảnh nước mất nhà tan, nhịn ăn mà hóa. Tướng của sư cụ là Lang Xáng (tức Lý Diễm) đến làm thầy tự ở chùa Đạm Nội để hương khói, chăm lo phần mộ cho vị thủ lĩnh nghĩa quân.

Tuy nương nhờ cửa Phật, nhưng Lang Xáng vẫn bí mật liên lạc với nghĩa quân của Sư cụ Xướng đang tản mát ở các nơi, động viên anh em giữ vững ý chí chờ thời cơ đánh Pháp. Đối với anh em túng thiếu ông còn chu cấp gạo tiền. Lang Xáng cũng biến chùa Đạm Nội thành nơi trú chân an toàn cho các tướng lĩnh, nghĩa quân của sư cụ Xướng đang bị giặc Pháp truy nã.

Sau khi biết Hội Thượng chí được thành lập, Lang Xáng đưa hơn 20 nghĩa quân cũ của mình về chùa Ngọc Long Động gia nhập nghĩa quân. Vương Quốc Chính giao cho Lang Xáng và anh em cùng đi lo việc huấn luyện quân sự, sử dụng vũ khí cho tân binh, sau đó giao cho mỗi người chỉ huy một toán quân.

Khi phiên chế năm cánh quân: Trung quân, Tiền quân, Hậu quân, Tả quân, Hữu quân thì Lang Xáng được cử làm Tả quân Hộ lý, làm phó tướng cho Tả quân Nguyễn Đăng Quế.

Trong khi Vương Quốc Chính và bộ Tham mưu khẩn trương chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa thì chỉ huy Trung quân Trương Công Bình và một số nghĩa quân bị bắt ở Hà Nội hồi tháng 10/1898.

Các tướng lĩnh lo kế hoạch bị bại lộ, nên tại Hội nghị các chỉ huy các cánh quân họp ngày 1 tháng 12 năm 1898 tại nhà Tiền quân Nguyễn Hanh ở làng Cổ Nhuế, đã quyết định khởi nghĩa vào 10 giờ đêm ngày 5 tháng 12 năm 1898, hiệu lệnh là nhà máy đèn bị phá, điện tắt. Lang Xáng được giao nhiệm vụ cùng Đề đốc Hoàn, Chánh Đề đốc Đỗ Đức Kiên đưa quân về tập kết ở Cầu Giấy chờ lệnh. Song bọn cầm đầu quân sự Pháp là trung tướng Bichot đã biết trước kế hoạch đánh Hà Nội của nghĩa quân một tiếng đồng hồ, nên đã lệnh cho quân Pháp ở Hà Nội đối phó.

Cuộc khởi nghĩa thất bại, quân Pháp truy kích lùng sục khắp nơi để bắt nghĩa quân. Lang Xáng trốn tránh được ít ngày thì bị chúng bắt và giết hại.

Lang Xáng xứng danh là một dũng tướng trong cuộc khởi nghĩa của sư cụ Xướng và trong cuộc khởi nghĩa Vương Quốc Chính.

HOA VĂN TRÚ - HOA VĂN CHÂU - HOA VĂN HƯNG

Trong Hội Thượng Chí thành lập năm 1895 và lực lượng vũ trang của Hội thành lập năm 1897 do sự cù Vương Quốc Chính làm thủ lĩnh có ba anh em ông Hoa Văn Trứ - Hoa Văn Châu - Hoa Văn Hưng đã từng tham gia chặn đánh quân Pháp ngày 7/6/1883 làm thất bại âm mưu đánh tỉnh thành Sơn Tây của chúng.

Ba ông còn đi gặp bạn bè cùng chí hướng trong vùng tuyên truyền mục đích tôn chỉ của hội Thượng Chí rồi giới thiệu với ông Tú Hanh kết nạp.

Năm 1897 khi lực lượng hội Thượng Chí đã mạnh, Vương Quốc Chính quyết định thành lập lực lượng vũ trang Hoa Văn Trứ - Hoa Văn Châu đã tuyển chọn các hội viên tích cực hăng hái, trung thành để thành lập đội nghĩa binh vùng cổ Nhuế. Hoa Văn Hưng làm nhiệm vụ trang bị vũ khí và quyên góp quân lương.

Các ông đã chọn chùa Sùng Quang một ngôi chùa được mở rộng từ thời Lê rộng tới 5 mẫu để làm nơi luyện tập quân sự cho nghĩa binh. Công việc chuẩn bị khởi nghĩa đang tiến hành khẩn trương thì Trung quân Trương Công Bình bị giặc Pháp bắt ở Hà

Nội- Hội nghị các tướng lĩnh họp ở nhà Nguyễn Hanh đã cử ông giữ chức chỉ huy Trung quân, cử Nguyễn Quý Hoan giữ chức Tiền quân thay Nguyễn Hanh, Hoa Văn Trứ - Hoa Văn Châu - Hoa Văn Hưng giữ chức Hộ lý Tiền quân.

Chuẩn bị cho trận đánh đêm 5/12/1898, các Hộ lý Tiền quân Hoa Văn Trứ - Hoa Văn Châu - Hoa Văn Hưng đưa quân từ vùng Cổ Nhuế, Nguyễn Văn Khuyến đưa quân từ Chèm lên phục sẵn trong thành phố Hà Nội để đánh chiếm các cơ quan, đặc biệt là phá nhà máy đèn. Song kế hoạch trận đánh đã bị bại lộ trước 1 tiếng đồng hồ, giặc Pháp kịp thời đổi phó, bắt hết kíp thợ điện làm nội ứng thay vào đó là lính thợ. Hầu hết các mục tiêu tấn công của nghĩa binh đều được phòng thủ chắc chắn. Cuộc tấn công không thành chỉ có mũi đánh đồn Ngọc Hà, mặc dù điện không tắt vẫn tấn công đồn và nhà tên chỉ huy Cátxiê. Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, giặc Pháp bắt được cả ba anh em họ Hoa. Chúng giết Hoa Văn Trứ chặt đầu treo ở cây gạo làng Cổ Nhuế. Còn ông Hoa Văn Châu và Hoa Văn Hưng cùng một số thủ lĩnh khác chúng đẩy ra Côn Đảo. Hai ông bị chúng hành hạ đã hy sinh ở đó.

Về sự kiện cuộc khởi nghĩa Vương Quốc Chính đêm 5/12/1898 ở Hà Nội được Lịch sử cách mạng xã cổ Nhuế (1930- 1992) viết như sau: “...Ở Cổ Nhuế, phong trào chống thực dân Pháp rất sôi động, đứng đầu là các ông Hoa Văn Trứ - Hoa Văn Châu - Hoa Văn Nhung trong nghĩa đảng Vương Quốc Chính có kế hoạch đánh chiếm thành Hà Nội, đầu não của giặc Pháp. Đêm ngày 5 tháng 12 năm 1898 cuộc bạo động đã nổ ra. Cánh quân Cổ Nhuế do ông Hoa Văn Trứ chỉ huy đã đánh chiếm được đồn Ngọc Hà. Cánh quân Đỗ Đắc Kiên ở Tây Tựu đã kéo vào Cầu Giấy, các cánh quân ở Hà Đông, Sơn Tây đã kéo vào nội thành nhưiĩg do các cánh quân đã không liên lạc được với nhau,

không có sự phối hợp hành động nên cuộc khởi nghĩa thất bại.

Thực dân Pháp ra sức đàn áp, các ông Hoa Văn Trứ, Hoa Văn Châu, Hoa Văn Nhung bị bắt. Ông Trứ bị giặc đưa về làng, chúng chém ông rồi bêu đầu lên cây gạo đầu làng, các ông khác bị đẩy đi Côn Đảo rồi không thấy trở về”.

Sau vụ này giặc Pháp triệt hạ làng Cổ Nhuế, truy lùng những người họ Nguyễn và họ Hoa. Hai họ phải chạy dạt đi các nơi, một chi nhánh đổi thành họ Văn, một chi họ Hoa chạy sang làng Quảng Bá

đôi là Vũ Hoa.

VUA THÀNH THÁI

Hoàng tử Nguyễn Phước Bửu Lân con thứ bảy của vua í Dục Đức và bà Từ Minh Phan Thị Điều lên ngôi vua ngày Mậu 1 Thân, tháng giêng, năm Kỷ Sửu (01/2/1889) lấy niên hiệu là Thành Thái.

Thành Thái vốn là ông vua thông minh và có khí phách anh hùng. Nhà vua hiểu rõ muốn đánh thắng Pháp thì phải hiểu rõ lịch sử, sự phát triển xã hội, cả về kinh tế, quân sự của Pháp. Vì vậy ông rất chăm chỉ học tiếng Pháp, chữ Pháp, đọc nhiều tân thư của Pháp, Nhật, Anh được dịch ra tiếng Hán. Vua Thành Thái chịu ảnh hưởng tư tưởng của các nhà cách mạng Nhật, Trung Hoa. Ngài tìm hiểu phong trào Duy tân của hai nước này và khao khát cải cách quốc gia về mọi mặt, những mong đưa đất nước đến chỗ phú cường, thịnh trị. Ngài bắt các hoàng thân, quốc thích học theo hướng của Trung Hoa, Nhật Bản. Nhưng những ý tưởng, chủ trương của Ngài đều bị tòa Khâm sứ ngăn trở. Vua Thành Thái có đầu óc Duy tân, không thủ cựu như các tầng lớp vua, quan thời đó.

Vua Thành Thái có nhiều lần phát ngôn chống đối người Pháp, phê phán bọn quan lại theo Pháp, quên cả Tổ quốc, quên nhân dân. Bọn cầm quyền Pháp thấy để nhà vua tồn tại không có lợi cho sự thống trị của chúng, muốn phế truất song chưa tìm được chứng cứ.

Những hành động yêu nước của Vua Thành Thái đều không qua được những cặp mắt chó săn của Trương Như Cương, Thượng thư bộ Lại, cầm đầu Viện Cơ mật ton hót với Khâm sứ Pháp để lật đổ vua Thành Thái, đưa Bửu Đảo (sau là Khải Định) con rể hấn lên làm vua. Trương Như Cương cho tay chân dò biết vua “bắt” con gái nhập cung không phải để múa hát mà là bí mật thành lập đội nữ binh, hấn ton hót với Khâm sứ. Khâm sứ Pháp cài mật thám vào nội cung. Chúng phát hiện ra một hệ thống đường ngầm dưới những đền đài, lầu các, trong ấy có bia để tập bắn cung, bắn súng. Trong số gươm, súng của đội hát để công khai trên nhà có gươm, có súng, có vũ khí thật xen lẫn vũ khí giả. Trong đại nội lại có nữ võ sư túc trực luyện tập cung kiếm cho cung nga thể nữ.

Ngày 29/7/1907 Tòa Khâm sứ bàn với Hội đồng Thượng thư thăng bỏ một số quan lại, Thành Thái không phê chuẩn. Le Vecquet được dịp tuyên bố “*Nhà vua không thành thật với Chính phủ Bảo hộ thì từ nay mọi việc Hội đồng thượng thư cứ tùy nghi mà làm*”. Le Verquet cũng báo cho vua Thành Thái: “*Từ nay nhà vua không còn quyền hành gì và không được ra khỏi nơi ở đã dành cho mình trong Đại nội*”. Một Hội đồng phụ chính được thành lập do Trương Như Cương cầm đầu. Cái Hội đồng toàn là bọn Việt gian bán nước này cùng với Tòa Khâm sứ đưa ra bản Tuyên bố chung “*Vì Thành Thái mắc bệnh điên nên hai Chính phủ đã quyết định để bảo vệ lợi ích của quốc gia cũng như của chính bản thân nhà vua*”.

Vua Thành Thái bị giam ở điện Càn Thành từ ngày 30 tháng 7 năm 1907. Mùa thu năm 1907, Toàn quyền Brôni và Khâm sứ Trung Kỳ Leveque rất e ngại về vua Thành Thái, chúng đã đày vua ra Cáp Sanh giắc cơ (Capsain Jacque - Vũng Tàu). 9 năm sau, vua cùng với vua Duy Tân bị đi đày ở đảo Réunion.

Năm 1947 vua Thành Thái đã già yếu thực dân Pháp mới cho nhà vua về sống ở Vũng Tàu và chỉ được sống ở Nam Bộ. Năm 1953 ông được ra thăm Huế lần cuối, sau đó ở lại Sài Gòn. Nhà vua mất ngày 24 tháng 3 năm 1954, thọ 76 tuổi. Thi hài của nhà vua được đưa ra táng ở An Lăng gần lăng mộ vua cha Dục Đức.

ĐOÀN VĂN CỰ

Đoàn Văn Cự sinh năm 1835 quê ở làng Bình An, Thủ Đức tỉnh Gia Định, nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh. Cha ông là một nhà nho có lòng yêu nước nồng nàn. Ông bị thực dân Pháp theo dõi rồi quê hương đến ở rừng Bưng Kiện, thôn Vĩnh Cửu, nay thuộc phường Tam Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Đoàn Văn Cự là người thông minh, học giỏi. Nhưng ông không ra làm quan mà theo nghề cha làm thuốc, cứu chữa cho dân. Khi đã về già 67 tuổi, Đoàn Văn Cự đã tập hợp những người yêu nước trong tổ chức “*Thiên địa hội*”, bề ngoài mang tôn chỉ tôn giáo, song nội dung lại là hoạt động yêu nước, vì vậy dân Nam Kỳ gọi là “*Hội kín*”.

Ông có quy định chặt chẽ trong liên lạc, thông tin, dùng dù làm tín hiệu liên lạc như:

Dù mang bên Tả, Đảng viên

Đi việc cơ mật nói riêng chủ nhà

Dù mang cái móc trở ra

Bàn sơ chút việc ghé qua đi liền

Dù mang cái móc trở vô

Phải lo cơm nước với đồ nghỉ ngơi.

Đoàn Văn Cự còn xây dựng Bưng Kiện thành một căn cứ kháng chiến, ông đã chiêu mộ nhiều danh tài hảo hán, tinh thông võ nghệ, coi việc nghĩa là việc đại sự, một lòng vì nước, vì dân.

Lợi dụng những buổi giảng đạo, ông khơi dậy lòng yêu nước, căm thù giặc trong các “*tín đồ*”, đã thành lập lực lượng nghĩa quân bí mật với một lực lượng đông đảo, được trang bị vũ khí và có lương thực dự trữ.

Trong vòng ba năm (1902-1905) lực lượng “*Hội kín*” của Đoàn Văn Cự rất đông đảo ở khắp các tỉnh Miền Đông. Nơi có tổ chức Hội mạnh nhất là từ Bình Da Chợ Chiếu, (Hiệp Hoà) đến núi Nứa (Bà Rịa).

Để chuẩn bị khởi nghĩa, ông mua súng, lập lò rèn gươm giáo. Ông thường xuyên tập dượt binh pháp cho nghĩa quân. Lực lượng nghĩa quân mau lớn mạnh hoạt động mạnh ở rừng Bưng Kiện.

Ngày mùng 8 tháng 4 âm lịch (khoảng 5/5/1905), quân Pháp do một tên đại úy chỉ huy, bao vây, mai phục tới bờ suối cầu Khi...

Vòng vây ngày càng thắt chặt. Đoàn Văn Cự như có linh tính báo trước sự việc nghiêm trọng sắp xảy ra, ông lệnh cho hai tướng Hoàng Mè, Hoàng Giáp tập trung hàng trăm nghĩa quân bố trí lực lượng bảo vệ căn cứ. Đội quân mai phục từ sáng đến tối không thấy động tĩnh gì, ông cho rằng quân Pháp đã rút liền cho nghĩa quân giải tán về ăn cơm. Nhưng nghĩa quân vừa rút thì quân Pháp thắt chặt vòng vây, khi biết rõ trong nhà cù không có ai, tên đại úy cùng vài tên lính hộ vệ tiến thẳng vào nhà cù. Khi đó Đoàn Văn Cự đang gọn gàng trong bộ quần áo uy nghi, lẫm liệt, đầu chít khăn lụa điều, lưng thắt dây lưng vải hồng, dắt đoản đao chuôi đầu hổ đang đứng trước bàn thờ tổ, thấy tên đại úy Pháp cùng hai tên lính xộc bước vào, nhanh như cắt cù xoay người rút đao chém xả vào đầu tên chỉ huy Pháp. Nhưng hắn né tránh kịp nên chỉ đứt mép tai và bị thương ở tay trái. Tên này thoát chết lập tức rút súng bắn vào Đoàn Văn Cự mấy phát, ông chết ngay trước bàn thờ Tổ.

TÀI LIỆU BIÊN SOẠN CHÍNH

Sách lịch sử:

- Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1894
- Việt sử cương mục tiết yếu
- Đại Nam thực lục chính biên, tập 34, 35, NXB Khoa học xã hội, 1974.
- Công văn tấu tập, ký hiệu A545, Thư viện Khoa học xã hội.
- Hà Nội thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Trần Quốc Vượng chủ biên, NXB Quân đội Nhân dân.
- Hội đồng lịch sử Hà Bắc: Lịch sử Hà Bắc tập I.
- Ban nghiên cứu lịch sử Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh, Những mẩu chuyện và thời niên thiếu của Bác Hồ, NXB Sự thật, 1985.
- Lịch sử 80 năm chống Pháp.
- Hà Nam nhân vật lịch sử và văn hóa
- Trần Văn Giàu: Chống xâm lăng quyển I, II, NXB Xây dựng, Hà Nội 1956
- Tôn Quang Phiệt: Phan Bội Châu và một giai đoạn lịch sử chống Pháp của nhân dân Việt Nam, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1958.
- Dương Kinh Quốc: Việt Nam những sự kiện lịch sử, tập I, NXB Khoa học xã hội.
- Nguyễn Phan Quang - Lê Hữu Phước: Khởi nghĩa Trương Định, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1989.
- Phan Trần Chúc - Lê Quế: Nguyễn Tri Phương, NXB Quốc Văn, Hà Nội, 1946.
- Ban liên lạc Cựu chiến binh Việt Nam ở Campuchia thời kỳ 1945- 1954: Quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia thời kỳ 1945-1954.
- Phan Khoang: Việt Nam Pháp thuộc sử, Sài Gòn 1974.
- Đào Đăng Vỹ: Nguyễn Tri Phương, Bộ Văn hóa - Giáo dục và thanh niên, Sài Gòn, 1974.
- Phạm Văn Sơn: Quân dân Việt Nam chống Tây xâm, Sài Gòn, 1963.
- Nguyễn Văn Hầu: Cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa, Tân Sinh, Sài Gòn, 1956.

Sách Văn học:

- Phan Bội Châu toàn tập, nxb Thuận Hóa
- Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX, NXB Văn học, Hà Nội, 1970.
- Thơ văn yêu nước Nam Bộ.
- Dương Quảng Hàm: Văn học sử yếu, nha Học chính Đông Pháp, Hà Nội, 1943.
- Đại Nam chính biên liệt truyện, Quốc sử quán triều Nguyễn
- Phan Bội Châu niên biểu
- Truyện Trương Định
- Ông Nghè, ông Công triều Nguyễn
- Sơn Nam: Bến Nghé xưa, NXB Trẻ 1997.
- Trần Văn Giáp: Lược truyện các tác gia Việt Nam. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.
- Phạm Phú Thứ với tư tưởng Canh tân, NXB Đà Nẵng, 1995.
- Trần Văn Giáp: Tìm hiểu kho sách Hán Nôm, tập II, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969.
- Nhóm Trà Lĩnh: Đặng Huy Trứ: Con người và tác phẩm, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1990.
- Kỳ Xuyên Văn Sao, bản dịch của Lê Thuộc.
- Văn học yêu nước cách mạng Hà Nam Ninh.
- Phạm Thận Duật toàn tập, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000.
- Danh nhân Thái Bình.
- Các nhà khoa bảng Việt Nam.
- Về Thái Bình.
- Vũ Ngọc Khánh: Giai thoại ông đồ, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2002.

Địa chí:

- Địa chí Bến Tre

Sách tiếng Pháp:

- André Massen: "Hà Nội, giai đoạn 1873 - 1888".
- Dulleman: Cuộc chiến tranh chống cướp bóc
- Histoire militaire de l'Indochine Francais
- Parlin Histoire de la Cochindume
- Toboulet: Le geste francais en Indochine
- P.Vial: Les première années de la Cochine (Những năm đầu ở Nam Kỳ).

- Annales de la, prapagation de la Foi
- L'Amiral Dpéet la conquête du Ton Kin Dideb.
- Histoire militaire de l'Indochinois
- Những người Pháp ở Bắc Kỳ và việc can thiệp của người Pháp.
- Xứ Bắc Kỳ và sự can thiệp của Pháp (bản dịch thư viện KHXH).

Sách tiếng Nga:

- K.Xtannhin Kêvich: Vòng quanh thế giới trên lầu Coóc xin: Tuyển tập tác phẩm, 1977.

Sách tiếng Trung Quốc:

- Dương sự thủy mạt: Bản dịch của trường Đại học Tổng hợp, Hà Nội.
- Chiến tranh Trung - Pháp, quyển 7.

Báo cáo:

- Báo cáo của công sứ Thái Bình Ô e (Auer), hồ sơ số 71, 844, F6, 686, Cục lưu trữ Trung ương.
- Simôni: Báo cáo gửi Toàn quyền Đông Dương.
- Thư tín chính trị (Contes pondances pliliquen) (Thư của De Vile gửi cho Henririvière).

Tạp chí:

- Tạp chí Nghiên cứu lịch sử các số 3/1977; Số 2/1990, số 4/1994, số 6/2000.
- Tạp chí Xưa và nay số 223 tháng 1/2004; số 223/2005.
- Tạp chí Toàn cảnh số 5/1999.

Gia phả:

- Gia phả họ Lê Xuân ở Rạch Giá.

Hết tập 4